



MUỐN BỒI BỔ ÓC...

TĂNG CƯỜNG
TRÍ NHỚ...



NÊN DỪNG THUỐC...

NEURO TONIC

CÔNG HIỆU NHƯ **THẦN**

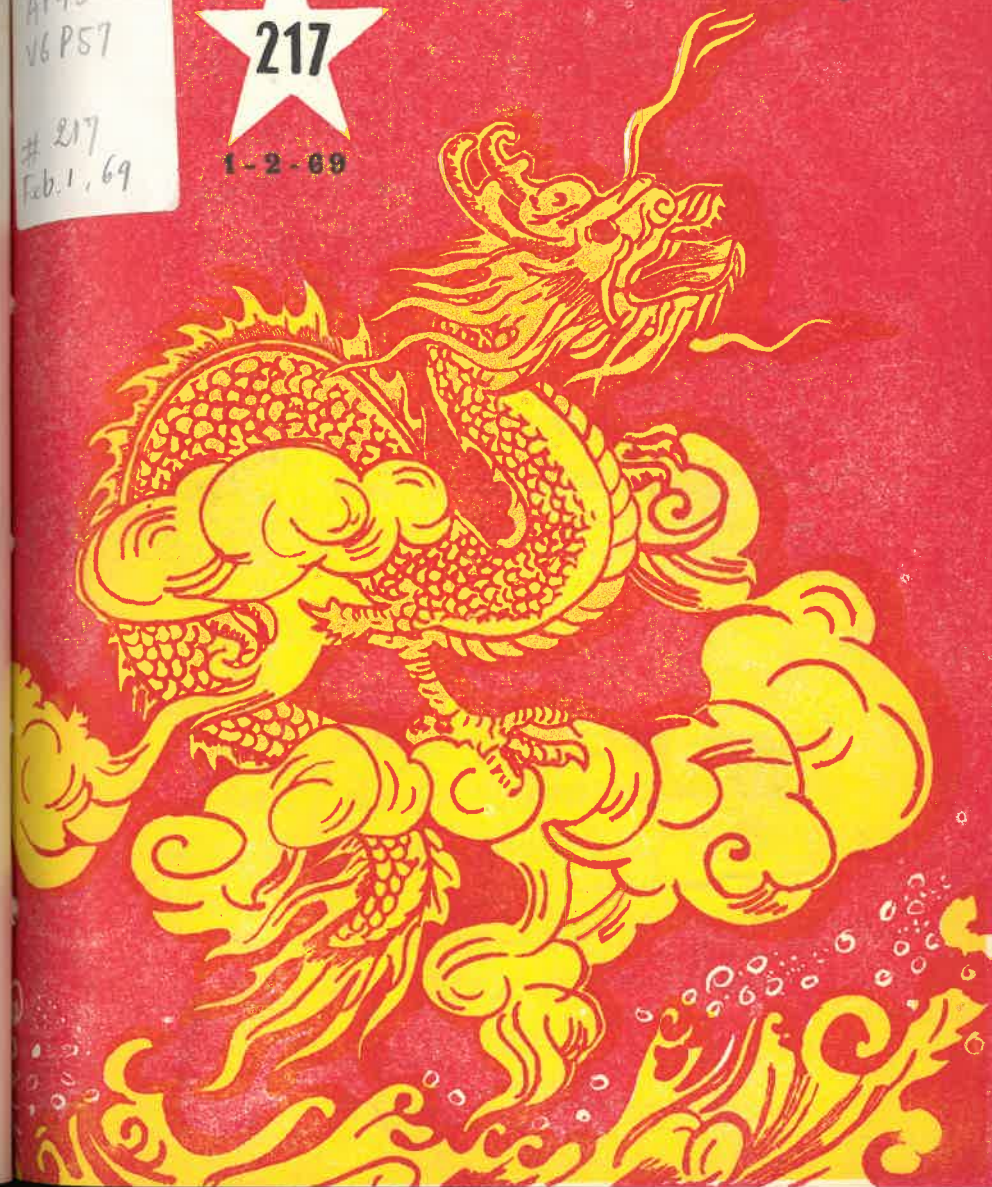
PHỔ THÔNG

XUÂN KỶ-DẬU

Wasm
AP95
V6 P57
217
Feb. 1, 69



1-2-69



Mơ nguồn

Nguyện - cầu toàn Dân-tộc
Luật Khá? vận hội - Sinh
Nết bi - sâu hung-tộc
Thoát yểu - mong đạo binh

Rồng Vang, máu Long-Nữ,
Hồn Việt Quốc thiêng - liêng
Kiên - hùng giông huyết - sử,
Dung chuyển mình vùng lên.

Dập lửa thù ngọt - ngọt
Quét bạo lực xâm - lăng,
Đem từ - Do, Hoan - Lạc,
Cho Nòi - Sông hiền - ngang.
Kỳ Nguyễn Lạc Long
năm 1948

M. H.



PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VẠN HOA VIỆT NAM
PHO BIEM VẠN HOA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Xã-luận	Nguyễn-Vỹ	
1- Xuân với nhà Cách mạng	Lê-xuân-Giao	11-18
2- Giở giao thừa	Nguyễn quang Tổ	19-26
3- Những giai thoại	Đông Tùng	27-33
4- Xuân lạnh (thơ)	Diệp thanh Tử	34-35
5 - Bức thư Paris	Nguyễn văn Cồn	36-39
6- Tết về chơi Bình Định	Hoàng Hải	40-44
7- Thơ Tết độc đáo	Mai Phong	45-48
8- Áo Ảnh (thơ)	Thế Đạm	49
9- Những đức tính	Nguyễn văn Bông	50-52
10- Gà trong thơ	Lương trọng Minh	53-57
11- Người đi trong đêm Xuân	Đăng hữu Hồ	58-63

12- Xa vời.	(thơ) Hoàng Thắng	64
13- Những vần thơ Tết	Tôn nữ Hỷ Khương	65-73
14- Dã Sữ dưới thời M.M.	Nguyễn tử Quang	74-84
15- Xuân của chúng mình	Lý thuy Ý	85-91
16- Hồn pha lê (thơ)	Mạch quế Hương	92
17- Ý nghĩa tranh tết	Triều-văn-Tử	93-105
18- Sở trường và sở đoản	Phạm văn Sơn	106-124
19- Giấc mơ đêm giao thừa	Thu Mai	125-131
20- Sách báo mới		124-126
21- Hồ xuân Hương	Nguyễn Vỹ	132-139
22- Trạng ti Hon	JAYA PANRANG	140-151
23 - Tình gửi Hương Xuân	Phương Đài	152-155
24- Minh ơi	Diệu Huyền	156-165
25- Rời mùa xuân (thơ)	Thanh Nhung	166-167
26- Xuân thiên văn	Võ quang Yến	168-175
27- Yêu nước buồn khóc xuân	Ng bá Thế	176-181
28 - Ngày xuân	(thơ) Bích-Hồ	182
29- Chiến tranh đã cướp bàn tay nàng Soli		183-190



Kỷ-nguyên

RỒNG VÀNG

LỊCH-sử chứng minh rằng Dân Tộc Việt Nam là Giòng Dõi Long nữ Thần.

Người đàn bà đầu tiên đã sinh ra Nòi giống Việt-Nam, 2879 năm trước D L., là LONG-NỮ, kết duyên với Kinh-Dương Vương, và con trai đầu lòng lên Ngai Khai quốc là LẠC-LONG QUÂN, thân phụ của HÙNG VƯƠNG ĐỆ NHẤT.

Như thế, RỒNG là yếu tố lịch sử, nguồn gốc của QUỐC-GIA và-DÂN-TỘC VIỆT NAM.

Trải qua các thời đại, Vua Chúa Việt Nam kế tiếp trị quốc đã dùng RỒNG làm biểu hiệu riêng của quốc vương. Nhưng ngày nay Quốc Gia Việt Nam không còn là của riêng một Triều-đại vua chúa, hay một Tộc hệ nào. Nước Việt Nam cũng không phải của riêng một đảng phái như ở Miền Bắc hiện nay.

Quốc gia Việt Nam là Gia-Sản Chung Của toàn-thể Dân Tộc Việt Nam, 34 Triệu Người, Con Cháu của Long Nữ Thần Mẫu.

Rồng Vàng là tượng trưng tinh thần Quốc Gia thuần túy của Dân tộc Việt Nam Vĩ Đại, là sức mạnh vùng dậy toàn diện của Toàn Thể con dân Việt Nam để cứu nguy Tổ Quốc, không chấp nhận chủ nghĩa Cộng-sản, cũng như chủ nghĩa Đế quốc Thực dân.

Chủ thuyết Rồng Vàng là Chủ Nghĩa Quốc Gia Thoát Thân Từ Sức Mạnh Huyền Bị, Mẫu Nhiệm, Của Nòi Giống Long Nữ Thần.

GẦN 50 thế kỷ. Dân tộc Việt Nam đã năm bảy phen bị Đế quốc thực dân dùng võ lực xâm lăng, đè nặng gông cùm nô lệ. Nhưng rốt cuộc, Sức Mạnh Thiêng Liêng Mẫu Nhiệm của Rồng Vàng, tiềm-tàng trong dòng máu của Con Cháu Long Nữ Thần-Mẫu đã luôn luôn vùng dậy tiêu diệt kẻ thù. Khi phách Rồng Vàng đã nung nấu nhiệt huyết của Trưng Trắc, Lê Lợi, Hưng Đạo, Quang Trung, phất cờ Rồng Vàng khởi nghĩa, tiêu diệt Đế quốc thực dân Tàu. Tinh thần oai dũng Rồng Vàng đã làm động cơ thúc đẩy toàn thể dân ta tiêu diệt Đế quốc Thực dân Pháp. Và mãi mãi trong tương lai Hồn Thiêng của Rồng Vàng sẽ phò trợ nhân dân Việt Nam tiêu diệt bất cứ kẻ thù xâm lăng từ đâu đến, Cộng sản hay Đế quốc tư bản thực dân.

Trong Lịch sử dân ta, cứ mỗi lần nhân dân đắm chìm trong mộng ảo, say mê trong truy hoan, bại hoại tinh thần, loạn cuồng tư tưởng, là mỗi lần bị kẻ thù xâm chiếm dễ dàng, giết hại đồng bào, đốt cháy nhà cửa, Nhưng khi Hồn Thiêng của Long Nữ Thần đánh thức tinh thần Dân Tộc, sức mạnh Rồng Vàng vùng dậy, thì nhân dân quật khởi, quân đội quật cường, xua đuổi xâm lăng, bảo tồn vận mệnh Quốc Gia.

Chủ Nghĩa Rồng Vàng đã được chứng minh hùng hồn trong ý thức hệ Thiêng Liêng Mẫu Nhiệm ấy : ý thức kiêu hãnh chính đáng của Núi Giồng Long Nữ Thần, ý thức hiển hách vinh-quang của Đất Nước Lạc Long, Hùng Vương. Nhờ ý thức đó mà Lịch Sử Rồng Vàng liên tục trường cửu trong huyết thống trường thẳng, bất diệt, gần 4850 năm oanh liệt dưới trời Đông-Á,

Bản thờ Tổ-Quốc, đúng theo nguồn gốc Lịch sử Việt Nam, là bản thờ Long Nữ Thần Mẫu, Hồn Thiêng của Đất Nước Rồng-Vàng.

Chủ Thuyết Rồng Vàng là chủ nghĩ a Quốc gia Thiêng Liêng căn bản trên lòng Tôn Thờ Mẹ Việt Nam.

Dân tộc Việt Nam, dòng dõi Long Nữ Thần, là dân tộc Rồng Vàng.

Bởi có dòng máu Thần Mẫu Long Nữ trong tim, trong óc, cho nên nhân dân Việt Nam không chấp nhận một chủ nghĩa chính trị nào của ngoại bang. Không chủ nghĩa ngoại lai nào thích hợp với truyền thống của Dân Tộc Việt Nam Trường cửu Vĩnh Đại.

Chúng ta đánh đổ chủ nghĩa thực dân của Pháp,

Chúng ta cũng cương quyết từ chối chủ nghĩa cộng sản, bất cứ của Trung hoa hay Nga Sô, hoặc của đệ tam hay đệ tứ quốc tế.

Chống lại hai chủ nghĩa để quốc xâm lăng: thực dân và cộng sản, chúng ta đặt sức mạnh tin tưởng vào chủ nghĩa Rồng Vàng. Đó là tín điều duy nhất cứu nguy Nhân dân ta,

Đây là 4 điểm tương phản giữa chủ nghĩa Rồng Vàng thuần túy của nhân dân Việt Nam và hai chủ nghĩa ngoại lai, thực dân và Cộng sản, theo kinh nghiệm lịch sử dân ta.

A) Thực dân và cộng sản cướp đoạt tự do cá nhân của con người và nô lệ hóa Nhân dân Việt Nam.

Chủ nghĩa Rồng Vàng bảo vệ tự do cá nhân của người con nước mẹ và giải thoát nhân dân khỏi gông cùm đế quốc tư bản thực dân và búa liềm cộng sản.

B) Thực dân và Cộng sản chia rẽ nhân dân thành giai cấp : giai cấp thống trị và bị trị, giai cấp tư bản và vô sản, gây ra giai cấp đấu tranh và chiến tranh Đế quốc.

Chủ nghĩa Rộng Vàng thực hiện ý chí đại đoàn kết nhân dân Huynh đệ, loại trừ căm thù và đấu tranh giai cấp, giải quyết chiến tranh do cộng sản gây ra, thu hồi hòa bình tự do chiến thắng.

C) Cộng sản và thực dân đều chủ trương độc tài khủng bố, tàn bạo bất Công.

Chủ nghĩa Rộng Vàng xây dựng tự do, công bằng, bác ái, trong tinh thần tiến bộ và nhân dân huynh đệ.

D) Cộng sản và thực dân làm cho đời sống nhân dân ngọt ngạt hận thù khủng khiếp.

Chủ nghĩa Rộng Vàng nâng đỡ người nghèo trở nên giàu, không trở thành có, kiến tạo tự do hạnh phúc thái bình cho mọi người dân. Việt Nam trong tình thương nhân dân huynh đệ

Rộng Vàng tượng trưng cho mùa xuân vĩnh viễn của dân tộc Việt Nam vĩ đại, Việt Nam trường cửu bất khuất bất diệt. Rộng Vàng là quốc gia Việt Nam của nhân dân Việt Nam chứ không phải của Đế quốc ngoại bang, trắng hay đỏ.

Đầu năm mới, toàn thể nhân dân Việt Nam Tự Do nguyện cầu Hồn thiêng của mẹ Việt Nam phù hộ cho nhân dân phần khởi cương quyết bảo vệ mảnh đất tự do của lịch sử Rộng Vàng.

Rộng Vàng đang chuyển mình vùng lên trong nắng ấm mùa Xuân.

Kỷ nguyên Lạc Long, năm 4848



XUÂN VỚI NHÀ CÁCH MẠNG

Bài của Hồng-Liên-Lê-xuân-Giáo

Thấm thoát tang tác vừa qua, trăm hoa đua nở, cảnh vật tung bừng và rộn rịp như đề đón mừng một mùa xuân mới mẽ đương từ từ tiến về với muôn người muôn vật.

Trong khi đang chờ đợi đề chào mừng một mùa xuân huy hoàng với niềm hy vọng chứa chan, thời biết bao nhiêu những kỷ niệm nồng nàn về các mùa xuân trước tự nhiên lại trở về dồn dập trong đầu não tôi, làm cho tôi càng nghĩ càng nhớ, càng nhớ càng tưởng tượng lại như sự việc vừa xảy ra hôm qua hay hôm trước đây.

Về những mùa xuân đã qua,

đặc biệt nhất tôi nhớ mùa xuân năm Ất Sửu (1925) cách xuân nay vừa đúng bốn mươi bốn năm trường.

Nguyên mùa xuân năm Ất Sửu ấy, tôi mới thi vào trường Quốc Tử Giám (trường Đại học của Nam Triều ngày xưa) ở Huế vừa được ba tháng, và độ ấy nhà chí sỹ ái quốc Phan sào Nam Tiên sinh mới được đưa từ Hanoi vào đất Thần kinh chưa đầy một tháng.

Tết năm Sửu ấy, anh em sinh viên chúng tôi quyết định lên Bến Ngự (cách đàn Nam giao hơn một cây số) kính thăm

Phan Tiên sinh, đồng thời cung chúc Tiên sinh Khang an trường thọ...

Đến Bến Ngự ngoài đường cái gần nơi Phan Tiên sinh ở, chúng tôi thấy xe qua ngựa lại dập diu và lảng vảng mấy tên lính mã tà (tức mật thám) người Việt Nam với cặp mắt tò mò nhìn liếc ; thỉnh thoảng lại thấy một hai người Pháp lên lên xuống xuống còn chăm chú nhìn khách qua đường.

Vào nhà Phan Tiên sinh ở - một cái nhà nhỏ lợp tranh - chỉ có mấy chồng sách trên bàn và một ít đồ dùng hằng ngày như bình pha trà, đĩa, chén uống nước v.v... và mấy cái ghế ngồi : ghế dài có, ghế một người ngồi cũng có.

Giữa nhà Tiên sinh, thấy cụ Tập Xuyên Ngô đức Kế, cụ Minh-viên Huỳnh thúc Kháng; Bác sĩ Trần đình Nam, Đốc học Nguyễn đình Ngân, (quê làng Phương

đình, phủ Hoằng hóa, tỉnh Thanh hóa, Cử nhân Hán học và là giáo sư Hán văn tại trường Quốc tử Giám), Giáo sư Lê Ấm (rẽ cụ Tây Hồ Phan Chu Trinh, quê ở tỉnh Quảng Nam, giáo sư toán pháp tại trường Quốc tử Giám) và mấy người lạ mặt nữa đang ngồi nói chuyện tâm tình.

Ngoài cửa, thấy rất đông nam nữ giáo chức cùng nam, nữ sinh viên và học sinh các trường Khải Định, Đồng Khánh, tới để chúc mừng năm mới cho Phan Tiên sinh.

Sau khi các đại diện các nam, nữ giáo chức và anh em nam nữ học sinh mừng tuổi Phan tiên sinh và chúc Tiên sinh được sống lâu và giàu sức khoẻ để diu đất quốc dân đồng bào... thời Phan Tiên sinh trong bộ đồ quốc phục, với giọng nói đặc biệt Nghệ an, cũng đáp lời lại và chúc cho tất cả mọi người đều được nhiều may mắn... Tiên

sinh lại khuyên nhủ các học sinh chăm chỉ học hành và trau dồi đạo đức để giúp ích cho giang sau Tổ quốc sau này.

«Bến án mấy tiền gà sừa đố.
Chim trên cành vừa tổ ý chào mừng ?
Xuân đi / xuân có biết chăng ?
hẹn cùng sông, buồn cùng núi, tái cùng trần



Tiếp đó, Phan Tiên sinh khẩu chiếu hai bài ca trừ về Tết Ất Sửu như sau :

Bài thứ nhất

Hai mươi năm lẻ đã từng phen cha
oái chán
rệt bề hầy còn thân sống sót.

Tháng ngày khudy oít bạn đầu xanh.
 Thừa các cô / các chị / càng các anh /
 Trời đã mới thời mình nên mới mới.
 Trương mắt thấy rõ ràng tân vận hội.
 Xum tay vào gánh vác cựu giàng sơn.
 Đi cho êm, đứng cho vững, ru cho gan
 Giây đoàn thể quyết ghe phen thành
 nghiệp mới

At hữu chí nên từ đây gắng gỏi.
 Cốt lối xưa mà tu đường lấy tinh thần.
 Kề gì chơi, kề gì mặc, kề gì ăn.
 Đức gan sắt để d i non lấp bẻ.
 Xốt máu nóng rửa vết dơ nê lệ.
 Thế mới gọi là mới hời Chư quân.
 Chữ rằng : «Nhật nhật tân, hựu nhật
 tân»

Bài thứ hai :

Thấy người tốt, ta đây cũng tốt.
 Tê hay oui, ai biết chăng ai ?
 Tết ta so oít tết người.
 Bên cười hấp hối, bên cười mai xưa
 Chim xoàng xoàng, hoa chũ chũ, nguyệt
 bơ bơ.
 Người tâm sự trông xuân càng bờ
 ngõ.
 Hơi độc bít bùng mây núi Ngự.

Sóng dơ chền chũ nước sông Hương.
 Xuân sao xuân khéo bẽ bàng !
 Non sông diêm ngọc tô vàng cho ai ?
 Thừa các anh / các chị / và các ngài /
 Đáng khóc hay đáng cười xem thế
 thế ?
 Ai là chủ ? Ai là thầy ? Ai là tớ ?
 Non sông này mang một lối cu li.
 Sống không, sống có vui gì ?
 Trông các bạn thanh niên mà sống
 rón.

(Còn 4 câu nữa, vì lâu ngày quá
 nên quên mất).

Chi tốc ký xong hai bài ca trù
 về Tết kể trên, chúng tôi lại
 nữa nỉ xin Phan Tiên sinh cho
 nghe lại mấy tác phẩm do Tiên
 sinh ngẫu chiếm đề tự điều
 trong lúc bị nghiêm giam ở nhà
 lao Hỏa lò Hà nội đề chờ ngày
 hành hình, Tiên sinh liền chấp
 thuận một cách vui vẻ, và đọc
 cho chúng tôi biên chép. (Xin
 xem ở sau).

Như mọi người chúng ta đều
 biết, Soà Nam Phan Tiên sinh

trong thời gian tích cực hoạt,
 động cách mạng để cứu quốc từ
 1905 đến 1925, đã hai lần bị nhà
 đương quốc Pháp ở Đông dương
 kết án tử hình vắng mặt :

Một lần sau khi xảy ra vụ ném
 bom giết viên Tuần phủ Thái
 bình và ở Hà nội Hotel năm
 1913 ;

Một lần sau vụ Thái nguyên
 khởi nghĩa năm Đinh Ty (1917)
 và vụ Liệt sỹ Phạm hồng Thái
 ném bom giết hụt Toàn quyền
 Merlin ở Sa điện (thuộc tỉnh
 Quảng châu Trung Quốc).

Đề lấy lòng bọn thực dân Pháp
 Đô đốc Long tế Quang bắt Phan
 Tiên sinh trên đất Trung hoa và
 hạ ngục Tiên sinh trên bốn năm
 trời, không hề gicông pháp quốc
 tế.

Vào khoảng đầu tháng 7 năm
 1925. Phan tiên sinh bị một bọn
 thám tử Pháp bắt cóc tại ga Bắc
 trạm trên chuyến xe lửa từ Hàng
 châu về Thượng hải, rồi bị giải

thăng về Hanoi giam cầm một
 cách hết sức nghiêm mật để chờ
 ngày thi hành 2 bản án tử hình
 kể trên,

Cho nên trước phiên tòa đại
 hình đặc biệt ngày 23-11-1925,
 Phan tiên sinh khảng khái nhận
 lãnh bản án tử hình, không hề
 ký giấy xin ân xá,

Lúc bấy giờ, Phan tiên sinh
 cũng như một số đồng người
 trong nước cứ đinh ninh trong
 lòng thế nào bọn thực dân gian
 ác người Pháp cũng thanh toán
 Tiên sinh là cái đình ở trước
 con mắt của chúng đã lâu ngày
 nên chỉ Tiên sinh mới làm ba
 bài thơ từ tuyệt (4 câu mỗi bài)
 và 1 đôi câu đối đều bằng Hán
 văn đề tự điều như sau :

«Nhứt lạc nhân hoàn lục thập niên.
 Hào phùng kim nhật, liễu trần duyên,
 Bình sinh kỳ khí ới hà hứ ?
 Nguyệt tại giang tâm oán tại thiên.»

Xin phỏng dịch như sau :
 «Sống trên ôi thế sáu tuần nay.)

Rủ sạch trần duyên hẳn dịp may.

Kỳ khí bình sinh làm cóc nhái ?

Trên sông vầng nguyệt, giữa
trời mây.»

«Kỳ bất sinh trừ thiên hạ hoạn,

Ná kham từ lụy hậu lai nhân.

Hảo phùng hồ khẩu hoàn dư nguyệt?

Khởi nhượng Di, Tề nhất cá thân.»

Xin phỏng dịch như sau :

«Sống có trừ xong hoạn nạn đâu.

Nỡ đành chế, để lụy người sau.

Miệng hàm kết liễu lòng ta muốn.

Sơ vứt Di, Tề để kếm nhau.»

«Thống khắp giang sơn dữ quốc dân.

Ngu trung vô kế khởi trâm luân.

Thử tám ọ liễu, thân tiên liễu.

Tu hướng tuyền đài ngộ cố nhân.»

Xin tạm dịch là :

«Than khóc non sông sôi quốc dân.

Ngu này không kế khởi trâm luân,

Lòng ta còn vướng, thân rời trước,

Thẹn xuống đài vàng gặp cố nhân.»

Sau đây là đôi câu đối tiếp theo

3 bài thơ kể trên mà Phan tiên

sinh cảm nghĩ đề ự điều trong

lúc ở nhà giam Hỏa lò :

«Sinh bất năng trừ thiên hạ hoạn, từ

bất năng khoái ý trung cừu, thế hậu du

du, Lam thủy Hồng sơn hoa thảo lệ.

Tiền chi nhứt hỷ mạc phương chung,

hậu chi nhứt ưu đài chính hi, bức nhân

đốt đốt, Âu phong Á vũ hải giang

triều.»

Nghĩa là :

«Sống đã chẳng trừ xong nạn nước

nhà, chết mà còn trơ những kẻ thù

trước mắt, mối hận ấy không biết bao

giờ cho người ? Núi Hồng sông lam,

cỏ cây đều chứa chan giòng lệ, Từ đây

về trước, tưởng hát đã hạ màn, từ nay

ở sau đài đưa ờa mờ hội; Cảnh mới

này xô đẩy người càng ghê gớm ? Mưa

Áu gió Á, sóng bể đều ạt vào ngọn

triều.»

— Nhưng trước cao trào của

nhân dân Việt nam ở trong và

ngoài nước cũng như nam, nữ

học sinh các trường khắp ba kỳ,

và các nhà cách mạng Việt nam

ở Pháp mới trở về nước nhà

như cụ Tây hồ và cụ Phan văn

Trường, cho đến các nhà chính

trị, các bậc thân sỹ ái quốc ở

Còn đảo mới được trả tự do như

Cụ Ngô đức Kế, Cụ Huỳnh thúc

Kháng v.v., đều đứng lên nhưt

tề đội ân xá cho nhà chí sỹ họ

Phan suốt đời đã cúc cung tận

tụy vì dân vì nước, cho nên

Toàn quyền Đông dương người

Pháp lúc ấy là Varenne đành

phải nhượng bộ, phải ân xá Tiên

sinh, rồi đưa tiên sinh về

quản thúc ở đất Thần kinh Huế

cho đến khi Tiên sinh từ trần.

Lúc thoát án tử hình rồi,

Phan tiên sinh còn cảm mộtđội

câu đối nữa đại để phàn nàn

không được chết đi cho rồi đời.

Câu ấy như sau :

«Thất bại chi thị dạ ? phong đào

tân kỳ, lịch thien nhai địa dốc, nhị

thập dư niên, nhứt từ cánh vô thành.

quyền huyết sơn hà oán cộng bích.

Tinh thần y nhiên nhị, bất mặc tung

hoành, tinh Á kiệt Âu anh, sơn thiên

lý ngoại, tái sanh chung hữu hạnh, nhai

quyền thế giới nhứt tranh hồng.»

Nghĩa là :

«Thất bại đến thế ư ? sóng đào trôi

nổi bạo phen, trải chân trời góc bể, hai

mươi mấy năm ; một lần chết chửa

xong xuôi, máu cuốc chày chứa non

sông, chòm mây cũng nhuộm đỏ.

Tinh thần còn nguyên vẹn, bút mực

ngang tàng mấy độ, cùng Á kiệt Âu anh

ngoài ngàn vạn dặm ; Kiếp tái sinh họa

may mắn, quyền người tung bồng thế

giới, oàng nhứt càng sáng ngời.»

Đọc chọ chúng tôi chép xong

câu đối này rồi, Phan Tiên sinh

lại đọc thêm hai câu Đường thi

nữa để kết thúc câu chuyện

mừng tuổi Tiên sinh. Hai câu cổ

thi ấy là :

«Cộng ta nhân sự vô thường định.

Thả hỷ niên khoa khứ phục lai.»

Nghĩa là :

«Buồn cho việc thế đời thay.

Mừng cho xuân nhứt ngày nay lại về.»

Nói tóm lại, từ xuân Ất sửu

đến xuân này, xuân qua xuân

lại, biết bao nhiêu lần, sao đời

vật đời, sông cạn đá mòn, lắm phen hưng phế rừng rợn, nhiều cuộc tang thương khùng khiếp thế mà những lời tâm huyết xuất tự can trường phế phủ của nhà chí sĩ nhân chính, và ái quốc nhiệt thành là Phan sào Nam tiên sinh đến nay vẫn còn in sâu trong tâm hồn của tôi không vì không gian và thời gian mà phai nhạt đi được. Thế mới biết ở đời, những cái gì có chân giá trị — lời nói hoặc việc làm thời vẫn trường tồn mãi mãi

mặc dù thế cuộc đổi thay và thời vận biến chuyển.

Hiện nay, với nền hương lòng giữa ngày xuân, tôi cầu mong cho giang san linh tú của nước Việt Nam thân yêu của chúng ta huy đức nên những bậc vĩ nhân như Phan sào Nam Tiên sinh để sớm đưa nước nhà vượt qua khỏi cơn chính chiến nguy nan, và tiến đến cảnh thanh bình thịnh vượng- ngổ hầu chen vai kịp bước với liệt cường, cho khỏi hổ thẹn tiếng giông đời Tiên long muôn thuở.

Hồng Liên LÊ XUÂN GIÁO



Dùng Midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Giờ giao thừa TRONG LỊCH SỬ cách mạng Việt - Nam

● Nguyễn Quang Tô

* Ý nghĩa giờ giao thừa

Giao; giao lại, liền lại, tảo trừ

Thừa: là tiếp nhận, thừa nhận.

— Giao thừa là gì?

Thiên Nguyệt lệnh, kinh lệ ký giải thích rằng: Giờ giao thừa là thời gian chuyển tiếp giữa năm cũ và năm mới, tức là cuối giờ Hợi bước sang giờ Tý (12 giờ bước sang 1 giờ).

Sách «Trung quốc Thiên thần

ược truyện» ghi rằng: cứ mỗi năm thì trên Ngọc Hoàng lại sai một thiên thần xuống trần gian coi việc cho thế gian. Cứ hết năm thì đổi. Giờ giao thừa tức là giờ bàn giao công việc giữa ông Thần mới và ông Thần cũ. Ta cúng giao thừa tức là làm lễ đưa ông thần cũ đồng thời rước ông Thần mới. Tiện đó ta cúng tổ tiên ta luôn.

Vì ý nghĩa trọng đại trên, mà giờ giao thừa đối với người Đông phương xưa kia được coi là vô cùng hệ trọng.

Tuy vậy, đối với người cách mạng Việt Nam với lý tưởng: «TĐ quốc trên tđ tiên; Dân tộc trước gia tộc» (TĐ quốc cư tổ tôn chi thượng, dân tộc tại gia tộc chi tiên: Tôn trung Sơn). Những con người như thế vẫn luôn luôn làm việc diệt thù cứu nước kể cả giờ phút thiêng liêng giao thừa.

Với một sử liệu không lấy gì làm đầy đủ, cộng với một số sự việc trong trí nhớ, chúng tôi cố gắng biên soạn bài này để công hiến bà con cô bác trong dịp đầu xuân Kỷ Dậu — xuân con gà — . Tên phản quốc Nguyễn doanh Căn phải đền tội giữa đêm giao thừa (1890)

Nguyễn doanh Căn, đỗ Phó bảng, người huyện Nam Đàn (Nghệ An) làm Tri huyện ở huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đồng lõa với tên Cao ngọc Lễ, giúp

tên Công sự Thanh Hóa trong việc bắt nhà cách mạng Căn Vương ở tỉnh này — Tổng Duy Tân —

Theo thể lệ ngày xưa làm quan phủ huyện, ngày 25 tết, tức là ngày quan sắp ấn dề về quê ăn tết.

Chiều tối ngày 30 tết thì Doanh Căn về tới làng, tiếp đó nhà quan huyện giết bò, mổ heo để sắm sửa Tết.

Khi gần tới giờ Giao thừa, quan huyện đang chằm chệ ngồi trên bộ gụ thì tình cờ có 3 hiệp sĩ, người của đảng cần vương Nghệ An, theo lệnh của tòa án «MINH NGHĨA» vào nhà thộp cổ Nguyễn doanh Căn đem ra đồi núi Tán, rồi tuyên đọc bản án tử hình cho Căn nghe và hành quyết luôn đúng vào giờ giao thừa (1890)

•••

Tên tàu cầu Nguyễn Điem bị hành quyết giữa đêm giao thừa năm 1897

Nguyễn Điem, người xã Xuân Liễu huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Nguyễn Điem đậu cử nhân làm hậu bị ở Nam triều. Vừa làm quan và cũng vừa a ăm mật thám cho tên công sứ Nghệ An để rình mò phá hoại những cuộc cách mạng.

Năm 1897, năm dQ Thân sĩ Nghệ Tĩnh tổ chức một cuộc khởi nghĩa khôi phục thành VINH, do nhà Cách mạng Phan-Bội-Châu chủ động, trong khi công cuộc đang tiến hành, thì có «liệp ngao» Nguyễn Điem đánh được hơi mới mật báo cho bọn thực dân Pháp. Được mật báo, chúng đề phòng cẩn mật, kết quả cuộc khởi nghĩa này thất bại và mấy nhà cách mạng như: Quảng Phấn ? Thạch Phong, Cô Bạch Liên và

một số khác nữa bị bắt đày đi Côn Lôn.

Nguyễn Điem được thăng chức bổ làm Tri huyện. Tết năm dQ Điem về nhà mở tiệc khao mừng linh đình, định sang năm mới lên đường đi làm quan.

Chẳng dè đúng giờ giao thừa năm đó (1897) vâng lệnh nghĩa đảng cách mạng, nhà hiệp sĩ Nguyễn thức Đường, lúc đó mới có 16 tuổi cùng với 2 hiệp khách trẻ tuổi khác, vào tận nhà lói Nguyễn Điem ra tại cầu ở đầu làng Xuân Liễu, gọi là cầu Phụ Đổng, đề thi hành tử án. Giết xong, đem xác Điem nhét xuống gầm cầu. Cho mãi tới chiều hôm sau các nhà chức trách Pháp Nam, mới tìm được xác Điem. Nhưng vẫn tìm không ra thủ phạm.

Cha con tên khốn kiếp Cửu Châu bị đền tội ở «Nhùm ba Lạt» (Biên giới Lào Việt) giữa đêm giao thừa

Cha con Cửu Châu, là phạm nhân trong vụ thực dân Pháp bắt nhà cách mạng nhà cách mạng trọng yếu — Cụ Đặng Thái Thân tức Ngư Hải — Ông này bị bắt, đàng cách mạng lúc bấy giờ như bị gãy mất cánh tay phải và các cụ ở Nhật ở Tàu cũng bị mất đi một tay chèo chống ở quốc nội.

Năm đó cụ Ngư Hải về Phan thôn hoạt động, 2 con chó săn của Pháp hít được hơi nên phi báo ho. Pháp biết.

Trước khi bị vây kín cụ Ngư Hải đem tất cả tài liệu quan trọng mang trong người hủy hoại hết rồi ông mới dùng súng lục bắn vào mang tai mà tuân tiết.

Kết quả cho contên Châu, là phạm canh đồng, được Pháp khenthuởng sắc Cửu phẩm, nên mới gọi là «Cửu Châu».

Cửu Châu thấy mang tiếng tăm to quá sợ bị đàng cách mạng giết. Nhân dịp nhân dân sắm tết cha con nhà hấn lên trốn lên Lào định đi cho mất tăm mất hơi. Không ngờ cũng vẫn không lọt khỏi con mắt theo dõi của nhân dân.

Tối 30 tết năm đó, cha con hấn vào nằm nghỉ trọ ở một cái quán có tên là Nhùm ba Lạt tức là biên giới Lào-Việt cách Vinh hà 190cs, cách Thakhek (Lào) 110cs.

Đáng vào giờ giao thừa, trong khi nhà chủ quán trọ đang cúng



là giao thừa thì có hai hiệp khách chạy thốc vào quán lái cỗ cha con Cửu Châu ra rừng đâm chết sau khi đã được nghe đọc bản án tử hình.

Hai hiệp khách này là Ngô Xuân Trang và Trần đức Hiệt tên thường gọi là Trang-Hiệt.

chợ gò an dưng đúng giờ giao thừa giữa hai năm Mậu Thân và Kỷ Dậu (1909 - 1910) có ba đôi cánh cửa «Hùm Thiêng Yên Thế»

Trên 10 năm cuộc chiến tranh cải rãng lược giữa nghĩa quân Hoàng hoa Thám với quân đội Thực dân cướp nước của Pháp ở Đông dương chưa đem tới một kết quả nào.

Con hùm thiêng rừng Yên thế, khi hiện, khi ẩn, khi chiến, khi hòa đã làm cho bọn Pháp cực nhọc bối rối.

Toàn quyền Du me (Doumer) tin vào tài năng của Đại tá Bataille một vị tướng giỏi về khoa chinh phục bình định. Cụ Toàn quyền Đông dương rất tin tưởng Bataille sẽ tiêu diệt được nghĩa quân Yên thế để rồi đem con hùm thiêng nhốt vào cũi sắt và sau đó sẽ đày đi Phi Châu hay Tân thế giới, hay chặt đầu bêu chợ,

Ví thực ra lúc đó, bạo quyền thực đã quảng được xiềng xích nô lệ vào đầu vào cổ hầu hết đồng bào Việt nam. Chỉ còn nơm nớp lo âu vì một khâu vực đã phải nhường cho một kẻ thù không đội trời chung với chúng là Hoàng hoa Thám

Họ Hoàng chỉ có một câu: «Thám ông chỉ có một câu «Thề cùng giặc Pháp có tao không mà»
Và : «Thám ông chỉ có câu này «Thề cùng giặc Pháp có mày không tao»

Được lệnh Toàn quyền Đông dương phái khiến Đại tá Bataille cầm đầu quân đi quyết trống mái tử sanh với họ Hoàng. Lần này gã cũng vẫn đã biết tự lượng, biết người biết ta là một việc làm không phải dễ vì từ trước tới nay có ai đánh bại được họ Hoàng được một trận nào đâu.

Con hàm thiêng Yên Thế, mới lối đánh mưu trí tài giỏi của ông với một số nghĩa quân không lấy gì làm đông cho lắm đã có thể hùng cứ một vùng giữa giang sơn để làm chúa tể.

«Một mình riêng coi biên thù
«Sức này đã dễ làm gì được
nhau

Đại tá Bataille đã quá hiểu rõ điều đó, nhất là khi nắm vững nội tình của đối phương rằng muốn đánh bại được họ Hoàng trước hết phải trừ khử được cô Ba vợ thứ ba của họ Hoàng

Theo các nhà quân sự và chính trị của Pháp ở Đông dương lúc

bấy giờ nhận định: nếu bắt được cô Ba thì việc chinh phục họ Hoàng coi như đã thành công được 50 o/o.

Vì cô Ba không chỉ là vợ mà là một kiện tướng, là Hàn Tín của Lưu Bang, là Lý Tĩnh của Đường Cao Tổ, là Hưng đạo Vương của Trần nhân Tông.

Cũng nghĩ như thế, cho nên Đại tá Bataille mở đầu chiến dịch bằng một cuộc tổng công kích vào vị trí của vị nữ tướng đóng quân. Viên thiếu úy Courteix được lệnh chỉ huy lính Bảo an, với một lực lượng trên hai trăm quân chọn lấy phần tinh nhuệ đánh thọc vào chợ Gò là đồn trại chính của cô Ba đóng; ngoài ra còn cho hai chuẩn úy đem hai cánh quân đá kẹp hai gọng kềm tới.

Hy vọng của Đại tá Bataille là trong trận này sẽ quét sạch nghĩa quân ở vị trí chợ Gò. Nhưng gã

đã lầm. Vì những cánh quân của gã lần đầu tiên tới vùng này chưa am tường địa lý, nhất là địa hình địa vật, hơn thế bọn lính đánh thuê của chúng làm sao ý thức nổi cái mầu nhiệm của chiến tranh du kích, một lối chiến tranh mà có người đã ví như: «một con ruồi bâu vào mắt, vào miệng, vào mũi, một con sư tử, cuối cùng con sư tử tự cào cấu mắt mình ra mà chết tốt».

Nhất là khi họ nghe nói đánh vào đồn chợ Gò, mà đồn trưởng là một người đàn bà họ lại càng tỏ ý khinh thường hơn nữa.

Không ngờ đạo binh Pháp hùng dũng tiến vào; khai hỏa súng lớn súng bé thì nhau nhả đạn thì đối phương không trả lời một viên đạn nào hết bọn Pháp tưởng là đối phương đã trốn chạy khi hay tin có quân Pháp kéo tới, Nhưng chúng đã lầm to, kẻ cả đại tá Bataille,

Vì trước đó, chiều 30 tết năm cũ mậu thân, khi cô Ba được quân báo cho hay là quân Pháp đang chuẩn bị đánh vào vị trí mình, thì cô mỉm cười và thảo luận với các tỷ tướng,

Đêm ấy cô bố trí rút hết quân trong đồn ra phục kích khắp các ngõ đường hiểm yếu, lối vào chợ Gò, những đường địch có thể tiến quân được.

Tại đồn bính, cô chỉ để lại một số ít lính nghi binh dụ địch,

Thiếu úy Courteix bất ngờ cứ việc cho quân thẳng tiến và cầm chắc chúng sẽ toàn thắng. Thế là Courteix đã làm một việc mà binh Pháp đã coi là «khi tiến vào vị trí đối phương mà không gặp kháng cự trong phút đầu, thì phải rút ra ngay, vì như thế là đối phương đã bố trí phục kích rồi đây:

Giờ khai tử của lũ quân đánh thuê đã diễm. Bỗng một tiếng

«Đoàn» của súng lệnh phát nổ, Nghĩa quân đã phục sẵn 4 phía bắt tề nổi dậy, những tiếng hô «xung phong» nổi lên như sấm dậy, giao tranh bắt đầu.

Những phát súng bắn tĩa từ những bụi cây hốc đá bay ra xoi từng tên giặc một:

Tiếp đó vị nữ tướng với giọng hô quân sang sảng, như một con cọp cái gầm, tiếp theo là một cuộc ác chiến xáp lá cà diễn ra giữa quân Pháp và quân Cô Ba,

Kết quả Thiệu úy Courtaix, Chuẩn úy Cô lon Na đều bị tử hươg Chết mất chỉ huy đám tàn quân chạy thực mạng

Cô Ba truyền lệnh cho nghĩa quân thu dọn chiến trường kiểm nhận chiến lợi phẩm rồi mở heo giết bò khao mù g thắng trận thắng đúng vào giờ giao thừa khi năm cũ mậu thân (con khi) hết, bước sang năm mới kỷ Dậu (năm con gà)

N.Q.T.

Đường **midol** *trị các chứng đau nhức và cảm cúm*
 1360/BXT/SPDC
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

NHỮNG GIAI THOẠI VUI VUI VỀ CON GÀ

Đông-Tùng

- Gân gà của Tào Mạnh Đức
- Đùi gà của cụ Tín Thầu
- Cháo gà của Tôn thất Hoàn
- Xương gà của Mathieu

★ Gân gà của Tào mạnh Đức

Tào Mạnh Đức, nhũ danh là Tào Tháo, biệt xưng là Tào A Man, là một nhân vật đa nghi hung bạo. Chuyên dùng thế lực đồng tiền và vũ khí để khống chế Thiên hạ. Sau khi gã đã mang được cái chiêu bài là bảo vệ chủ quyền cho nhà Lưu Hán khỏi bị Ngô Thục tranh dành mất đi. Nhưng thực chất thì Tào Tháo chỉ có một tham vọng làm vua thiên hạ.

Nhưng ở đời, âm mưu đen tối là một chuyện, mà có thực hiện được hay không lại là một chuyện khác. Cho nên trước sau họ Tào chỉ là một nhân vật bị người

đời nguyện rửa, chề trách, dù gã cố đem gạo đem tiền cho ai nhiều, bao nhiêu đi nữa.

Nếu có được một bọn người nào đó chạy theo gã thì cũng không ngoài thế lực và đồng tiền.

Lần đó Tháo đem quân sang xâm lăng Tây Thục (tức là Khổng Minh và Lưu Bị).

Trên thực tế thì Tây Thục hồi đó còn yếu hơn bên Tào, nhưng vì bên đó Lưu Bị và Khổng Minh, Quan vân Trường đã nắm được yếu tố chính nghĩa nên đã đắc nhân tâm. Về phần Tào Tháo thì mặc dù gã quảng tiền ra thuê người quảng cáo giùm, nhưng trước sau bộ

mặt thoán đoạt gian manh vẫn không che giấu nổi ai. Vì lẽ đó mà họ Tào có vũ khí tinh nhuệ bao nhiêu, quân số hùng hậu bao nhiêu vẫn không lay chuyển nổi tinh thể Tây Thục, chẳng những thế càng đánh thì binh Tào càng bị sa lầy, thảm hại.

Trước tiên họ Tào chỉ đem sang 20 ngàn quân và cao giọng tuyên bố chỉ đánh lâu lắm là 3 tháng sẽ quét sạch quân Tây Thục; không ngờ từ 1 năm, 2 năm rồi 3, 4 năm, quân số từ 20 ngàn tới 500 ngàn mà càng đánh càng lụn bại.

Đánh chiếm Tây Thục thì không được, rút quân về thì nhục với ba quân thiên hạ. Tình huống của Tào Tháo lúc bấy giờ như một con voi khổng lồ sa lầy lút tận lưng. Thiệt là tiến thoái lưỡng nan.

Buổi chiều hôm ấy, khi hỏa đầu quân dọn cơm lên có một bát canh thịt gà, trong đó có một cái gân trong vắt, trông rất ngon lành. Tào Tháo gấp lên bỏ vào miệng nhai. Nhưng nhai

mãi không đứt, mà nuốt cũng không được, nhả vát đi thì lại có ý tiếc. Họ Tào tự cảm xúc thấy rằng: Miếng gân gà này là một ấn tượng rất giống cuộc chiến của ta trong hiện tại.

Trong phút họ Tào đang ngẫm nghĩ như thế, thì Hạ Hầu Đôn một tùy tướng của họ Tào vào bệ kiến và xin khẩu lệnh.

Nhân khi họ Tào đang suy nghĩ miên man về miếng gân gà nhai vô nhả ra... họ Tào buột miệng nói.

«Kê cân» là gân con gà, khẩu lệnh ấy được phổ biến trong quân đội, thì Dương Tu 1 vị Quản đốc văn phòng mới nói riêng với Hạ Hầu Đôn: Ngại hãy cho bộ phận hậu cần xếp đặt đồ hành trang dần đi, Tào Công sắp sửa rút quân về nước;

— Tại sao Ngài biết? Hạ Hầu Đôn hỏi.

Dương Tu nói;

— Kê cân thực chỉ vô vị xã chi tắc tịch, tịch tắc tịch bất khả bất xã. nghĩa là cái gân gà ăn thì không ra gì mà nhả vát đi

thì tiếc, tiếc thì mặc tiếc nhưng cũng phải bỏ. Đó là tình trạng của ta và cuộc chiến hiện nay.

Đôn bái phục Tu là một người tài rồi làm theo nghĩa là cho quân lính chuẩn bị.

Tào Tháo được tin ấy cho người gọi Dương Tu vào mắng chửi rồi hạ lệnh chặt đầu luôn. Tin được truyền ra, làm náo động quân tâm, và có lợi cho quân Địch.

□ Đùi gà của cụ Tín thầu nhà cách mạng ở Thái Lan

Cụ TÍN THẦU (I) chánh quán người Nghệ An, một nhà lão thành.

1) Tín là cái chân, Thầu là già. Tín Thầu là chân già người Tàu nói lã thũ (tay già) cách mạng ở Hải ngoại. Vào khoảng những năm 1928, 29, 30 Cụ về hoạt động cách mạng ở Xiêm. Tết năm đó, Cụ ở trong cơ quan «Việt Nam Cách mạng Thanh niên đồng chí», thuộc chi bộ tỉnh Sa khon na khon.

Đây là một tỉnh lỵ thuộc khu Đông Bắc Thái Lan, ở đây có độ trên 3000 Việt kiều Cư ngụ lập thành làng xã hẳn hoi. Đã từ lâu Việt Kiều ở đây có thiết lập một ngôi đền thờ một ông Thần người Tàu tên là Ngô Bát Ngạo.

Từ khi ông Tín Thầu tới đây, thì ông nói với Việt Kiều: Những vị anh hùng dân tộc v.N. nhiều người đã thành thần sau khi chết, như Hai bà Trưng Bà Triệu, Mai Thúc Loan, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi và còn biết bao nhiêu người khác nữa, tại sao Việt Kiều ở đây lại không thờ một Vị thần Việt Nam nào mà lại thờ một người Tàu, lại

một người Tàu không tên không tuổi Ngô Bát Ngạo. Thờ phụng như vậy là không hợp lý. Ông còn giải thích thêm. Tiền nhân Việt Nam không lấy một vị thần nào người Việt để đứng đầu võ miếu v.N. mà lại lấy Quan văn Trương người Tàu cũng là việc làm không hợp nữa.

Đã nhiều lần ông giải thích

cho Viện Kiêu & đó nên thờ Đức Trần Hưng Đạo. Thờ với quan niệm tôn thờ một vị anh hùng dân tộc, người đã có công đánh đuổi giặc Nguyên vào thế kỷ 13, để mình noi gương người làm cách mạng đánh đuổi giặc ngoại xâm, chứ không phải thờ thần để xin bùa và xin thuốc. Vì Ngài Trần Hưng Đạo là người yêu nước, là tướng đánh giặc giỏi chứ không phải thầy bùa thầy thuốc. Nếu mình thờ Ngài Kiêu đó là đã làm một việc không phải đối với Ngài rồi.

Đã bao nhiêu lần ông giải thích cặn kẽ và khuyên Kiêu bào như thế. Nhưng có lẽ vì quá mê tín, cho nên Kiêu bào ở đây nhất định làm theo lời ông.

Mồng một tết năm đó, nhân tục lệ của Kiêu bào ở đây là sáng mồng một Tết thì cầu thần ở đền để rồi gánh thần đi yếm khắp trong làng.

Sáng mồng một tết, ông khăn áo chỉnh tề đi ra đền để xin ngài đồng cho làng. Máy ông Phụ lão trong làng tin vào thần thiêng ứng vào ông cũng như

ứng vào những người khác vậy.

Không dè ông đã bố trí với một số thanh niên khác để thực hiện một kế hoạch của ông.

Số là khi ông ngồi đồng, Ngô Bát- Ngạo ứng vào rồi, nhảy lên đống, để con gà luộc chín của làng để trên giương thờ, xé lấy hai cái đùi rồi vừa nói tiếng Tàu vừa ăn.

Tức thời một thanh niên khác cũng đạp đồng, nhảy lên giương thờ tự xưng là «Hưng Đạo Đại Vương» đồng thời để Ngô bát Ngạo quát mắng. Thế rồi sẵn có một số vũ khí hồ thần, hai ông, mỗi người chọn lấy binh khí rồi đánh nhau chửi từ cuối cùng Ngô Bát Ngạo thua bỏ đền chạy xa, và Đức thánh Trần Hưng Đạo lúc bấy giờ mới tuyên bố với dân làng Ngô Bát- Ngạo là một kẻ bất chính đã bị ta đuổi đi rồi. Đền đài đây bây giờ là của ta.

Ấy thế mà Việt-Kiêu ở đây cũng tin như thế là thiệt.

★ Cháo gà ở Huyện Nghi Lộc giết quan Huyện Tôn Thất Hoàn

Ông Tôn Thất Hoàn, người Tôn thất ở Huế, năm 1930, khi phong trào Cộng sản ở vùng Nghệ Tĩnh lên cao nhất, thì ông làm tri huyện Nghi lộc, đồng thời cụ Phạm bá Phở làm tổng đốc Nghệ an.

Buổi chiều hôm đó quan Huyện định đi hiểu thị tại làng Song Lộc, một làng ở duyên hải, gần núi «Song Ngư».

Trước khi lên đường về làng Song lộc, quan bảo lính tráng trong Huyện giết một số gà nấu cháo để quan nha lính tráng ăn rồi đi.

Không ngờ tới khi ăn cả quan lẫn nha lại quên gọi ông Đội Lệ (Lệ mục).

Không phải vì miếng ăn, nhưng bị quan nha bỏ quên chơm tới lòng tự ái, ông đội nhà mình cảm thấy nhục, mà không những đội ông mà đội bà cũng nhục lây.

Sau đây là cuộc đối thoại giữa hai vợ chồng ông đội mà cũng là nội dung của câu chuyện này :

— Sao mà quan nha lại Khinh khi mình tới như thế? ông Đội? bà đội lệ hỏi chồng.

— Vì ham ăn, hôm nay chúng nó sẽ chết hết cho mà coi, ông Đội nói nhỏ với vợ.

— Như thế nghĩa là sao? Bà đội hỏi chồng.

— Tôi được tin riêng, hôm nay dưới đó Cộng sản đã chuẩn bị dao, búa, gậy gộc sẵn sàng rồi, quan huyện mò xuống là họ xơi ngay, nếu không đem lính đồn đi theo để bảo vệ.

Tôi đã định mật báo cho ông ấy hay, ai dè lại khinh mình ra mặt như thế; thôi để mặc cho thầy trò chúng nó biết mặt, cho bỏ ghét.

Quả nhiên, chiều hôm đó, quan không đem lính tráng, chỉ một vài người tùy tùng, khi thầy trò

vừa tới nơi. thì dân cộng sản lùa ra như kiến, vây kín quan huyện, giết chết rồi buống xuống sông Hội Thống, mãi 3 ngày hôm sau mới tìm được xác trôi dạt ra ngoài «Hòn Ngự».

Người ta nói rằng, nếu như Đội lệ nghi lộc, không tự ái vì bị mất ăn cháo gà, thì quan huyện đã biết trước, thì một là không đi; hay đi thì quan cũng mang kính trắng súng đạn đi theo để bảo vệ, thì đầu Cộng sản lúc bấy giờ chỉ có hai bàn tay không làm sao mà giết quan được.

Như vậy có nghĩa là quan huyện Tôn Thất Hoàn bị Cộng sản giết, chỉ vì ông Đội lệ huyện không được ăn cháo gà.
ooo

Bác Sĩ Ma Chi (Mathieu) móc xương gà

Những người trước đây độ 30 40 năm có ở Vinh, có lẽ không ai không biết Machieu vị y khoa bác sĩ người Pháp làm Giám đốc bệnh viện ở Vinh.

Vì Machieu không những giỏi về chuyên môn, mà nhiều đức

tính, nhiều lương tâm nghề nghiệp khiến cho người ta càng khó quên. Riêng chúng tôi có mẩu chuyện móc xương gà sau đây :

Năm đó chúng tôi tới chơi nhà một người bạn ở làng Chi Bái, thuộc tổng Kim Nguyên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, cách thị xã Vinh 12km

Có lẽ lâu ngày lắm rồi mới tới nhà bạn nên tối hôm đó nhà ông bạn mới giết thịt một con gà để thết tôi.

Chẳng may người con trai đầu lòng của ông bạn bị hóc một cái xương gà rất nguy hiểm. Mặc dù phải chạy thầy kiếm thuốc, nhưng ai cũng thấy thất vọng

Những ông thầy địa phương cũng chạy chữa, đều đầu hàng hết. Cuối cùng chỉ còn một cách nữa là đem đi nhà thương Vinh. Hai vợ chồng ông bạn tôi thuê xe đem đi Vinh.

tôi cũng theo. Khi chúng tôi tới cửa nhà thương Vinh thì

đã một giờ đêm không ai làm việc lúc này. Người gác cổng cũng không cho vào. Thấy tình trạng con mình quá nguy khốn, bà vợ ông bạn tôi đâm liều xin mở cửa cho vào và xin chữa cho con kẻo chết mất.

Xin một lần, hai lần rồi ba bốn lần, cuối cùng bà ta cãi lộn nhau với người gác cổng nhà thương. Vong gác cổng nhà thương, là nơi gần cửa tư thất của Machieu. Nghe tiếng ồn ào, ông cho bồi ra hỏi. Sau khi hay câu chuyện, ông xuống ngay đồng thời ra lệnh cho y công thường trực mang bệnh nhân vào phòng «mát, tai, mũi, họng».

Ông ta còn cho gọi cả người y sĩ thường trực tới giúp sức với ông ta nữa.

Trước hết thấy người ta để ngựa bệnh nhân ra giữa một cái giường, không biết rằng có phải lúc đó dụng cụ khoa học

còn đang thô sơ non bảy giờ không, mà tôi thấy ông bỏ một vài cái kềm vào họng bệnh nhân gắp một vài lần nhưng không được. Cuối cùng thấy ông ta dùng tay.

Tay ông ta loay hoay một lúc, bỗng ông ta vỗ tay reo mừng sau khi bỏ cái xương gà xuống một cái đĩa thủy tinh nhỏ để kê đó ông vui vẻ nói với mọi người:

Đời tôi đi học; thi đỗ làm Bác Sĩ... nhưng không có gì khoái cả chỉ khoái có hài lùn :

— Lần thứ nhất, năm ấy tôi 16 tuổi đi theo ông chú làm thợ săn vào rừng, một mình tôi bắn ngã một con heo rừng.

— Lần thứ hai là lần tôi vừa lấy được cái xương để cứu sống một con người hôm nay. Rồi ông ta kết luận :

— Không biết đời tôi còn được hưởng lần khoái nào nữa không.

Xuân lạnh



Chàng để lại trong lòng tôi nỗi nhớ
Tháng năm dài khắc khoải một tình yêu
Nghe trong đêm tiếng tiêu sầu nức nở
Tôi rả rời lạc lỏng giữa cỏ liêu !

oOo

Vì thương ấy chàng đi không từ biệt
Tôi chờ mong, dang dở cả mong chờ
Trang nhật ký chép nên lời bi thiết
Tình đang say vụt chết bất ngờ ?

oOo

Chàng để lại riêng lòng tôi cô độc
Từng mùa xuân, xuân nối tiếp đi qua
Bên gối chiếc suốt canh dài trần trọc
Ôi ! hãi hùng đêm tối đến bao la

oOo

Còn thề xác với linh hồn tiêu tụy
Tôi vụng về tô lại nét son xưa
Mặc áo mới đón giao thừa cầu nguyện :
Cho chàng về, dù ngày ấy rất xa...

DIỆP THANH TỬ

(Đà Nẵng)

LẠI MỘT MÙA XUÂN nơi đất khách NHỚ QUÊ HƯƠNG

□ Nguyễn-văn-Cần

Đọc truyện Kiều, ta thấy câu than van thê thảm này :
«*Thời con còn nói chi con, Sống nhờ đất khách, thác chôn quê người.*»

Có lẽ theo phong tục Việt Nam mình, thì sự đi kiếm ăn nơi đất khách, và nhất là xác chôn quê người là một việc đại bất hạnh. Và thành kiến đó cũng là do vì dân mình là một dân chuyên cần nghề nông, chỉ quanh quẩn nơi vườn ruộng,

xóm làng và xứ sở, ít khi phưu lưu ra xứ ngoài, và đã xem cả đến các nước láng giềng như Trung Hoa, Ai Lao là xa lắm rồi.

«*Đường xa chó ngại
Ngò. Láo*»

Nhưng từ khi nước mình đã «*mở cửa*» rộng lớn ra thế giới, và sự giao thông dễ dàng tiện lợi, thì người mình đi ra xứ n ngoài cũng khá đông ; nào sinh viên, nào thương gia, nào khách du lịch.

Trên các tàu thủy hay máy bay qua Nhật, qua Mỹ, qua Âu Châu, người ta thường thấy bóng dáng người Việt Nam. Kể đến năm 1960, thì số người Việt Nam ra xứ ngoài có lẽ nhiều nhất là số người qua nước Pháp. Nhưng họ qua Pháp chỉ ở lại một thời gian ngắn mà thôi, sinh viên độ bảy tám năm người qua thăm con độ một hai năm, còn khách du lịch độ vài ba tháng. Nhưng sau hiệp ước Genève và khi nước Việt Nam ra khỏi khối Liên Hiệp Pháp, thì sự đi đi về về có bề khó khăn; hoặc về mặt giấy tờ.

Số người Việt Nam, vì thế, qua Pháp lần lần bớt, trong lúc đó thì số người Việt ở Pháp, cũng ít về nước. Như vậy, ta thấy ông này, bà kia, các cụ già nôi, tuổi tác ở luôn lại với các con... Vì, những người con này đã trưởng thành, đã có công ăn việc làm, đã có vợ có con, thế thì các ông cụ bà, cụ ở lại với các cháu, là một sự vui thú đoàn viên!

Trong những lúc được trò chuyện với các gia đình này, nhất là với các cụ già, thì tôi nghiệm thấy ai cũng tình thầm rằng «*sự sống ở xứ người*» là tạm bợ, và vẫn nuôi trong lòng hy vọng trở về quê cha đất tổ.

Thế rồi, ngày qua tháng lại, Xuân tàn, Đông tới, chiếc sự kéo dài, sự «*nản nã*» đã thành ra «*cuộc sống*» dài hạn, và ngày về không kỳ, không hẹn.

Nhưng mỗi một năm qua, là thêm tuổi thêm già, thêm yêu thêm đau, và đã biết bao nhiêu người đã gửi nơi bất khách nầm «*xương tàn*» bỏ lại cuộc đời giang gở «*giác mộng hồi hương*»

«*Vùi nóng đất khách
nằm xương,*

*Có về đâu nữa quê hương
đất nhà !*»

Thế sự đã như thế, số người già cả yếu ớt một ngày một tăng và Tử thần lần lần «*khử*» người này đến người khác.

Cách đây bảy năm, cụ Phạm Huy... cựu viện trưởng viện «*Bắc kỳ nhân dân đại biểu*» từ

trần ; năm năm trước cụ Đông Viên, một nhà thơ lỗi lạc đã qua đời, cách đây hai năm cụ bà Nguyễn K... đã quy tiên, châu Phật.

Đồng thời, cũng có người còn son trẻ như chị T..., cậu sinh viên H... chẳng may bệnh hoạn, nên đã qua đời.

Tôi đã chứng kiến một vài đám ma này, khi thì tại nghĩa địa «Bagneux», khi thì tại «Père La Chaise», khi thì tại «Saint-Ouen».

Một đoàn người Việt nam đi theo xe tang, hay đứng đợi trước cửa nghĩa địa, rồi xúm quanh bên cái huyệt mới đào, lòng đất trắng tươi, lạnh mát, hai ba đồng đất mới đào lên, ngồn ngăng, mà lát sau người ta sẽ dùng để lấp huyệt.

Khi những người «phu đám ma» (bên này người ta gọi là «Croquemorts») đặt quan tài, phủ tấm nỉ đen, có những viền trắng, bên cạnh huyệt, người Việt nam đi đưa đám bao vây tang gia, rồi mỗi người

cầm vài nén nhang khấn vái. Khi quan tài hạ huyệt, thì nghe tiếng khóc nức nở của thân bằng gia quyến. Nhiều người cầm bông hoa liệng trên nắp hòm, rồi những sêng đất đổ xuống rào rào, trong lúc mà tiếng khóc càng nghe thảm thiết. Than ôi ? Vĩnh biệt là đây ! Và từ đây âm dương hai ngã, đời đời kiếp kiếp không còn gặp mặt !

Một lần mình khóc, lần người khóc,

Sống thác đời lần giọt lệ rơi.

Luật thiên nhiên là thế nào ai tránh được ! Và nếu không ai tránh được, thì tưởng cũng không nên quá bận tâm.

Mang theo ý tưởng này, tôi cùng hai người bạn đến thăm một «ông bạn già» năm nay độ 65 tuổi. Ông bạn này đau yếu đã mấy tháng nay, và đã nghỉ việc. Xét ra thì bệnh của ông một phần lớn là bệnh già. Nhưng «ông bạn này» thấy chân tay mình yếu ớt, mắt mờ kém, răng rụng nhiều, thì đâm ra

chân nản buồn bực.

Chúng tôi khuyên giải «ông bạn», nói ông ấy còn sống lâu trăm tuổi. Nhưng cảm động hơn hết là khi ông bạn nhắc đến gia đình còn ở quốc nội. Thì ra, tuy cách quê hương đã gần 20 năm, lòng «ông bạn» vẫn bồi hồi, cảm động, và trong lời nói, quanh vành mắt, tôi nghiệm thấy có nước mắt. Có lẽ «ông bạn» sợ chết, và sẽ không được trở về đất nước.

Nếu ông bạn của chúng tôi biết nghĩ rằng con người ta sinh ra đời tất phải đi từ buổi «thơ ấu», qua thời «thanh niên tráng kiện», đến tuổi «già yếu», rồi đến đoạn chót, tức là đoạn chết, thì có lẽ ông bạn sẽ bình thản hơn.

Và nếu ông bạn biết theo và tin thuyết Phật, thì ông lại càng

bình thản hơn, vì rằng «sống» chưa hẳn là «ân huệ» của trời đất, và «chết» chưa hẳn là «tận diệt».

Nếu các bạn đọc cũng nghĩ như thế, tôi xin mời đọc bốn câu thơ này, mà tác giả đã tự đặt mình trong «Lòng Phật», trong giờ lâm chung :

*«Hồn đã thoát ngục hình
hình»*

*Đón bình mình giữa quầng
đời phong quang,*

*Bước lên một kiếp nhẹ
nhàng,*

*Cõi trần một giấc đoạn
trường đã tan »*

Thân mến
N.V.C

Đúng midol *trị các chứng đau nhức
và cảm cúm*
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY 1/BDDC

TẾT VỀ CHƠI BÌNH ĐỊNH

HOÀNG HẢI.

Có người hỏi tôi rằng các tỉnh NVN tôi thích nhất tỉnh nào? Xin thưa tôi thích nhất tỉnh Bình Định dù tôi sinh trưởng ở Bình Phú, Bến tre.

Sao anh chẳng về chơi Bình Định? Đồi cát phau phau bóng liễu chim

Nhìn Tháp Chàm cao, núi cánh tiên
Sao anh chẳng về chơi Bình Định

An nhơn (1) Trấn Bắc Hành cung cũ
«Ông núi» (5) chùa cao khuất ánh mây

Đây vết thành (2) xưa nhớ Võ Hiền (3)
«Hầm hồ» (6) cá vượt long môn hội

Sao anh chẳng về chơi Bình Định? «Cách Thử» (7) ma Hời đi đó đây

Nhìn núi «Kỳ Sơn» (4) mỗi cánh chim
Sao anh chẳng về chơi Bình Định?

Qui nhơn sóng bể hồn lai láng

BÌNH ĐỊNH

Thập Tháp (8) mười tầng chốn cổ linh
Trăng thanh nghe tiếng quyền An thái (16)

An Khê — Phú Cú — miền Dương liễu
Nắng hạ tam quan (17) mấy rặng dừa

«Gánh ráng» (9) cheo leo Mạc Tử tình
Sao anh chẳng về chơi Bình Định?

Ghi lại Bình Khê (10) thăm đất vương
Khói tỏa hương mờ anh khí thiêng

«Ba vua» (11) đình miếu nay còn đó
Cù Mông (18) gió thổi mây đùn núi

Và truyện đau buồn nhớ Nguyễn Thân
Phù Mỹ, Phù Ly cũng một miền

Sao anh chẳng về chơi Bình Định?

Sao anh chẳng về chơi Bình Định?
Cát Trắng (19) bao la sóng ngựa buồn

Nhìn núi Hòn Ông (12) ngấm bề xa
Cát Sơn (20) núi nhớ trời Tây phố (21)

Mấy hôn xương cá (14) tro gan đó
Độ súng so gương nổi chán chường!

Xuân thường anh hùng khắp tiếng ca
Sao anh chẳng về chơi Bình Định?

Sao anh chẳng về chơi Bình Định?
Sao anh chẳng về chơi Bình Định?

Thành quách Đồ Bàn (45) in dấu xưa
Về Phá Tam Giang (22) đuổi hoàng cày

BÌNH ĐỊNH

Chợ Dinh (2è) mai mốt trong
ngày hội
Và đến xem xem được mấy
người!

oOo

Giết anh về thăm chơi Bình định
Ngán lệ tiên hiền trong mắt
anh.

Tang thương, ngoảnh lại thời
vang bóng
Mau mác trời cao nước bể
xanh...

Trung úy HUỖNH VĂN HẢI.

Cước thích

1 — Quận An Nhơn — xưa
là Trấn Bắc Hành Cung và là
Trung tâm Văn hóa 3 tỉnh
Quảng Ngãi, Phú Yên và Bình
Định. Ở đây có Trường thi Hội.
(Ghi thêm). Ngày trường thi mở
hội ba cụ: Phan bội Châu, Phan
chu Trinh và Huỳnh thúc Khang,
nhân đi làm cách mạng, ghé
qua xin thi đề cảnh tỉnh quốc
dân. Kỳ thi đó ra đề: «Lương
Sơn Hương Ngọc».

Ba cụ làm 3 bài: vịnh, phú và
thơ. Đây là bài thơ cụ Phan
làm với đề LSHN, làm tại trường
thi B.Đ.

Thế sự hồi đầu dĩ như không.
Giang sơn vô lệ khắp anh hùng
Vạn dân nô lệ cường quyền bá
Bất cổ thi văn túy mộng trung
Trường thử bách niên cam thóa

Bất tri hà nhật xuất lao lung
Chư quân vị tất vô tâm huyết
Bằng kháng tư văn hướng như
thông.

Người dân ở đây còn giỏi chữ
Hán, hát bội, bài chòi và võ
nghệ, cờ tướng.

2-3 — Thành B.Đ. rất kiên cố
đã bị VM phá vỡ 1 đêm hồi
năm 1945. Võ Hiền hay Ông
Thượng là Võ Tánh. Ông cùng
với Ngô tùng Châu thủ thành
B.Đ. với 15.000 quân trong 3 năm
bị nhà Tây Sơn vây. Nay còn
câu ca dao:

Ngó lên hòn núi Cảnh Tiên
Thầm thương ông thượng thủ
thiền ba năm.

4 — Núi Kỳ Sơn cách xa Qui
Nhơn chừng 30 dặm về phía

BÌNH ĐỊNH

Đông Bắc (mỗi dặm kê 1600m).

5 — Ông Núi: khẩu truyền
rằng ngày trước có ông
đạo sĩ tu núi» dân không
biết tên, thường đem
củ xuống đờng cái đổi
gạo. Khi củ lấy đi thì gạo cũng
biến mất. Ở triều đình Huế, vua
Tự Đức lâm bệnh mơ thấy một
vị thần xưng mình là thần đờng
Y ở trong Bình Định trên dãy
núi cao, và bẻ lá cây sắt thuốc
cho vua uống. Tỉnh giấc vua
bệnh phục. Sau vua vào B.Đ.
đến dãy núi cao lập miếu thờ
Từ đó dân làng không thấy
ông đạo sĩ ấy nữa nên gọi là chùa
Ông núi.

6 — Hầm Hồ là ngọn thác rất
cao ở phía Tây Bắc Bình Định.
Tới mùa nước nguồn lũ, có
những đàn cá bơi ngược dòng
Phóng lên thác. Con nào qua
khỏi thì hóa Long (thành rồng)
Chừng nào không vượt khỏi thì
bị đập đầu vào đá trôi trở lại
Hàng năm dân chúng đi lượm
xác cá quá nhiều.

7 — Chợ «Cách thử» hay chợ
«kê thử» toàn ma. Hồi đi chợ
bằng tiền giả. Cho nên người
mình lên đó buồn bán phải
đem theo chậu nước để bỏ tiền
vào thử. Tiền thật thì chìm,
tiền giả thì nổi.

8 — «Thập Tháp mười tầng»
là nơi chùa đầu tiên tại VN do
sư Tô Nguyễn Thiên từ hồi nhà
Minh bên Tàu. Lúc sang Việt
Nam tìm thấy vương khí và
Long mạch ở Bình Định bên
thiết lập ngôi chùa Thập Tháp
mà tìm, và gánh đem đi.
sau đó sau sẽ sản xuất tăng
vương, Nhà Tây Sơn đã phá
phách đi nhiều.

9) Bành rãng Lăng Hàn Mạc
Tử ở bành rãng, đứng dưới
bãi bể QIN trông lên Lăng sơn
màu với trắng.

10-11) Men theo Quốc Lộ 19
về Pliku- Kontum khỏi trùng
Bà Đồn một đổi là tới Quận
Bình Khê ở về tay phải, miền
nguyên quán của Anh Hai Nhạc,
chủ Ba Thơm, thầy Tư Lữ Dân
trong vùng có lập Đình đề thờ

chỉ độ s, 5 sào ruộng xấu, phải đi thuê thêm ruộng. trâu thuê, bò mượn, canh tác lần hồi, gặp được năm phong đăng hoa cốc, thời cũng phong lưu, nhờ gặp năm thất bát, thời có khi ăn vào cả vốn.

Thế rồi luân mấy năm sau, bão lụt lên miên, chiêm thua mùa hồng, cụ phải đảm ngán cái lối làm ruộng thuê trâu mượn, nên có than làm ruộng mất mùa như sau. *Mấy năm làm ruộng những là thua*

*Chiếm mất đăng chiêm, mùa mất mùa,
Phần nộp thuế dân, phần giả nợ.*

*Nửa công đira ở, nửa thuê bò
Người làm dưa mắm cho qua bữa.*

Chợ búa dầu chè chả đảm mua.

*Cần kiệm thế mà không khá
nhỉ*

Đa mang cây cấy lại thêm lo!

Nông suy bách nghệ hai, nghề làm ruộng đã bị thất bại rồi thời nghề cũng đều bị ảnh hưởng theo, hướng chỉ là nghề dạy học của cụ là một nghề rất đậm bạc. Kể mọi năm gặp những ngày đoạn ngũ thường tân nguyên đán, học đồ đề đem tết cụ rõ sớm; Đến năm đó đã đến 14. 5 háng chạp rồi, má chưa ăn nào tết cả, đề cụ trang trải những món nợ lật vặt, không thể trả lại của người ta đến sang năm

Cụ liền sai người ra chợ mua tờ giấy hồng đề đề rọc ra viết đôi câu đối dán ở cửa trường.

«Đầy sớm thức khang, moi ruột con nhét chữ»

«Năm cùng tháng hết, bỏ đầu bỏ lấy tiền»

Đôi viết rồi dán ngay lên cột, thế từ buổi chiều hôm sau, các học trò lớn bé, lấp nép đem đến tãi cụ nào tiền nào gạo nếp, gạo tẻ bít trái, tí tẹo, không thiếu

một thứ gì, có phần lại phụng hậu hơn mấy năm trước.

2- Một bài thơ Xuân bí hiểm

Cụ Phạm văn Nghi người làng Tam đẳng, nay đổi là Yên đẳng, huyện Yên tỉnh Nam định (Bắc phần) đỗ Hoàng giáp đời Tự đức nên bấy giờ vẫn quen gọi là cụ Hoàng Tam đẳng.

Cụ ra làm quan rất thanh liêm, đến khi về hưu chỉ mở trường dạy học còn bề gia tư cũng vẫn bình thường như trước, không có mua tâu thêm được ruộng nương nhà cửa gì cả; nhưng nhà trước kia gia bản sẵn có năm 10 mẫu ruộng vừa chiêm, vừa mùa, của tiền nhân để lại, được cụ bà là người đảm đang quán xuyến, chiêm mùa cấy hái, đồng trời luôn tay những khi tháng ba ngày tám việc làm ruộng rồi đợi, thì cụ lại xoay ra hái dầu chấu tằm, kéo tơ dệt

lụa quanh năm không lúc nào ngơi tay nên sự ăn mặc chi dụng trong nhà có phần lại được dồi dào hơn khi cụ ông còn tại chức

Trong nhà lúc nào cũng rộn rịp kẻ ra người vào, tiếng ngâm thơ đọc sách, tiếng xay lúa giã gạo, cùng với tiếng trên khung cửi thực là náo nhiệt rất vui vẻ.

Còn cụ ông gặp những khi thanh thản, thường đem một đĩa tiêu đồng sang bên Trương yên Ninh Bình (Bắc phần) rong chơi các hang động núi non, chỗ nào cụ đã đặt chân đến, là chỗ đó có thơ từ đề vịnh cụ ưa thích nhất là động Liên hoa, ngày nào cũng ru dấy đề thơ câu cá uống rượu ngâm nga, có khi mãi chơi đến tối ngày, hai thầy trò mới về nhà

trợ. nên đến bây giờ những thơ từ bằng chữ hay gồm. người ở đây họ vẫn còn truyền tụng lại nhiều lắm.

Một năm gần tết đến, cụ cho mua tờ giấy hồng điều viết một bài thơ xuân tứ tuyệt dán lên vách chơi, và cụ đố ai đọc nổi được bài thơ này thì cụ xin thưởng năm quan tiền đề tiêu tết.

học trò cũ mới của cụ phần nhiều là những tay học khá cả mà không ai đọc nổi. Thế rồi mãi đến hôm mồng hai tết có một ông đồ ở làng vào chúc tết cụ, liền đọc thành 4 câu thơ như sau :

*Ba xuân nhỏ nhỏ một xuân tròn
Bốn cảnh bằng nhau một cảnh con*

Bài thơ dán lên từ đầu tháng chạp cho đến 29, 30 rồi bao nhiêu các học trò ngoài cùng các

*Hồ rộng mênh mang ngư
lợi nước
Sơn cao chót vót điều bay
ngang
Mai phong liên khảo*



Ả O

ẢNH

THẾ LAN

*Giữa cuộc thế ai cười và ai khóc.
Ai ưu tư trên vạn nẻo đường đời.
Chốn ngục tù — suy ra nhòa nước mắt
Đẹp chi người — bóng nguyệt lạnh cảm hơi
Gió rét lướt va thành trì nghiêng đổ
Năm mộ buồn lất phất hạt sương rơi.
Hồn chơi vơi — nụ cười không dám nở
Biển trầm luân thuyền lạc nẻo luân hồi
Vòng tay nhỏ muốn ôm tròn bóng nguyệt
Nhưng trời ơi — đời đã chết còn chi
Muôn sắc màu ai khen là diễm tuyệt
Riêng lòng ta không dám nghĩ suy gì
Xây lâu đài dưới khung trời róm lệ
Thực hay mơ — đâu hạnh phúc ngàn đời?
Viễn ảnh buồn — con thuyền xa bốn đờ
Lạc loài trời — dòng ảo mộng người ơi
Tay bắt niu từng vòng hoa ảo ảnh
Ngược mặt nhìn, thành quách cổ tan hoang
Mây tím rưng — cánh diều quay trước gió
Ngàn muôn năm hạnh phúc cũng điều tàn.*

Những đức tính tốt

CỦA CON GÀ QUA NHẬN THỨC CỦA người đông phương

Người Đông phương qua sách vở công nhận con gà có nhiều đức tính tốt, đại quan như sau đây :

— Anh dũng bất khuất chiến đấu đến cùng.

Gà bao giờ cũng giữ một ý chí tự cường, anh dũng bất khuất, trước bất cứ bạo quyền mạnh lực nào. Như gà mới gọi là «ninh từ bất ninh nhục» «Uy vũ bất năng khuất» là những đức tính của

★ Nguyễn-văn-Bóng
người trưởng phụ quân tử Đông Phương.

Gà có cả đức nhân lẫn đức trí

Đức nhân của gà là tính hợp quần, tận tình nuôi con cái, hy sinh vì con hơn bất cứ giống nào — gà trống cũng còn biết nuôi con — một con trống có nhiều con mái mà không bao giờ xảy chuyện rắc rối V I V 2 như giống người đã tự cho mình là khôn thiêng hơn muôn vật.

NHỮNG ĐỨC TÍNH

Con gà có đức tính cần lao và tự cung tự cấp.

Gà luôn có sinh kế tự túc (con nào siêng bươi con ấy đầu tiều thức khuya dậy sớm, không những cho bản thân mà gà còn làm cả nhiệm vụ đó đối với chủ nhà và bà con lối xóm nữa.

Sách có câu : «Kê tự thân nghĩa là con gà có nhiệm vụ gây sáng và : «Thử ngô gia chi thì chung» ấy là cái đồng hồ của nhà ta.

Sách lễ ký chép rằng : Triều đại nhà Châu nhà vua có đặt ra một chức quan có nhiệm vụ đôn đốc bá quan văn võ trong triều đi làm việc cho đúng giờ giấc, Chức quan đó gọi là «Kê nhân» con người gà :

Nhà thơ Tô thức xưa có câu thơ

«Kê nhân báo hiệu trừ»

Dịch nghĩa : «Người gà gọi giờ sáng». Trong kinh thi có bài

thơ «kê minh» theo Ông Chu hy đây là một bài thơ do bà Hậu phi vợ Văn Vương tự sáng tác ra để đôn đốc chồng dậy làm việc (Kê minh học phụ).

Ông Tấn văn Công thích nuôi gà, bầy tôi có kẻ can gián. Văn Công nói : Ta thích nuôi gà là ta có ý tự khuyến khích ta phải bất chước con gà cái tính thần thượng võ và anh dũng bất khuất.

Vì nước Tấn của ta bây giờ đang bị hai cường quốc 2 bên luôn luôn muốn dùng vũ lực đè bực hiếp. Ông còn nói tiếp, không những một mình trăm mà trăm còn muốn cho tất cả trong triều ngoài gia, mỗi vị quan, mỗi người dân ai ai cũng phải có tinh thần anh dũng bất khuất ấy mới mong chặn đứng được những cuộc xâm lăng của Tần và Sở.

Chiến quốc sách lại có chép :

«Tề án Tử mê chơi gà, sau tư cung của ông. cắt một chuồng gà không lồ, nuôi hàng nghìn con gà trống. Mọi buổi sáng thả ra cho chúng chọi đá nhau án Tử ngồi xem không biết chán.

Một hôm vua Tề tới viếng án Tử, thấy án Tử ngồi xem chọi gà nhà vua cười và hỏi :

— Tại sao quan bại phu thích cái thú ấy ?

Án Tử thưa : Tôi muốn biểu dương cái đức tính hy sinh anh dũng bất khuất của con gà để cho mọi người nước Tề chúng ta cần phải noi gương nó trong lúc này, lúc mà nước Tề ta đang bị nhiều người dòm ngó.

Vua Tề gật đầu khen rằng :
Hiền thay, trí dũng thay quan Đại phu Án Tử !

Trên đây tôi chỉ lược tự vài sự tích về con gà để là quà tết cho ba con cô bác trong dịp đầu xuân con gà Kỷ Dậu (1969) một mùa Xuân mà cửa Thăng Bình của đất quê hương đã bắt đầu mở, để chấm dứt một cuộc chiến tranh tàn khốc kéo dài ngót 14 thế kỷ.

Đầu năm tôi xin tạm mượn hai câu sấm ký của Trạng Trình làm lời kết luận :

«Mà Đê dương cước anh hùng lặn

«Thân dậu niên lai kiến thái bình»

Dịch nghĩa :

«Chân dê vó ngựa anh hùng hết

«Thân dậu năm qua hưởng thái bình.

GÀ TRONG THƠ

TÚ - XƯƠNG

★ Lương-Trọng-Minh

Thường thường Tết đến, các nhà thơ ưa khai bút,

Tú Xương cũng nằm tron thông lệ đó.

Tự nhiên cao hứng làm thơ. Nhà thơ Non cõi sông vĩ vĩ lại cảnh Tết trong một bức tranh linh hoạt :

Xuân từ trong ấy mới ban ra

Xuân chẳng riêng ai, khắp mọi nhà

Đi đệt ngoài sân, tròng pháo chuột

Đỏ lỏm trên vách, bức tranh gà

Chí cha chí chất khua giày dép

Đen thúi đen thui cũng lướt là

Dám hỏi những nơi, nơi cổ quận

Rằng : xuân, xuân vẫn thế ru mà ?

Bức tranh gà diêm tô cho ngày Tết thêm phần thi vị giữa

cảnh náo nhiệt mừng xuân.

Tú Xương đã thành công trên nghệ thuật trào phúng.

Ngoài ra Tú Xương còn là một nhà nho biết ưu tư thời cuộc.

Đêm dài lạnh lắm ! Bốn phương trời băng giá !

Tại sao thế ?

Thế rồi sự tĩnh tưởng trời đã sáng. Ta đã trải qua cơn mộng mị ư ?

Trời thì lấm. Hãy đốt đuốc lên kéo lộn nhà nếu có ai muốn làm ta :

Sự tĩnh trông ra ngõ sáng là

Đêm sao đêm mãi thế ru mà ?

Lạnh lùng bốn bề ba phần tuyết

Xao xác năm canh một tiếng gà

Chim chóc hãy còn nường cửa tổ

nhân ơi !

Thế rồi... nhà thơ của chúng ta còn than thở cho nền nho học đã tàn tạ.

Cô hàng bán sách lim dim ngủ vì không ai mua. Sĩ khí bấy giờ bạc nhược lắm ! Tú Xương đã ghi lại một giai đoạn lịch

sử khi người Pháp bắt đầu xâm chiếm và đòi mời khoa thi đào tạo một số thông ngôn tay sai cho mình. Chúng ta hãy nghe Cái học nhà Nho đã chán rồi

Mười người theo học chín người thôi !

Cô hàng bán sách lim dim ngủ

Bướm ong chưa thấy lượn Vườn khuya

Dù ai có muốn tìm ta đó

Đốt đuốc soi lên kéo lộn nhà !

«Ngủ quách, sự đời thây kẻ thức» ! Ngủ làm sao được, thao thức cả đêm. Vận nước đã đòi chiều xoay hướng. Một tiếng gà xao xác năm canh. Cô đơn xì lạc lóng lăm ! Thế

Thầy khóa tư lương nhấp nhòm ngồi

Sĩ khí rụt rè gà phải cáo

Văn chương liều lĩnh dấm ăn xôi !

Tôi đâu dám mỉa làng tôi nhỉ ?

Trình lại ông Tiên thứ chỉ tôi !

Về lại mùa xuân thanh bình, than thở cho nền nho học. Tú Xương còn đi gần tâm lý người đời. Nhất là quan gia thời ấy.

Vận nước thế nào không biết, cứ việc làm tròn nghĩa vợ
với gái ngoan và sợ vợ. Các bạn đừng cười nhé! Sợ vợ là vinh
dự nhất đời của thanh niên chúng ta.

Sợ được chừng nào hay chừng ấy — Đó là lẽ của trai
cho — không sợ ưỡng lắm bạn ạ! Đoàn thanh niên sợ vợ hãy
tiến lên! Chúng ta thử nghe thông điệp của Tú Xương gửi
«điều ông Hàn sợ vợ» :

Ông đã ơn vua một chữ vàng

Nay lành mai lỗ khéo đa đoan

Được, thua hai ngả ba câu nói

Khôn, dại trăm năm một tiếng đồn

Chim chuột sau này nên gắng sức

Lợn gà trước ấy đã riêng oan

Có ai lành thủng ông không biết

Còn phải mang điều với gái ngoan»

Thật là : vị xuyên có Tú Xương, dở dở lại ương ương..

Thôi ! chúng ta hãy trở về thực tại.

Thiếu nữ hờn duyên phận, trần trọc cả đêm, nước mắt âu
tình lã từ từ trên đôi má.

Thanh niên thất nghiệp lang thang trên hè phố một chiều xuân

bất hạnh. Bức tranh xã hội đó đã được Nguyễn Vỹ phác họa :

«Những thiếu nữ đêm xuân năm trăm trọc

Buồn cô đơn khóc hận tủi hờn duyên

Những chàng trai thất nghiệp túi không tiền

Đã thất thểu chiều xuân trên vỉa phố! »..

Đề kết luận, kẻ viết mấy dòng này xin tặng các bạn bài thơ
«Vó ngựa Quang Trung dậy tiếng gà!» mà trong đó có bốn
âu kết :

«Có những mùa xuân của Đống Đa

Lấy lòng chiến thắng nhạc hùng ca

Mùa xuân vĩnh viễn hương Trời Đất

Vó ngựa Quang Trung động tiếng gà!»

Qui Nhơn 6-12-1998 —



Người đi trong đêm Xuân

★ Đặng-hữu-Hồ

Quán rượu đã trở về với thời gian khởi đầu của nó, không một người khách, nhưng sự bừa bộn, bẩn thỉu trong phòng đã tỏ lộ có một sự sống động. Ôn ỹ mới trôi qua. Những chiếc nón giấy sặc sỡ, những chiếc mặt nạ đủ kiểu, bẹp rúm rách nát nằm lán lóc dưới đất lẫn với vỏ bao thuốc lá, giấy conjetti. Mùi thuốc lá, mùi rượu nồng nặc vẫn còn lẫn quẩn trong phòng dù đã có máy lạnh.

Nơi chiếc bàn vuông kê sát tường góc phòng phía trái, lối đi vào nhà trong, những cô chiêu đãi vẫn còn ngồi nói chuyện. Những đôi mắt thâm — không phải thâm vì thức khuya mà thâm vì nét chì đen thâm tô đậm — vận lông lánh ánh vui của một tối tung bừng mở

hội. Những buổi tung bừng này mỗi năm chỉ có vài lần, Lễ Giáng Sinh. Cuối năm Dương lịch Giáp Tết. Những ngày mà sự thu vào được nhân lên gấp năm, gấp mười lần.

Trước khi chia tay, mấy cô gái còn ngồi nán lại ít phút để hàn huyên tâm sự. Ly nước trong tay, họ hỏi nhau xem ai kiếm được nhiều tiền riêng nhất, cùng là binh phẩm, ché bai thẳng Bob này kẹo. mới mời có một «Saigon Tea» đã suýt xoa tiếc của, nào thẳng Dolly kia hào hoa phong nhã, có thể mời em tới ly thứ mười, và mặt mày vẫn tươi rói,

Vĩnh người nhiều tuổi nhất lên tiếng:

— Đạo này các bồ phải để ý có bọn lưu manh đi xe Honda

NGƯỜI ĐI

hoặc Suzuki chuyên giặt sách tay của người đi đường đấy. Các bồ đừng tưởng chúng chỉ dám làm ở những con đường vắng không thôi đâu, chúng dám giặt đại ngay giữa con lộ đông xe cộ nữa kia, vì xe của chúng dễ lách về giọt lệ nữa.

Yến góp ý kiến:

— Nếu vậy mình phải tắm sao?

Chẳng lẽ chúng mình bỏ sách tay đi rồi mặc áo trong có túi để đựng? Như vậy làm gì còn là đàn bà nữa.

Mấy cô khác cười nắc nẻ. Một cô nói:

— Nếu không cầm sách tay thì không phải là đàn bà nữa ư? Sao kỳ vậy? Ngộ quá há? Thì mình làm đàn ông vậy; được không Yến?

Yến bẽn lẽn:

— Các chị bắt nạt em hoài à! Còn như thắc mắc và sợ sệt bị giặt sách tay thì chỉ còn cách là đừng nên đi khuya nữa?

Vĩnh lắc đầu:

— Em gái tôi ngây thơ quá. Nếu không đi khuya nữa thì chúng mình làm sao nổi nghề chèo rượu này.

Yến ngăn người:

— Ủ nhỉ. Vậy mình phải làm sao bây giờ?

— Muốn chắc chắn nhất là chúng ta nên đi taxi về.

Thanh cười:

— Ý kiến của chị cũ si cũ xịch rồi. Chẳng lẽ từ trước tới giờ chúng ta chưa đi taxi đêm về nhà hay sao.

Vĩnh nhìn Hằng — nãy giờ vẫn ngồi im lặng:

— Tôi nói câu chuyện trên là để các cô để ý mà để phòng vậy thôi. Còn chính ra là tôi muốn nói với Hằng kia. Bởi tôi biết, Hằng không bao giờ đi xe về cũ.

Thấy mọi người nhìn Hằng như soi mói, Vĩnh vội nói thêm

— Hằng thường nói với tôi sau mấy tiếng đồng hồ bị ngộp trong phòng đầy khói thuốc lá cùng mùi rượu, nên Hằng thích đi bộ về nhà để dần dần cốt cũng như để được hưởng những ngọn gió mát cùng không khí trong lành của ban đêm.

Bước lại chỗ Hằng ngồi, Vĩnh khuyên:

— Đêm nay Hằng nên về bằng taxi đi. Đừng nên vì thêm ngọn gió má mà nhỏ ra lại. Khổ vì đi xin lại giấy tờ. Tiền mất mình lại kiếm ra, chứ mất giấy tờ thì phiền phức lắm. Vả lại, năm hết Tết đến mà mất tiền thì còn gì là Tết nữa!

Yến nói theo:

— Phải đấy chị Hằng, Chị nên nghe lời chị Vĩnh đi. Lỡ ra bị bọn lưu manh giật mất sắc tay của mình thì còn chi là Tết nữa. Rồi đầu năm phải đi xin lại giấy tờ thì thật là xui xẻo!

Nhìn đồng hồ, Vĩnh nói lớn:

— Thôi chúng mình chia tay về là vừa rồi!

Đôi mắt Vĩnh trở nên mờ buồn:

— Kể đời của chúng mình cũng khổ. Khi người ta ngủ mình hãy còn thức rồi khi mọi người đã thức thì mình vẫn còn ngủ mê ngủ mệt. Biết đến bao giờ mình mới hết khổ ta!

Sự buồn cũng như dịp vui, nó rất hay lây. Nghe Vĩnh than, cả bọn đột nhiên im lặng. Mặt cô nào cũng như bị một đám mây, mờ che phủ. Yến ít tuổi nhất

nàng mới đi làm được hơn một tháng, nghe Vĩnh nói, mắt đã rơm rớm.

Mọi người chia tay nơi hàng ba quán rượu.

Cặp chặt chiếc sắc tay dưới nách, Hằng thông thả đi về phía bờ sông để ngược lên đường Hàm Nghi. Tiếng giầy gõ xuống đường vang động trong đêm khuya làm lũ chuột cống đang rúc trong đồng rác bên lề đường vội cuống quít bỏ chạy. Đường phố vắng không một bóng người. Không một chiếc xe.

Nhớ tới lời khuyên của Vĩnh, Hằng chợt giật mình. Trong giờ phút này chỉ có một mình Hằng đang rảo bước mà thôi. Nếu có kẻ gian manh nào uy hiếp nàng chắc nàng đành phải chịu. Trong chiếc sắc tay của nàng có một món tiền lớn. Nàng mới hốt hụi ban chiều xong. Nếu bị mất, chắc nàng sẽ phải sống thiếu hụt một thời gian dài. Hằng mong có một chiếc xe taxi nào chạy qua để kêu nhưng đường phố vẫn vắng lặng.

Ngụm qua đường Phó Đức Chính; Hằng nhận thấy hai bóng người phía trước mặt, cách nàng

độ mấy chục thước khi họ đi qua dưới ánh đèn của ngõ, đèn đường. Hằng nhận thấy họ vào khoảng 30 tuổi. Một đội mũ da, một đội đầu trần. Hai người đi sát nhau, tay nhét túi quần.

Tim đập mạnh, Hằng vội bước né sang bên kia lề đường. Nàng rút nhanh chiếc cà rá và chiếc lược rồi nhét vội vào trong nịt vú. Mắt nhìn thẳng, chân bước nhanh, tai Hằng vẫn còn nghe rõ hai người lạ mặt dừng chân và như đang bàn luận cùng nhau điều gì.

Hằng điếng người. Nàng đoán họ đang bàn tính «đàm thịch» nàng. Hằng cố gắng bước nhanh hơn. Nàng tự trách mình sao không gọi ngay xe ngay khi ở trong quán ra, nhất là cô Vĩnh đã khuyên nàng rồi.

Khi gần tới Cầu Mống, Hằng gặp một người đàn ông nọ đi lại. Trông anh ta độ hai mươi tuổi, khuôn mặt sáng sủa, miệng huýt sáo, Hằng thấy hơi yên tâm, nàng vội bước tới và nói nhanh:

— Xin lỗi anh, anh làm ơn giúp tôi. Tôi vừa gặp hai người

lạ mặt trông ó vẻ bất lương ở cuối phố này. Họ có thể giúp tôi để đưa tôi qua cầu về nhà được không?

Gã thanh niên liền hỏi Hằng:

— Hai người kia ăn mặc như thế nào?

Hằng liếc về phía sau, miệng đáp:

— Chúng ăn mặc soàng sĩnh, tay thủ túi quần. Có lẽ là đao không chừng. Tôi sợ quá.

Gã thanh niên nhún vai:

— Có đừng sợ nữa, đã có tôi. Tính tôi ưa giúp người có thế. nào bây giờ chúng ta đi.

Yến nói thêm:

— Hai kẻ kia thật là ngu ngốc. Chúng phải biết rằng một người đàn bà đi một mình trong đêm khuya thì làm gì có tiền phải không cô.

Hằng hấp tấp trả lời nhưng tay lại giữ chặt thêm chiếc sắc Dạ, anh nói đúng lắm.

Mãi nhìn trước mặt, Hằng không thấy được gã thanh niên đi bên nàng đang mỉm cười, mắt chăm chú nhìn chiếc sắc tay dưới nách Hằng. Đôi mắt lau lấu của một con mèo thấy mờ.

NGƯỜI ĐI

— Này cô !

Hằng quay lại khi nghe gã thanh niên kêu. Nàng chưa kịp hỏi thì hắn đã giật nhanh chiếc sắc tay, mồm nói :

— Cấm kêu, kêu tao đâm chết
Thất sắc, Hằng la lên :

— Ăn cướp ! ăn cướp.

Gã thanh niên dấn mạnh vào mặt Hằng rồi bỏ chạy trong lúc quỳnh ngã ngựa xuống mặt đường nhựa. Vừa chạy gã thanh niên vừa lục sắc lấy tiền nhét vào túi rồi ném chiếc sắc xuống đất,

Khi hắn vừa ghé sang đường Pasteur, thì có một bóng người nhảy ra gạt chân hắn làm hắn ngã đập mặt xuống đường. Thêm một người nữa bước ra. Người này cúi xuống móc chiếc công và công tay gã thanh niên lại :

— Thôi lỏi nó về bót.

Quay trở lại, họ nhìn thấy chiếc sắc tay liền cúi lượm luôn.

— Chiếc sắc tay của người đàn bà vừa la cướp đó. Người đội mũ dạ nói.

Người đàn ông đầu trần cười.

— Anh thấy tôi đoán có sai không. Một người đàn bà hấp tấp đi trong đêm khuya, thấy mình thì né tránh, nhất định là phải có tiền rồi. Cứ tà tà theo sau thế nào cũng vớ được mồi mà.

Người đội mũ dạ cũng cười :

— Tại mắt mũi mình trông có cô hồn ớn nên cô ta mới phải bước lánh xa.

Cả hai cùng cười vui vẻ. Thời chỗ Hằng vừa lúc nàng loạng choạng đứng lên, người đội mũ da hỏi :

— Phải chiếc sắc tay này của cô.

Hằng vội đỡ lấy miệng đáp của tôi. Nhưng khi nhìn thấy trong sắc chẳng còn đồng xu nào, nàng kêu thảm thiết :

— Tiền của tôi ? Tôi mất hết rồi !

— Cô có bao nhiêu ? Người để đầu trần hỏi.

Hằng mếu máo :

— Tôi mới hết hụi năm chục ngàn hồi chiều.

Quay nhìn gã thanh niên bất lương, người đầu trần nhìn y chằm chằm rồi lục túi quần hắn.

NGƯỜI ĐI

Một tờ giấy bạc theo tay ông tà chun ra.

— Đây rồi, hà hà !

Xoát thêm người hẳn, ông ta còn tìm thấy một con dao, hai chiếc đồng hồ và hai ví tiền.

— Chà, thằng này làm ăn lớn quá hèn, người đội mũ dạ gật gù nói. Thời /a về bót là vừa. Quay sang Hằng, ông ta nói tiếp :

— Mời cô về bót cùng với chúng tôi để khai, rồi sau đó chúng tôi sẽ đưa cô về tận nhà.

Lúc này Hằng mới nhìn rõ mặt hai người đàn ông. Như không kiềm giữ được sự kinh ngạc, nàng thốt kêu lên :

— Úa !

Cả hai người đàn ông cùng quay nhìn Hằng. Người đội mũ da bật cười :

— Cô nhớ ra hai chúng tôi rồi phải không ạ. Cô có còn e

ngại bọn tôi tinh g ngại bọn tôi tinh giệt chiếc sắc tay của cô không ?

Hằng đỏ mặt vội cúi xuống như không muốn nhìn thấy ai nữa. Người đội mũ dạ cười hề hả :

— Tôi nói dờn vậy thôi cô đừng buồn nghen, cô. Tôi mời cô cùng đi...

Hằng cười nhẹ .

— Cảm ơn hai ông nhiều lắm. Nếu phòng có hai ông thì «em» mất ăn cái Tết này rồi.

Chỉ tay vào mặt tên cướp cạn, người đàn ông nói :

— Chỉ có thằng này là «được» ăn Tết trong khám mà thôi !

Gã thanh niên, cúi gục đầu trong khi tiếng cười của Hằng và hai người đàn ông vang lên trong đêm lạnh...

Đã phát hành :

Mưa mắt tình

Thơ Đặng Tấn Tới

Tập thơ phát hành hạn chế, Bản thường 100đ, bản đẹp 250đ. Các bạn yêu thơ muốn mua xin liên lạc với tác giả ở 86/ 20E Phan đình Phùng, Saigon.

Đêm tống biệt

Tôi đưa người về trên đường khuya
Ngày mai đường này riêng người về
Đôi hàng cây già cùng cúi mặt
Bóng nhỏ đường dài ai tái tê ?

Tôi đưa người về trên đường trắng
Sao mờ như mắt người băng khuâng
Ngày mai bóng người đi đón độc
Nhìn bóng người, người nhớ tôi chẳng ?

Tôi đưa người về trong đêm sương
Nghe hơi lành lạnh trên môi buồn
Lặng lẽ cúi đầu người không nói
Chợt nhớ ngày mai mình hai phương

Tôi đưa người về bằng tim đau
Thương bước chân yêu của buổi đầu
Nhìn bóng người dần xa với vội
Chợt nhớ ngày mai mình xa nhau

LÊ-HOÀ

Thơ Bạch-Nga



xa
vời

Tôi nhớ em nhiều như sao lấp lánh đầy trời,
Như nước nguồn chảy hoài ra ngoài biển khơi.
Như ánh chiều dương rọi sáng ngàn cây cỏ,
Như cuộc chiến tranh này biết bao giờ mới thôi,
Tôi nhớ em nhiều như máy bay lượn đầy trời,
Như súng nổ liên miên làm ray rứt tim tôi.
Như hóa châu soi sáng lũ côn trùng trời nhạc,
Như hận thù ri làm bao trái tim mờ cõi.
Nhớ về em tôi vẫn hằng mong chiến tranh man chấm dứt,
Cho đồng lúa phì nhiêu, cho ngô khoai, hoa trái đầy vườn.
Cho chim ca, cho gió thổi, cho tình thương thêm rào rạt,
Và cho con cháu mình có bầu trời thơm ngát muôn hương.

HOÀNG THẮNG

NHỮNG VẦN

THƠ TẾT

★ Tôn Nữ Hỷ-Khương

Cứ mỗi độ xuân về lại nhắc
tôi nhớ nhiều đến thầy tôi với
những vần thơ Tết của mọi người
khi tự thuật, bộc lộ tâm sự mình
với những tình cảm riêng tư khi
nói về thời cuộc, ghi lại những
diễn biến của lịch sử. Lúc tả cảnh,
lúc tả tình.., Mùa xuân nào người
cũng dùng ngòi bút chân thật của
lòng mình ghi lại mấy vần thơ kỷ
sự.

Thời giao qua mau, bỗng có
một mùa xuân đến, người chợt
hay mình đã năm mươi tuổi :
Mới đó u oa khóc lại cười,
Mày râu nay đã đến năm
mười,

Cuộc cờ tình mãi nên long óc,
Tóc bạc thêmhoài iuống hồ
ngươi...

Thấm thoát cho tới năm sáu
mươi tuổi, với bản tính tự nh. ên,
ưa giản dị, người đã lấy vài
«cung đàn lưng tưng» để tự làm
lễ hạ thọ cho mình, với niềm vui
thêm kín là tự kèm điếm thấy
cuộc đời mình ít làm chuyện ch
để cho mình phải ăn năn hối hận:

Cung đàn hạ thọ gầy lưng
tưng,

Ít chuyện ăn năn cũng đáng
mừng

Chợt thấy nời kẻ khi mở
mắt

THƠ TẾT

Tức cười bát gạo thuở cong
lưng... Uống ít e khi rượu lấy mình,
Nhưng cũng say đừ trong dịp

Có khi gặp chúa xuân, người
muốn hỏi chuyện này chuyện nọ,
chuyện thế thái nhân tình, chuyện
năm châu bốn bề, nhưng rồi lại
thôi... Say duyên gặp gỡ với say
tình,

Mừng gặp chúa xuân ung
hỏi chuyện,
Tâm hồn Người lăm lức như
trẻ thơ, mỗi lần gặp Nàng xuân
cũng mừng rỡ, cũng sửa soạn áo
xiêm để đón chào năm mới :

Hỏi ra e đại, nín là khôn...
Tin xuân tiếng lối nỏ béu
thêm,

Đôi với bạn hữu, nhất là trong
giới thi nhân nghệ sĩ, lúc nào
người cũng một lòng quý mến,
ân cần và tha thiết :

Bấy lâu qua lại giữa Thần
kinh
Thức dậy tưng bừng sửa áo
xiêm.
Dòi kéo xấp râu cho trẻ lai,
Giở gương soi mặt té già
thêm..

Hỏi mấy ai thăm Thúc gia
Bình?

Sương tuyết năm nay đầu đã
bạc,

Nước non bạn cũ mãi thường
xanh.

Soai hoài chẳng ngại gương
chê bóng,
Cảm thấy tâm hồn mình như
trẻ thơ nên ngỡ mình còn trẻ-Hay
là biết mình đã già nhưng vẫn
dòi kéo xấp bớt râu để mong
thấy mình trẻ lại như tâm hồn,
không ngờ khi giở gương ra soi
mặt thì thấy mình theo năm
tháng đã già thêm... Thế rồi chỉ

THƠ TẾT

biết ngâm thơ lên cho đỡ thẹn : Non sông gánh nợ hãy còn xa,
 Câu thi đỡ thẹn chào năm mới
 Non sông gánh nợ hãy còn xa
 Cốc rượu mua cười sướng cả đêm,
 Với nợ chi chi tình để mà
 Dầu chẳng khôn qua xin chớ nợ khách làng thơ chưa trả hết
 dạ;
 Nợ tình vương vãi nữa là ba
 Theo lẽ lối cũ cứ êm êm...
 Và một bài nói về thời cuộc,
 Năm nhâm ngọ 1942, người nhan đề «Xuân Nhâm Ngọ»
 đã tự thuật với những vần thơ Năm Ngọ năm ni cũng rứa là
 sau đây : Cũng bầu thế giới rộn can
 qua
 Sáu mươi lăm tuổi chuyện đã qua,
 Mỹ, Anh đương phá vòng vây Nhật
 Sáu sáu năm nay hỏi mù bà : Phổ, Ý chưa rời mặt trận
 Nga
 Thế hạc trời cho thêm mấy nữa ? Mìnng tuổi chinh phu trên
 chiến địa
 Vô rùa tôi bóc thử chưa ra. Thương xuân thiếu phụ ở
 quê nhà
 Dở tờ báo mới xem tin mới
 Đạo cảnh vườn hoa bể nhánh hoa
 Té sức già đây đương mạnh No say lẫn dưới trời Nam
 Việt.

THƠ TẾT

Lặng lặng chờ nghe tiếng (cuối năm Thân qua năm
 Dậu, 1945)
 khải ca.
 Năm 1943, mặc dầu chiến Ngày tết năm ni chẳng ngự
 triều
 cuộc chưa lan tràn đến đất nước, Nhưng nhlo thời sự thế giới,
 qua mấy câu thơ trong bài khai
 bút sau đây ta cũng đã thấy tâm
 hồn người đượm buồn : Ngó vô trong nọc cảnh buồn
 thiu.
 Thi Đồ Phủ ngâm cho bớt Ngựa ra cửa khuyết chưa
 mệt, mòn dẫu,
 Rượu Lưu Linh uống để tiêu Ến liệng sân châu đã đóng
 sầu.. rêu.
 Và mỗi sáu ấy vẫn còn dai Ừ é son phấn ban thần lêu.
 dang theo những mùa xuân liên Biết ai nhắn hỏi vài câu
 tiếp : Thân, Dậu, Tuất, Hợi... chuyện
 Những cái Tết thật là buồn Trước Ngọ mên lâu buổi
 thâm, vừa nạn đợi hoành hành, xế chiều
 vừa giặc giã vây quanh.. (Tết năm Bình Tuất, 1946)
 Đan nổ bom rơi lo có một, Khai bút năm Đinh Hợi thì
 Vải khan gạo thiếu khổ bằng lại có những câu ;
 ba.
 Áo sầu đã ốm o thân vợn Miếu đường lạnh lẽo hơi
 sương khói,
 Môi dạ thêm chiu chết tiếng Chợ búa tàn lan vết cỏ rêu.
 gà.

Ngo ngàn cảnh hoa con Hoa vườn thương uyển
 bướm liêng không ai viếng,
 Âu sầu cụm liễu tiếng chim Rượu chốn sa trường có kẻ
 kêu... say,
 Và cảnh nạn đói trong những Đục nước đã buồn con sóng
 ngày đầu năm thật là thê thảm : dậy,
 Vùi nạn can qua lánh chôn Che trời dễ giận đám mây
 khôn bay
 Lao nhao nạn đói bỗng đưa Chào xuân lại thấy xuân ho
 dờn hững
 Củi rom năm giác chường Giọt lệ khôn hàn với cỏ cây !
 hai lọn, Cho đến mùa xuân năm nhâm
 Gạo lúc mười đồng chỉ bốn thìn, 1952 cũng vẫn là những vần
 lon thơ khai bút trong khói lửa :
 Tiếp tế dựng ro lòng tướng Lửa binh gây họa quá lâu
 sĩ ngày
 Cung cầu phải nặng gánh Biết mấy lần xuân trở lại
 hương thôn... đây
 Thật buồn thương cho mấy Thượng uyển cảnh hoa kia
 vần thơ «xuân cảm» sau đây : đã nở,
 Quên thú phong lưu kẻ tự Sa trường chén rượu hãy
 ngày còn say
 Là ngày chiến họa xảy ra Chiến tranh đương rộn
 đây miền Đông Á

Phòng thủ thêm dồn cuộc Muôn học sâu riêng khó nổi
 Thái Tây đong...
 Rừng bay nở thấy, thấy chim Những khi buồn thế sự nhân
 bay ! tình, người lại uống rượu ngâm
 thơ và tự bảo :
 Trong những ngày đầu xuân. Thi chẳng ích đời nhưng cứ
 người thương họa thơ của các bạn đọc,
 hữu gửi đến, trong đó có mấy Rượu tuy cao giá vẫn
 câu thơ họa văn Nữ sĩ Trương Phổ thường say,
 như sau :
 Kính đáp vần thơ xuân Quý Say rồi muốn hỏi xem ông
 ty Tạo
 Nương theo cánh nhạn gửi Đen đỏ bản cờ thế sự đây
 tờ mây Sau đây là hai bài thơ tự th uật
 70, và 80 tuổi của người :
 II
 Tờ mây muốn kể chuyện Ngưỡng mong ơn phật với
 vui lòng ơn trời
 Kể lại gây buồn dễ ngán Tuổi thọ nay đã đến bảy
 không mươi,
 Ngoảnh thấy đoàn binh nghe Rượu có mùi hương nên
 loạt sáng uống mãi
 Thêm thương giải núi chạnh Thi là thuốc bổ cứ ngâm
 giòng sông, chơi
 nhiều pho sách củ đem ra Thuở ra sân khấu không
 đọc làm rộn,

Khi hạ vai tuồng ít hồ người
 Giờ tắm gương vàng soi tóc
 bạc,
 Sương pha. tuyết điểm lại
 càng tươi,
 Ngựa tre rong ruổi thú reo
 cưỡi
 Nay đã thành ông cụ tám
 mươi
 Còn lấm tnh say theo cuộc
 thể,
 Trái bao chua ngọt với mùi
 đời
 Lựa vai quan lão thêm nghề
 hát
 Cấp bút thầy đồ sẵn chuyện
 chơi
 Già hẳn kém duyên, chưa
 kém nợ,
 Nợ thì nợ tưu vương nhiều
 nơi
 Phú xướng họa với khách Tao
 Đàn vẫn là cái thú duy nhất của
 người không phải trong những
 ngày nhân du hưu trí, mà chính

ngay tr ^ong lúc còn trên bước
 đường hoạn lộ cũng thế. Vì vậy,
 tới khi tuổi càng cao, lòng càng
 nặng tình tha thiết với bạn thơ.
 Mùa xuân năm 82 tuổi trong lúc
 thọ bệnh người vẫn mong nhớ
 bạn :
 Đường xa cây có tin thanh
 điều
 Xuân muộn còn nghe tiếng
 tử quy
 Duyên nợ vẫn chương tình
 hữu ái
 Dễ gây thương nhớ bạn làng
 thi
 Như thường lệ cho đến năm
 85 tuổi mùa xuân cuối cùng của
 đời người, người cũng còn cầm
 bút đề vịnh cảnh sắc trời xuân
 qua mấy vần thơ Tết để gửi lại
 cho khách từ chương :
 Nửa đêm trich tịch đốt lò
 hương
 Giở sách xưa xem chuyện
 Tống Đường
 Nghe tiếng chuột reo khi xởn
 gió

Nhìn con bướm liệng buổi Gửi thăm thi sĩ bạn từ
 tan sương chương.
 Liều giãng trước eira khoe (Khai bút xuân
 màu lục Canh Tý, 1960)
 Mai nở quanh sân đượm sắc Saigon mùa xuân năm
 vàng Kỷ Dậu, 1969.
 Đền vinh có đôi câu chuyết TÔN-NỮ HỖ-KHUƠNG
 thảo



Dung midol trị các chứng đau nhức
 và cảm cúm
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 1360/BVT/ĐPDC

30 TẾT, BA THEO ĐÁNH cướp xe lương TRIỀU ĐÌNH

★ Nguyễn-tử Quang

Năm 1826, triều Nguyễn, đời vua Minh Mạng năm thứ 7, ở Nam Định có Phan bá Vành, tục gọi là Ba Vành khởi binh chống lại triều đình Ông đem quân tấn công phủ Trà lý và Lân hải giết quan Thủ ngự là Đặng đình Miên và Nguyễn trung Điển, đoạt hết lương thảo, phá cả nhà tù trại giam tội nhân thừa dịp bỏ chạy.

Trong số tù nhân xông thoát ấy có một người tính tình chất phác tên Theo, tục gọi là Ba Theo. Vì chuyên bán muối lậu

lại can tội đánh lính nên bị bắt, còn giam giữ tại phủ đề chờ ngày kết án phát lưu.

Tính tình chất phác mà sao lại đánh lính?

Nguyên Theo gánh muối đi xuyên qua khu rừng, gặp lính rình bắt. Theo bị bắt và bị tịch thu cả gánh muối. Theo nản nỉ vì nghèo quá, nên làm phạm phép, bị tội tù đã đành nhưng xin thì ơn bố đức cho gánh muối lại, vì mua của người rồi bán lại, trả sau. Nay bị tù, mẹ già không ai nuôi, lại mất

gánh muối thì còn có gì để bồi thường cho người ta.

Lính nhất định không cho. Theo lại cố năn nỉ xin cho nửa gánh. Thấy Theo lải nhải mãi, lính nổi giận tống một đạp vào hông Theo làm Theo ngã chúi, miệng chửi thề om sòm. Theo chưa đứng lại vững, thì tên lính lại cung tay toan đâm vào mặt Theo. Hốt hoảng, và bản năng tự vệ, Theo đưa tay lên đỡ. Tên lính càng nổi trận lôi đình, rồi những cái dăm cái đá cứ tuôn vào người Theo ạch ạch đүй đүй như mưa sỏi. Theo mặt mày nhăn nhó, cứ khom lưng, hai tay ôm bụng mà chịu.

Thế là ba Theo đã phạm phép bán muối lậu, lại còn mang tội đánh lính nên đành vào ngồi tù; bị kết án nặng hơn.

Anh của ba Theo đi tù cùng chính đẹp loạn ở mạn ngược đã chết. Quan cấp cho mẹ già kẻ bạc số 5 đấu gạo để đền mạng, gọi là

an mưa móc của vua ban. Theo chỉ còn một mẹ già trên 60 tuổi, không vợ con, không thân thích. Ngồi trong nhà ngục, bất rận, đếm tóc chờ ngày mãn hạn, Theo nghĩ càng tức tưởi cho phẫn số, Anh thương nhớ thân phận mẹ già, không biết nương cậy vào ai. Rồi nhớ đến lời mấy thằng bạn khuyên mà anh đâm hồi hận. Họ thường bảo anh rằng: ở đời bây giờ mà không chịu đi làm giặc để kiếm chút cơm áo no lành thì uống lảm. Nhiều người đã đi làm giặc cả rồi. Triều đình hú bại, quan lại thì bóp nặn dân đen. Thằng nào cứ an phận thủ thường là chết nhẵn răng, làm con ma đói.

Họ lại còn «tiên đoán» cái nghề bán muối lậu này, đã nguy hiểm mà không bù được một lợi gì, sa cơ thì mất của, toi đời.

Lời «tiên đoán» sơ như vậy mà sao trúng quá. Hai ba năm nay

chuyên bán muối lậu mà nghèo vẫn hoàn nghèo. Bị lính rượt bắt chạy thoát được thân thì lại phải mất cả của. Đến đời không cưới được một con vợ cho đời được chút ấm cúng vui tươi, ngay đến người mẹ già, anh cũng không cung phụng được gì để cho người đỡ khổ. Nay mất cả gánh muối, còn bị chửi, bị đánh, mạng người như súc vật... cuối cùng đưa tay đỡ chưa trọn một cái lại bị kết tội là đánh lính, nghi oan ức thật.

Anh ba Thạ hôm nay càng thấy tủi buồn.

Anh tưởng cuộc đời anh sẽ bị cắt hẳn trong 4 bức tường nghiêm nhặt của nhà ngục, nhưng may thành lính nhờ ông Ba Vành giải thoát.

«Trên trời có ông sao tua,
Ở miền Minh giám có vua
Ba Vành»

Đã ứng vận tốt, tuy ngôi vàng chưa chắc vào tay, chớ Khanh tướng công hầu thì hẳn chắc nôm.

Ở đời có nhiều cách lập thân, Lèn cúi, nịnh hót người để người ban cho chức tước đó là một cách lập thân khả ố tiện. Có như vậy, trái lại chống đối triều đình, đề triều đình phải khiếp rồi «cầu hòa» «chiếu an» ban cho tước vị. Biết rằng triều đình có thủ đoạn, lợi dụng đề dàn xếp tình hình rắc rối cho êm, nhưng đối với con đường tiến thân của người con trai bằng cái lối này kể cũng... xứng đáng.

Cái ý nghĩ táo bạo này lại xâm chiếm vào trí não của một kẻ đương uất ức trong lao tù.

Trong đêm, giặc Phan bá Vành đại náo phủ Trà lý, ba Thạ được giải thoát. Anh chạy một mạch về nhà. Giữa lúc trời khuya, anh đẩy tung cánh cửa, vội bước vào vừa kêu lên :

— Mẹ ơi ! Mẹ ơi !

Bà cụ hoảng hốt, giật mình thức dậy, nghe được tiếng con, vừa mừng, vừa tủi vừa sợ, vội

đánh đèn lên. Bà chưa kịp hỏi ban, thì Thạ thở hổ hộc nói một thôi :

— Vua Ba Vành đã đánh phá phủ Trà lý rồi, nên con được chạy xông về đây. Nhờ có vua Ba Vành, mẹ con ta mới được tưng phùng. Con sẽ đi làm giặc theo ông Vành, thì đời ta mới làm ăn trên thân được. Chiếm phủ Trà lý, vua Ba Vành đoạt lương thảo, vàng bạc nhiều lắm.

Bà cụ ngắt lời:

— Ấy chết, con nghĩ vậy. Con lại la om sòm, tai vách mạch rừng. Con đã quên là thằng tù chạy xông, quân lính biết được bắt con lại nữa thì nguy.

Thạ nghe mẹ nói, bây giờ mới chực nhớ lại thân thể mình không khéo sẽ bị nắm chớp trở lại, thì cái mộng làm giặc để giàu sang lại chìm đắm trong bốn tấm vách ngục tù nữa. Nghĩ đến cảnh tội tù lao khổ, Theo bỗng đâm ra sợ, dồn dập hỏi :

— Vậy thì mẹ tính làm sao?

— Ta ở đây không thể được. Sáng bình đông, ta cấp tốc dọn lấy chút ít đồ đạc rồi đi ngay.

— Nhưng đi đâu bây giờ?

— Đi chỗ nào mà không có lính, làng, quan thì ta cứ ở. Có thế, mầy mới khỏi bị bắt.

— Con có vượt ngục đâu mà bị bắt?

— Vua Ba Vành đánh phá huyện, nhờ đó mầy mới thoát chạy được, chớ người ta có thả mầy đâu. Mà biết đâu chừng, mầy bị nghi là đồng lõa với giặc nên giặc đến cứu.

— Cả hàng trăm tù chạy thoát, chớ phải riêng con đâu, Nhưng được tiếng đồng lõa với giặc thì cũng vinh hạnh lắm chứ !

Ba Thạ vừa nói vừa gật gù lấy làm đắc chí. Bà cụ ngắt lời, cần nhắc :

— Hừ, cho mầy vinh hạnh ! Bán muối lậu can tội đánh lính

còn bị phát lưu. Theo giặc bị bắt thì bị chặt đầu, tru di ba họ. Thời đừng nói nhảm nữa chuẩn bị hành lý bây giờ thì vừa.

Bà cụ lại thờ dài như muốn khóc lăm bẫm :

— Con mà bị bắt một lần nữa thì mẹ già này còn biết sống làm sao đây !

Nghe mẹ già than, ba Thạo thấy lòng se lại. Anh nghẹn ngào nhìn mẹ đương lui cui xếp mùng mền, quần áo mà ứa nước mắt :

— À mẹ à ! Mẹ con ta đi đâu bây giờ, phải có chỗ ở chắc chắn mới được chớ.

Bà cụ gạt phăng, bảo :

— Thì tao đã bảo đi chỗ nào không có quan, có làng thì ở.

Ba Thạo cười xòa :

— Vậy thì mẹ cứ bảo ngay là đi vào rừng núi ở có hay hơn không ? Mà vào ở rừng núi mẹ con mới sống làm sao đây ? Hay là phải đi ăn cướp, làm giặc ?

— Này, mầy đừng nói đại. Trời sanh voi trời sanh chó. Nhưng thôi, việc làm ăn bây giờ cứ gát lại, hãy tính việc an thân cái đã.

Có tiếng chó sủa từ đằng xa. Bà cụ lẳng tai nghe, Có tiếng chân nện thình thịch và mỗi lúc càng rõ dần. Bà cụ vội đẩy con vào một xó nhà, rồi thôi phụt ngọn đèn. Bà vội đến cửa, đưa mắt vào kẻ hở, nhìn ra ngoài.

Trời tối mờ.

Một đoàn người mặt toàn đỏ đen, tay cầm hèo gậy tiến đến nhà bà. Bà hết hoảng, trống ngực đánh thui thui. Thì ra đó là đoàn tuấn phu. Họ đi sang ngang nhà bà, và đi luôn. Bà cụ thờ phào một cái nhẹ nhõm. Bà đứng trông một lúc, đợi chúng đi xa, bấy giờ mới quay lại đánh đèn lên. Mẹ con lại lui cui tiếp tục xếp gó hành lý. Đờ đạc không có gì. Mừng mền rách, vài bộ quần áo cũ mốc, vài cái niêu cần thiết..

Vừa loay quay bực vừa lăm bẫm :

— Đêm thanh vắng, không nên nói lăm nhảm mãi. Kỳ này lính canh tuần nghiêm ngặt lắm đấy.

Bà Thạo cũng sợ, im thình thịch, tay chân không dám vận động mạnh.

Gà gáy song canh năm.

Trên Trời vừa đậm mây ngang công làng cũng vừa mờ. Trên đường, bắt đầu có tiếng nói léo xéo của vài đoàn người sang ngang. Kẻ bung, người gánh mạnh bước, vội vàng. Đó là những người đem đồ sang buôn bán ở chợ huyện.

Mẹ con ba Thạo hối hả quây gói trà trộn theo đám con buôn lên đường.

Nhìn lại cảnh nhà có vườn rau lúp cái dương chìm trong màn đêm sương mờ nhạt, bà cụ sa nước mắt. Bà luyến tiếc cái nhà bé nhỏ xiêu vẹo, cái vườn con chỉ chứa đựng được dăm líp cải,

trộn lẫn với mấy dây bầu quấn queo bò dưới mấy cây chuối cổi cằn, nhưng có giá trị quý báu vì là kết quả công cán của bà, đã giúp cho bà ấm cúng trải qua mấy mùa mưa nắng và đói khát. Nhứt là nơi đây, còn có ngôi mộ của chồng bà, mà bà cho đó là một hình ảnh thân yêu đậm đà nhứt, như hiện thân của một người đã chung giường chung chiếu khi mất cũng như khi còn. Nay bà đi rồi, kẻ cũng như bà đã chết, cái hình ảnh thân yêu đậm đà đó chỉ hoàn toàn trợ trợ là một nấm mộ hoang tàn.

Bà thiếu vắng năm mộ, lòng bà khô héo. Mà năm mộ thiếu vắng bà, năm mộ cũng ứ rù, vắng lạnh, thê lương !

x^x

Ba Thạo đi ăn cướp thật. Và được bọn bầu làm đầu lãnh,

Hằng ngày, Thạo cũng xách búa dốt mẹ là vào rừng đốn củi, đem xuống chợ bán để độ nhứt,

nhưng sự thực, anh cùng một số bạn đi chặn đánh khách hàng. Anh chặn đánh cả lính, cả quan để đoạt tiền bạc và lương thực. Anh khôn khéo, thường đặt người do thám kỹ, để thấy đề án thì đánh, bằng thấy lực lượng đối phương mạnh, khó ăn thì rút lui êm.

Có một lần quan Huyện Giang thủy sai lính áp tải lương về nộp cho phủ, nhưng đến truông xuyên Mộc, bị bọn Ba Thạo xuất Kỳ bất ý dồ ra đánh, đoạt lấy cả. Quan huyện tức giận phải tải nộp về phủ lần thứ hai. Nhưng quan vẫn giấu biệt vụ này, không dám báo cáo đã bị cướp, sợ quan trên trách phạt.

Thạo muốn đầu quân theo «Vua Ba Vành» nhưng định đánh vài trận cho có danh tiếng, để gọi là «làm lễ» ra mắt «Vua».

Oai danh của bọn cướp Ba Thạo được đồn vang. Khách buôn mở con đường khác, nơi đông

đúc hơn Do đó. Ba Thạo chịu vắng bóng khách hàng.

Gần tết rồi, bọn cướp Ba Thạo thấy lúng túng lắm. Trên sơn trại chỉ còn độc chiếc khô trâu.

Nhưng cũng vừa lúc ấy, Ba Thạo bắt được tin mừng. Quan huyện Giang Thủy cho lính áp tải lương về phủ, Ngoài thóc gạo tiền bạc, còn có những thực phẩm ngon quý: khô nai, yến sào... Kể sơ nghe cũng bắt thèm. Nhưng chuyển này quan huyện bố trí chặt chẽ, định làm một công mà hai chuyện. Vừa áp tải lương được đến nơi để chốn an toàn, mà còn tiêu trừ kỳ được bọn cướp nữa. Vì biết rằng có quân lính đi nhiều thì chắc thắng, nhưng bọn cướp thấu quân lính rần rộ, ắt chỉ còn nước chui trốn, thò đầu ra cướp đề chia chết sao? Thế là quan huyện thi hành một mẹo «nghe binh».

Nhưng chẳng may cho quan huyện kẻ hoạch hay họ ấy bị bại

lộ. Nguyên ba Thạo cũng tinh khôn cho người giao thiệp với vài tên lính tin cẩn trong huyện nhờ báo tin tức. Hề đánh cướp được dù nhiều dù ít cũng chia nhau hưởng. Ba Thạo được tin vừa mừng thoát nạn vừa lấy làm tiếc. Làm sao đánh bại được chúng để đoạt lương thực, nhứt là khô nai yến sào... để chịu hưởng mãi một thứ khô trâu đã chán ngấy.

Nội bộ không được bao nhiêu người mà lại rất lừng chừng. Kẻ muốn đánh kẻ muốn không. Kẻ lại bảo thế nào cũng được. Nhưng đánh thì đánh cách nào, không khéo đem trướng chọi đá. Bỏ thì uống mà nuốt thì không trôi,,

Đã mang danh thủ lãnh, không lẽ rút lui có trật tự, sẽ bị em út cười là hèn nhát nên anh Ba quyết đoạt cho kỳ được đồ nhậu của quan huyện làm lễ cho quan phủ thưởng xuân ăn tết. Nhưng số nha tráo chỉ có hơn 20 người thì làm sao đương đầu nổi cả hàng trăm lính huyện. Không khéo thì

không còn ăn tết ở thế gian!

Ba Thạo suy nghĩ lung tung.

Ba mươi tết, lính huyện sẽ áp tải lương thực sang con đường Xuyên mộc.

Mà nay là chiều 29 rồi.

Ba Thạo ngồi đứng không yên.

Anh cùg vài nha tráo thân tín nhứt dối âm mưu. Lại bàn bàn tán tán. Rượu vào lời ra, rồi ý hay bỗng được nảy sinh. Họ phát cười rộ lên, lấy làm đắc chí.

oOo

Ngay trong đêm đó Ba Thạo đánh thức cả bọn lập tức thi hành kế hoạch. Tìm được mẹo lại tin tưởng chắc thắng nên mọi người cả mừng.

Thế là trong đêm tối mờ, giữa truông Xuyên một một toán người bị hục đào đất thành từng hố cách khoảng nhau chạy dài độ hai dặm đường. Mỗi hố bề dài độ 20 thước bề ngang 8 thước, bề sâu 5 thước. Đào xong, họ cắm những cọc nhọn ở dưới trải lên rồi lấp một lớp đất có phủ cỏ úa cùng là

vàng, trông như một con đường
thường hằng ngày.

Công việc thật nặng nề, vất vả
nhưng ai cũng nỗ lực, hăng hái.

Trời vừa dâm ngang thì mọi
việc đều xong. Họ rút vào rừng,
núp hẳn đầu dây, chờ đợi.

Mặt trời vừa ngang đỉnh, đầu
đoàn lính tải lương của huyện đã
đến gần trường Xuyên Mộc. Xe chở
lương có hàng chục cái. Cái nào
trông cũng nặng nề như chứa đầy
lương thực. Lính áp tải thì chỉ độ
mười người. Viên suất đội đi sau
hộ tống. Hắn đưa mắt nhìn ngang
đọc, rồi ra lệnh :

— Gần sang trường rồi đấy,
chuẩn bị hé chuyển trước vì không
có ta đi nên bị mất lương tại đây
Bây giờ thì chúng sẽ mất mạng để
đền tội.

Đoàn xe vẫn lọc cọc lạch cách
nặng nề lăn bánh trên con đường
gồ gề khúc khuỷu. Mấy tên lính áp
tải mồ hôi nhễ nhại dưới trời trưa
nắng như thiêu. Cánh rừng già
vẫn im không một chút gió lay động

Chim chóc đã rút mình vào bụi
rậm. Cảnh vắng ngắt. Không có
tiếng động nào khác ngoài tiếng
thở hi hục hòa với tiếng bánh xe
lăn nghiêng rột rạt, lạch cách trên
vài hòn sỏi đá lồi lõm.

Xe qua khỏi trường, không có
một sự gì trở ngại. Viên suất đội
ngồi trên ngựa cất tiếng cười ha
hà, giọng ngạo nghễ :

— A bọn cướp rài sỏ còn đồ !

Nhưng vừa qua khỏi trường
một quãng, xuống phải dốc đất
bằng, bỗng có tiếng pháo nổ, tiếp
theo đó, tên từ hai bên rừng bắn
ra tua tủa

— A bọn cướp sỏ của chúng đã
đền.

Viên suất đội liền xuất còi
lệnh.

Bao nhiêu xe chở lương bấy
giờ đều mở toang cửa ra. Mỗi xe
đổ xuống có hàng chục lính

Tên trong rừng bắn ra càng gần

Lính trong xe hối hả nhảy ra

Kẻ này đẩy kẻ kia, kẻ kia đẩy kẻ nọ.
Tay cầm vô khí sáng loang loang.
Nhưng chưa chui hết ra ngoài thì
thình lình đánh ầm một tiếng bao
nhiều xe lẫn người đều đổ ụp xuống
hố

Những cây thịt đổ xuống bị
chong nhọn từ dưới chĩa lên làm
có kẻ bị dâm ngang hông, xuyên
qua ngực xóc từ đít lên treo lủng
lẳng thân xác quằn quại Máu phun
có vòi tiếng rú rùng rợn tiếng
kêu trời thê thảm vang dậy cả một
khu rừng

Tên trong rừng lại càng bắn
hăng hơn.

Và, giữa lúc những cây thịt
đương oằn oại và một số lính
may mắn thoát được nạn chong
nhọn xóc, đứng chưa kịp vưng
chân, mắt còn nổ đom đóm tinh
thần hốt hoảng thì đột
nhiên, từ hai bên mé rừng
có tiếng hét vang dậy như xé
không gian :

— « Sắt ! sa... át ! sa... át ! »

Thê là cả hàng chục người ở at
đổ đến như dê vỡ sừng tràn.
Người nào cũng mình trần trụi
trục, đầu vẫn khăn chèo đỏ, mặt
mày thân thê đầu về rần rì, trong
tay lăm lăm những thanh mã tấu
cực sắt.

Thật là một cảnh tượng cực kỳ
kinh khủng.

Bọn lính huyện còn sống sót
chưa nhận định kịp đây là một
toán thiên thần, thiên binh hay là
quỷ sứ chần tinh ba hồn bảy vía
đều tiêu cảo cổ chạy thực mạng.
Viên đội suất chỉ huy còn ngồi
trên ngựa, toan quát ngựa bỏ chạy
Nhưng con ngựa cũng dâm hoảng
hốt giơ cẳng, rùng rờ càng bị làn
roi quát mình thì lại càng không
chạy được chai, giơ trước cứ chồm
dựng lên mà hai giò sau như
có một ma lực nứ tri lại quăng
viên suất đội ngã còng quay
xuống đất.

Một màn đen thẫm bao trùm

viên đội suất tối tăm cả mày mặt,

đội đều đồng loạt sấn dầy quần
Tuy vậy hẳn còn cố lấy hết hơi
tàn lóp ngóp bò trườn vào lùm
cây gần đó mong hoát chết. Nhưng
một thanh mã tấu từ sau phạt
ngang qua, cái đầu của tên đội
suất bị bắn đi một nơi lẩn long
lóc vào đám cỏ lậm.

Cánh rừng già náo loạn thởi
gian chưa chín nổi cơm đã trở
lại cảnh vắng vĩa.

Thật là thảng gọn, ăn ngon.
Không hao một mạng nào, anh
Ba đầu lãnh bấy giờ mới kiểm
điểm chiến lợi phẩm thu dọn chến
trường.

Nhưng ngoài hàng chục chếc
xe hư đồ vớ nằm ngồng ngang và
hàng mấy chục tên lính bị đống
cọc và thây xác mất đầu, thì
không có gì nữa. Thì ra tên quan
huyện Giang thủy ước định tài
ương nộp phủ và dựng lễ vật
quý cho quan phủ thưởng tết đón
nhưng giờ phút chót hẳn lại hoài
ngh: thế nào nên thay đổi ý định

chỉ cho lính đi. Còn lễ vật sang
mừng ba sẽ cho tãi sau. Các em
út lay trong của ba Theo bắt
được tin vội báo cho hay rồi thởi
không theo dõi đến công tác cuối
cùng. Vĩa lại họ chỉ chú trọng
đếm chính là báo được tin «mẹo
ng i binh» của quan huyện đề
tránh mà thôi. Còn thực phẩm
quý không đáng kể

Không ngờ anh Ba đầu lãnh
đề ăn cái tết «ngon lành» mới ra
công... mạo hiểm như thế làm cả
bộ một nhòai cả đêm đem công
phu vất vả và nguy hiểm mà
không thu hoạch được gì cho ra
hồn.

Anh Ba đầu lãnh cùng đồng
bọn đứng liu nghiêu nhìn cảnh vật
Một lúc, anh lại thở dài nói :

— Chết nhiều quá ! Giết bon
mọi này có lợi ích gì. Mồ tỏ
thằng quan huyện nó tiếc của mà
không tiếc mạng lính của nó.

Đoạn anh lại tặc lưỡi chửi thề
một câu thỉu nào :

— Đu mẹ, tết này lại nhai khô
trầu nữa !

NGUYỄN-TỬ-QUANG

XUÂN CỦA CHÚNG MÌNH



★ Lý-thụy-Ý

*Cư xá Trương minh Giảng.
một đêm thật nhớ.*

Anh thương của Ý.

Anh sẽ đọc thư em trong một
sáng tình sương trước khi chuyền
quân ? Anh sẽ đọc thư em giữa
làn gió nhẹ buổi chiều khi dừng
chân ở ven rừng chờ địch ? —
hay anh sẽ đọc thư em dưới ánh
sáng hòa châu soi ngập thung
lũng Diêu Trì của Tiên Đồn
Thạch Tuấn ?

Trong khoản thời gian và
không gian nào thì hương vị tình
yêu của Thụy Ý gửi về anh vẫn
nguyên vẹn. Nguyên vẹn như

chất ngọt làn môi của người
con gái sắp bỏ xa mùa xuân 20
— Nguyên vẹn như nét đẹp kiều
hùng trong nhân dáng người trai
khoát chiến y Biệt Động.

Tháng trước, Thụy Ý có được
thư anh — những giòng chữ
viết vội trên bao thuốc lá Quân
tiếp vụ — anh bảo ở mãi trong núi
rừng, trực thảng chỉ tiếp tế thuốc
lá Quân tiếp vụ — thêm một
điều pall mall những đêm sương
xuống lạnh — Thư người yêu
đến, đọc đi, đọc lại, đến thnoch
lòng — đến nổi mành giấy màu
xanh mang mùi nước hoa «Royal
Ban De Champagne» quen thuộc

bạc nhàu như tờ giấy bỏ — Rồi tìm mãi, tìm hoài một tờ giấy gọi là «tờ tếu» đề bài âm thì... cũng đành phải xài đến «cây nhà lá vườn».

Qua một khía cạnh nhỏ nhất đó, đã chứng minh cho em thấy sự thiếu thốn, vất vả của cuộc sống chính nhân, nghe thương anh chị lạ.

Anh của em,

Bây giờ, những con chim én bé nhỏ và xinh xắn đã bắt đầu già từ hải đảo đề mang mùa xuân về cho đất liền rồi đó. Anh có đề ý thấy ánh nắng đã ấm hơn, nồng nàn hơn không? Anh có nhìn những đợt cây trong vùn rùng anh trú đóng đề thấy chúng đã muốn nở ra những cánh nụ non xanh không? Có lẽ, bận rộn với súng đạn, quân hành, anh không có thì giờ đề ý những báo hiệu của mùa xuân phải không hở anh?

Saigon đã biến mất gương mặt

chờ đón một đêm Noel mơ mộng đề tươi cười với những màu sắc mùa xuân, mặc dù một thiếu số những người đứng tuổi đã đề đặt trong việc mua sắm, vì thời giá đắt đỏ và cũng vì âm hưởng của một tết Mậu Thân chưa tan hết trong ý nghĩ, nhưng những hàng phố vẫn chật như nêm, từ những tấm lụa ngoại quốc đắt tiền đến một tấm carte giá 20đ... ở tất cả đều đông đảo thân chủ chiểu cổ.

Hôm đi lựa hàng may áo tết với má, em chợt nhớ đến màu áo Noel, màu vải xanh và kẻ robe anh đưa em đi may trong Passage Nguyễn Trung Trực — chiếc áo đẹp ghê, anh khen hoài vì làn da em như trẻ ng hân sau lớp áo xanh — Những người qua lại nhìn em và anh bảo là sẽ đi lên vì ghen, những ý nghĩ về anh làm em ngán người — má nhắc hai ba lần em mới nhớ đến xấp hàng trên tay. Em bồng bồng về có, buông trả xấp hàng và không

muốn mua n tra. Em nói với má đề hôm khác — nhưng em biết là em sẽ không chọn được màu áo vừa ý nếu không có anh — Anh về muộn thì năm nay em không may áo mới đâu.

Phong ơi! còn chiến chinh nên mình còn xa cách. Từng đêm, hóa châu bùng lên trong lòng cư xá bé nhỏ. Em khàn cầu ánh châu hồng soi thật sáng vùng chiến trận đề những chiến sĩ. Trong đó có Phong của Ý, thấy rõ bóng dáng địch quân và không vấp phải những bẫy mìn, hầm chông của chúng.

Những giòng chữ chân phương với trọn vẹn tha thiết của Thụy Ý sẽ đến với anh, thay vòng tay và nụ hôn của người em gái nhỏ.

Em anh

THUY Ý

Tôi gấp thư bỏ vào phong bì, nắn nót viết tên Phong và KBC của anh. Trong một thoáng, nụ cười triu mến của người lính «mũ

áo» chợt tìm đến... nụ cười đề thương vô cùng, như lần thứ nhất khi tôi mở đôi mắt mệt nhọc trong vòng tay anh.

oOo

Chiến trận bùng nổ ngay ngày

đầu xuân đã biến tết «Mậu thân» thành âm đạm. Nhà nào cũng đóng cửa, bất đắc dĩ phải ra đường thì lo âu, chờ đợi. Đó là vùng yên ổn như cư xá của chúng tôi Ba má tôi cấm chúng tôi ra đường, bán mứt, thịt kho tàu, dưa hấu, gà vịt, những món chuồn bị ăn tết được chúng tôi «chiếu cổ» bên những bữa cơm buồn tẻ hay trong những bàn domino... pháo dốt giao thừa được các em tôi xé ra lấy tỉ uốc súng dốt từng nhúm,.. màn ảnh television, radio không ngọt loan báo về cuộc chiến tiếp diễn làm mọi người sốt ruột. Chiếc áo tết tôi xếp vào tủ vì... đi đâu mà «điện»!?

Mồng 10 tết, tôi được tin

người Di ruột ở Nguyễn Thiện Thuật đã chạy lánh nạn về nhà thờ gần đó, nhà cửa tan hết và Di đang bị thương. Má tôi hốt hoảng định lên thăm Di nhưng tôi nâng nặc đòi đi thế. Tôi viện cớ mình biết đường hơn má tôi. Má tôi căn dặn đủ chuyện như tôi sắp đi vào... hang cộp.

Những đoạn đường cô lập bởi kìm gai, những vết tích chiến tranh loang lổ ngay lòng thành phố làm tôi rùng mình. Chiếc Solex chạy ngoằn ngoèo tìm đường... đột nhiên một tiếng nổ dữ dội phát ra. Tôi hốt hoảng buông tay lái và lịm đi trước khi biết rằng mình bị thương.

Tôi cựa mình tỉnh lại và nhận ra mình đang nằm gọn trong vòng tay một người đàn ông. Anh ta cúi nhìn tôi mỉm cười và dịu dàng bảo.

— Cô gương đau nhé, để tôi đưa vào nhà gần đây băng bó tạm.

Tôi nhắm mắt vờ như lại mê đi để tránh tia nhìn của người đã cứu mình. Người tôi nóng bừng, ray rức, làm xôn xao từng thớ thịt, tôi cố gắng nằm im cho đến khi tôi được đặt xuống giường.

Tôi bị mất mìn đi xót ngang vai và may mắn đứng xa nơi nổ nên sức mạnh mìn đi yếu, tôi chỉ bị thương xoàng và ngắt đi vài hoảng hốt.

Người lính «mũ nâu» vừa băng bó vừa trấn an tôi, anh nói thật dễ thương và nhất là ánh mắt, dù bởi tôi vẫn nhận thấy tia nhìn linh động, triu mến của anh.

Tôi đòi về một mình nhưng anh không cho, anh lấy xe peep đưa tôi về má tôi, sau cơn hốt hoảng rồi rít cảm ơn anh, mảy đưa em trai tôi tò mò mân mê bộ đồ Biệt động Quân của anh, tụi nó đòi phong đưa xe peep đi coi «uỳnh nhau». Phong hẹn bao giờ tạm yên anh sẵn sàng chịu.

Phong trở lại thăm tôi trong những ngày chiến cuộc dữ dội. Anh đến sau phiên trực, sau cuộc tảo thanh... tất cả những lúc có thể được, anh không bỏ tôi cô đơn bao giờ.

Cuộc tổng công kích qua đi và tiêu đoàn của phong trở lại với tiền tuyến xa xăm. Đơn vị anh duy chuyển hoải nhưng gừa nững xa cách đó, nhớ nhungg sâu đậm đã cho tôi và phong tế nhận hương vị tình yêu, chúng tôi không hề thiếu nhau trong cuộc đời — những lần đi bên nhau trên con đường Trần Quý cáp đây bóng mát, Phong vẫn thì thầm rằng tình yêu của chúng tôi là một.. huyền sử?... vì nó được cấu tạo trong một mùa xuân lịch sử!?

oOo

Tiếng chuông gọi cửa làm tôi choảng người buồng tờ báo nhìn ra. Dáng một người lính chiến làm tôi suýt reo lên...

nhưng mà không phải là Phong của tôi rồi! tôi uể oải đứng lên, thăm hy vọng đây là người mang tin của người tôi yêu. Nhưng tôi gọi cho anh gần một tháng rồi mà chưa có hồi âm, có lẽ.

Người lính «mũ nâu» trẻ tuổi, da đen sạm và gương mặt khắc khổ khẽ cúi chào tôi và hỏi:

— Thưa cô..., cô là Thụy Ý?

— Vâng!... tôi... xin lỗi, ... anh có phải là bạn họ g không?

Người lính gật đầu.

— Dạ... Trung úy Phong bảo tôi đem bức thư đến cho cô... Trung úy...

Tôi ngắt ngang:

— Anh Phong tôi ở đâu anh?

Ánh mắt hẳn tìm xuống, giọng hẳn ngập ngừng.

— Trung úy bị thương... hiện ở TYV/Cộng Hòa.

Rồi như đề tôi đỡ lo, hẳn nói thêm:

— Vết thương cũng không nặng lắm cơ... Trung úy vừa được giải phẫu gấp mảnh da ở tay...

Tôi kêu lên :

— Anh ấy bị thương bao lâu rồi ? sao mãi bây giờ mới cho tôi biết ?

Nhận thấy mình câu kính vô lý tôi định chữa lại nhưng người lính kiên nhẫn phân trần.

— Trung úy nói sợ cô buồn... đợi bớt bớt rồi mới dám báo tin.

Giọng hẳn thật thà, mộc mạc tôi gượng cười.

— Anh về nói với Phong tôi sẽ vô chiều nay nghe.. cảm ơn anh nhiều lắm.

oOo

Tôi dừng lại gõ cửa phòng ngoại thương — Ánh mắt chờ đợi của Phong sáng lên, tôi bước vài bước và gần như quỵ xuống bên mép giường, nước mắt tràn

ra làm nhạt nhòa hình ảnh người thương trước mặt.

Phong vuốt tóc tôi bằng tay trái cứ chỉ anh vuốt về đáng thương anh lau nước mắt tôi bằng khăn của bệnh viện. Tôi ngã đầu vào ngực người yêu. Hai đứa im lặng rất lâu như thế.

Cánh tay mặt của Phong bị băng bột cứng vào ngực. Anh xanh xao vì mất máu và vết thương phá khuấy giấc ngủ. Tôi cảm thấy xót xa trước chứng tích của người lính kiêu hùng. Phong kể tôi nghe trận đánh đã đưa anh về Quân y viện. Chưa bao giờ tôi thù ghét chiến tranh bằng lúc này.

Tôi thường xuyên đến với người yêu bằng tình yêu nồng nàn và những bài ca diễm ảo u anh vào giấc ngủ. Tôi khuyến khích Phong lúc anh chán nản, những lần anh tập viết tay trái, Tôi nắm nó cầm tay anh đưa từng

nét chữ như đối với đứa bé vô lòng. Phong viết mãi tên tôi và ba chữ «Anh yêu em» cho đến khi thật đẹp nét và tôi thưởng anh bằng sự hôn dài.

Các em tôi vào thăm Phong. Sơn nó tình nghịch bảo :

— «Năm ngoái chị Ý bị thương năm nay đến lượt anh Phong.. hai ông bà» giống nhau ghê đi.

Phong cười :

— Thì năm ngoái anh sẵn sóc chị Ý,, năm nay Ý sẵn sóc lại anh như vậy là huê chứ sao.

Dù trong hoàn cảnh nào, có bại kẻ yêu nhau niềm vui cũng tìm đến. Những buổi chiều hai đứa tôi đi chậm chậm trên những con đường nhỏ trong sân bệnh viện, tôi thấy hạnh phúc tràn đầy bên người thương bình đáng yêu. Tôi thấy mùa xuân đến, nhẹ và êm — gần gũi và diễm lệ dù năm nay tôi không may áo mới.

LÝ THUY Ý

(Khởi Lửa 20 — xuân 69)

Dùng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1560/671/BPDC

Hồn pha lê



Đừng chạm đến ! linh hồn tôi sẽ vỡ,
Hồn pha lê nứt vỡ mấy mùa thương.
Tháng năm gầy ốm trọn bóng quê hương :
« Một mảnh đất lệ đào pha sắc máu. »

Đừng chạm đến ! Linh hồn tôi lão đảo,
Trong hận sâu nhìn thấy mặt trời say.
Bah nhiều người còn, mất, buổi hôm nay,
Cấy vào đất những nỗi niềm bi thiết.

Đừng chạm đến ! Linh hồn tôi rên siết,
Hồn trắng trong ôm núi biếc, sông dài.
Chốn ai quan còn bóng hỏa châu bay,
Mùa xuân củ phố phường thành chiến lũy.

Ngày xưa ấy linh hồn tôi ủy mị,
Nhưng hôm nay trong tiếng nấc tình quê.
Đã rần rần như một chất pha lê,
Niềm rung cảm chỉ trao về đất nước.

MẠCH-QUẾ-HƯƠNG

(Vĩnh Bình)

ý nghĩa tranh tết

CỦA NGƯỜI VIỆT-NAM

★ TRIỀU-VÂN-TỬ

TRƯỚC đây ở miền Trung
Châu Bắc Việt mỗi dịp mùa
nhà sửa soạn đón tết mừng xuân
thì từ chốn thôn quê đến nơi
kê chợ lạ xuất hiện một loại
tranh màu gọi là tranh tết.

Tranh Tết được chuẩn bị từ
tháng một ta, đợi đến những
ngày cuối năm mới tung ra thị
trường. Vì vậy tranh tết gọi nên
hình ảnh mùa xuân tươi thắm
đang về.

Tranh tết, như một tập quán,
đã trở thành một vật hầu như
không thể thiếu sót trong những
ngày năm mới năm mè. Tranh
nở rạn rỡ trên hè phố, góc
đường, cửa đình, góc chợ, treo
bày một cách dễ dãi để bán cho
đủ hạng người đem về trang

hoàng nhà cửa. Từ nơi cửa rộng
tường xây đến nơi cổng tre vách
đất hay nơi phên liếp lều tranh
đều đượm vẻ hân hoan tươi
sáng ngời lên nét mực màu tranh
trong những giờ phút đầy ắp
ấp hy vọng trước một năm mới,
một dịp để gầy dựng lại, một
dịp ôn lại năm cũ vừa đi vào kỷ
niệm.

Tranh tết là một loại tranh
bình dân hoàn toàn khác lạ
trước lối tranh Tây mà lại không
trau chuốt như tranh Tàu. Loại
này cũng thường bán xen lẫn
với tranh tết của ta. Tranh Tết
truyền thống của ta nom dưng
dị hần nhiên đến độ người khó
tinh sẽ đánh giá nó thấp kém.
Quan điểm này đúng phần nào
nếu xét các tranh in lúc sau này

hội phẩm màu cứng cõi trên nhận ra rằng hội họa dân tộc
giấy nhật trình hay giấy lộn. có chân giá trị.

Trái lại, nếu ai thương thức Tranh tết với kỹ thuật in thò



Vua Lê thánh tôn (tranh vẽ hội Châu Biên)

những tờ tranh in nét đen thanh sớ, nét vẽ không cầu kỳ mà
đậm uốn lượn trên nền giấy phóng túng, màu sắc lại giản dị
điệp, giấy hoa tiên với những hần đã chỉ rõ cái xuất xứ bình
quét màu thuốc bột, sắc dịu mà dân của nó. Tranh Tết phản ảnh
tươi, mới thấy cái quyền rũ và một cách chân phương con

người bình dân trong xã hội, cùng một sinh hoạt của nông dân nước Việt, miền nam này hầu như không biết đến tranh Tết nhưng đã có mai vàng, dưa hấu trong việc tô lục chuốt hồng.

Tranh tết có một đặc điểm là không cho biết người vẽ là ai. Người vẽ tranh tết xưa không cố ý tạo ra những kiệt tác hội họa vì chính ngay những tác giả này hầu hết không ai ghi lại tên hiệu gì cả. Nhưng tranh tết đã có những giá trị riêng biệt, nhất là phản ảnh một cách chân phương những rung cảm của người bình dân và những nét sinh hoạt của xã hội Việt Nam qua nhiều thời đại khác nhau.

Cùng với tranh tết ta cũng nên kể những tranh diễn tả tết trung thu và những dịp hội hè khác hoặc đề tài tôn giáo.

Đề tài tranh

Riêng tranh tết đề tài đã rất phong phú, thông thường trông thấy thế nào, vẽ gì thì người ta gọi tên tranh như thế. Tiêu biểu hơn hết là tranh Gà, tranh Lợn, tranh Éch, tranh

chuột, tranh hứng dừa, đánh ghen đề tài và nét vẽ rất Việt Nam rồi đến tranh Tiến Tài, Tiến Lộc, ông Trương, mượn đề tài Trung Hoa thứ đến tranh lịch sử : Bà Trưng bà Triệu vua Đinh, tranh điển tích Thạch Sanh, chúa Ba chùa Hương v.v... và những tranh diễn tả nếp sinh hoạt nông thôn và thành thị, nhìn theo khía cạnh châm biếm ngộ nghĩnh.

Theo nội dung tác dụng và ý nghĩa của tranh ta có thể xếp theo những loại sau đây:

1) «Tranh» chúc tụng cầu ước gồm những tranh Bách phúc, Tam Đa, Tiến Tài, Tiến Lộc, tích ngọc, đôi kim, hóa hợp bình an đình tà lưỡng vượng vạn đại tử tôn, với vật tượng trưng như quả đào (thọ), quả lựu (nhiều con cháu), con gà (kê — cát điềm lành) gà, lợn mẹ con đầy đàn tượng trưng cho sự no đủ hạnh Phúc.

2) — «Tranh lịch sử», gồm những tranh : Bà Trưng cỡi ngựa, Bà Triệu cỡi voi, Đinh Tiên Hoàng đứng trên lưng rồng, Ngô Quyền chỉ huy chiến thuyền...

3) — Tranh diển tích và tôn giáo: sự tích Chúa Ba, chùa Hương, Đường Tang thỉnh kinh, Bát tiên, Lục Vân Tiên, Ngưu Lang Chức Nữ...

4) — Tranh kể chuyện: Sự tích Thạch Sanh, chuyện Kiều, Tam Quốc, Chiêu Quân Cống Hồ, Hoa Tiên, Lục Vân Tiên, gồm nhiều bức tùy truyện dài ngắn.

5) — Tranh giáo dục luân lý: Nhị thập tứ Hiếu và những châm ngôn.

6) — Tranh giai cảnh tổ Nữ Tứ Thời, trình bày theo lối cổ đồ hoặc hoa diển, thảng cảnh, 4 bức treo thành bộ tứ bình.

7) — Tranh châm biếm, khôi hài: Thầy đồ cóc, đám cưới chuột, hững dờ.

8) — Tranh sinh hoạt Xã Hội: tư dân, sĩ, nông, công, thương, mục đồng canh diển, các trò chơi trường thi, phong tục cải lương, văn minh tiến bộ loại sau cùng thường được vẽ khôi hài ít nhiều.

9) — Tranh Trấn Trạch: Môn Thần, vũ đình, Thiên Ất, Bát quái, tử vi trấn Trạch,

10) — Tranh thờ: Táo quân, Thổ địa, tiên sư và những tranh vẽ chư vị Ngũ Hồ, tranh Phật Giáo: Quan Âm, Di Lặc...



Loại tranh này không hẳn là tranh tết nhưng thường được trang hoàng thay mới vào những dịp tết.

Ngoài ra, vào dịp tết, người ta còn thấy những thầy đồ, thầy

khóa có hoa tay vẽ những tranh thủy mặc, tứ bình hay sơn thủy có đề thơ treo bày bàn kèm với những câu đối viết sẵn, những chữ đại tự viết trên giấy vàng rắc bạc, hoặc giấy hồng điều rắc vàng.

Ý nghĩa tranh

Riêng về loại tranh chúc tụng, diêm lành, người ta thấy mỗi kiêu có một nguyên lai và một ý nghĩa riêng. Một số lớn những đề tài loại này đã mượn đề tài Trung Hoa trong bố cục và hình vẽ vì vậy giống tranh Tàu. Tuy nhiên, với khiếu thẩm mỹ và kỹ thuật nhìn ranh tét có những nét vẽ và màu sắc riêng nên dần xa tranh Tàu mà có tinh chất của ta hơn.

Trong loại tranh này ta còn thấy quen thuộc nhất là những tranh tiến tài, Tiến lộc vẽ hai ông áo dài, mũ cao chỉnh chạc, quý hoặc đứng đối diện nhau, một ông dâng một cuốn thư đề chữ «tiến tài», một ông dâng một trái đào đề chữ «Tiến lộc». Hai ông này thường được dán ngay nơi cửa vào, nhưng ở nơi

cổng chính vào nhà thì người ta lại treo hình hai ông tướng: Theo người Trung Hoa gọi là Môn Thần, Diển tích như sau: Vua Đường Thái Tôn (627-650) có lần ốm trông thấy oan hồn ma quỷ hiện đến ám ảnh, phải nhờ đến hai quan võ thân tín là Tần Thúc Bảo và Hồ Kính Đức bện giáp trụ cầm khi giới đứng canh ở cửa cung, ma quỷ thấy hai ông tướng oai phong lắm liệt không dám bén mảng đến quấy nữa. Nhà vua ngủ mới yên giấc. Nhưng sợ làm mệt nhọc hai bầy tôi thân tín, nên nhà vua sai vẽ hình tượng hai ông mà dựng nơi cửa cung. Ma quỷ không thấy xuất hiện nữa. Từ đó dân chúng bắt chước, vẽ hình hai ông ở cửa nhà và thành tục lệ vẽ hai ông tướng canh cửa. Song những ông tướng canh cửa của ta trên tranh tét lại đề tên là Vũ Đình và Thiên Ất có khi ghi kỹ hơn những câu: «khử bạo, trừ hung, phù nguy cứu nạn». Tranh cầu chúc hay mang diêm lành còn có vẽ những chú bé ăn mặc tươm tất, đầu tóc đẽ cút và để trái đào ôm một con cá sau lưng có bông sen.

Tranh có thể giải nghĩa như sau : Có chữ Hán là ngư, gần âm thanh dư là thừa, đồng từ liền với hoa sen chữ Hán là Liên, đọc nhanh ghép lại tiếng từ cộng liền là thành đồng tiền. Vậy ý bức tranh có thể đọc như lối triết tự là dư đồng tiền.

— «Tranh gà» : Có gà trống phát âm Hán Việt là kê gần tiếng cát hình dung cho điềm may mắn tốt đẹp. Ngoài ra còn là hình ảnh gọi hòa bình và can đảm. Gà mái với đàn con ý chúc nhều con và hạnh phúc gia đình đầm ấm.

— «Tranh lợn» và bầy con có ý nghĩa tương tự thêm điềm no nê đầy đủ.

— «Tranh chú bé mặc áo đẹp», đeo khánh vàng, ngồi xem cá vàng bơi trong chậu pha lê, có thể đọc ra là : «phúc khánh hữu dư».

— «Tranh vẽ 4 chú bé», chú thứ nhất cầm cành táo (táo), chú

thứ hai cầm sên (sinh), chú thứ ba cầm cái trện (dấu hiệu của quan văn), chú thứ tư cầm cây long đao (dấu hiệu quan võ). Tranh này ý chúc rằng : «tào sanh quý tử».

— «Tranh vẽ một bầy con nít» cầm chơi một giầy bầu ; ngoài ý nghĩa do chữ đề «Vạn đại tử tôn» Còn có ý nôm na là con cháu dài dòng đông đúc như giầy bầu giầy bí.

Loại tranh điển tích có một số điển tả những câu chuyện Trung Hoa như Tam Quốc, Tây Du, những tranh khác điển tả những câu chuyện hoàn toàn Việt Nam như Thạch Sanh, Lý Thông, Tống Trân, Cúc Hoa.

Cũng như những tranh điển tả mọi nếp sinh hoạt của xã hội VN thời xưa có tứ dân : sĩ, nông, công, thương. Cũng với tranh hội hè, trò chơi, thời cận đại hoặc những hình ảnh về cải lương phong tục. Những hình ảnh này được vẽ ri rớm nhất

là những tranh khôi hài, châm biếm, hoàn toàn tính chất của người bình dân Việt Nam.

— «Tranh đám cưới chuột» là một tranh ngộ nghĩnh châm biếm vấn đề hối lộ. Đến như mèo kia đã nhận của đút rồi thời chuột cứ việc nhớn như chằng còn sợ hãi gì nữa.

— «Tranh thầy đồ ếch» cũng là loại tranh khôi hài : thầy đồ ngồi oai như cóc cụ trên sập chạm chân quý. Trước mặt án thư bày đủ điều đóm, nghiên bút chén trà ; bên án một tên học trò đem sách lên đọc bài, phía sau một tên không thuộc bài, bị đánh đòn. Bên kia án thư một tên xách ấm rót nước và trường trường đang chỉ bảo đàn em học bài.

— «Tranh đánh ghen» vẽ bà vợ cã bụi tóc ngược sấn đến khùng bố vợ bé nhưng con nít tay mẹ lại và vợ bé được ông chồng

tim cách che chở. Tranh đề «Muốn vẽ tranh, tham vẽ quý»

— «Tranh hứng dừa» vẽ hai người đàn ông đ ng khổ leo cây hái trái ném xuống cho hai người đàn bà kéo váy ra đỡ, tranh đề «trong như ngọc trắng như ngà» đề tả cái thanh khiết của chũ dừa nhưng cũng ám chỉ đến da dẻ người đàn bà.

— «Tranh sinh hoạt xã hội» có nhiều chi tiết lý thú sống động vì ghi toàn những cảnh thấy tận mắt, tranh bêu lộ về yêu đời, yêu thái bình, an lạc nhất là trong những cảnh sinh hoạt nông thôn và hội hè.

— «Bức tranh «Canh nông vụ đồ» vẽ tất cả những giai đoạn của một vụ lúa từ cuốc đất, tát nước, cấy bừa, gieo mạ, nhổ mạ, cấy lúa, gặt hái từ nơi đồng ruộng rồi gánh về nhà để đập giã, xay, sàng thành thóc, thành gạo cho người, cho gia súc gồm lợn, gà, chó, chim ăn. Tranh đề những câu «Nông giả thiên hạ

bản già» — (nghề nông là căn bản của thiên hạ) đề cao sự quan trọng của nghề làm ruộng và câu «trời cho thịnh vượng» tỏ lộ vẻ sung sướng của con người làm ăn chỉ được trời Phật độ trì.

— «Tranh vẽ bác thợ cày», thợ bừa ngồi nghỉ ngơi dưới gốc cây, ở trước mặt có chim đậu trên lưng trâu hay hót trên cành, tranh đề câu «Thiên hạ thái bình nhân dân an lạc» diễn tả vẻ thanh thoi và điều ước vọng của người nông dân Việt-Nam.

— «Tranh du xuân đề». Vẽ những cảnh vui chơi, hội hè gồm có hát ả đào, đánh vật đánh bài phũ.

Có bốn câu đề vịnh ;

«Thời bình mở hội xuân,

Nô nức quyết xa gần

Nhạc đàn ca trong điện

Trò thưởng vật ngoài sân».

— «Tranh thưởng xuân đề» vẽ những cảnh vui chơi xóc đĩa, có đề :

«Bốn đồng trong chậu lấy

Mua bán mãi liền tay

Rượu chè đủ thích chỉ

Thua được lại càng say.»

Trong tranh có vợ chồng chèo sòng ngồi đầu tiên hò, có nhà cái nhà con sát phạt nhau, một bà vợ đến «tóm chớ» ông chồng lôi về :

Ông hai xóc đĩa mới về

Gái này đương muốn ngửa nghề với ông.

— «Phượng ngôn» đề là tranh vẽ diễn ý những câu phượng ngôn thường có tính chất giáo dục và xử thế như :

— Có phúc có phần

Trông già: già đề tuổi cho

— Thuyền theo lái

— Có phúc gặp Phật

— Yêu trẻ, trẻ đến nhà

— Bắc cầu mà nói (nếu đủ câu phải thêm: Chớ ai bắt cầu mà lợi).

— Nói người ngắm đến ta

— Thuận vợ thuận chồng, tát bể đông cũng cạn.

— Tranh Tố nữ vẽ bốn người

đẹp xưa, tóc bỏ đuôi gà, áo quần tha thướt ngò đánh đàn nguyệt, đàn Tý, thổi sáo, múa sênh một cách thư thái phong lưu.

— «Tranh tích truyện» làm ta tò mò theo dõi các nhân vật trong những cô tích liệt truyện, sống động trong các khung cảnh non nước, thành quách, thanh phong minh nguyệt, mai nở bên sân phù dung lấp ló đầu tường, liễu rủ đầu cầu, thộng già phơ phất trên lầu mái cong, tóm lại toàn những cảnh đưa ta về cõi mộng vàng xa xưa.

— «Tranh thờ» là loại tranh khổ lớn vẽ thần thánh, Phật, Bồ Tát, chư vị gồm có hình những đức Thánh Mẫu, những ông Hoàng, những cô nàng v.v... Tranh do người vẽ quá quen tay, vẽ rất nhanh mà bố cục vẫn vững vàng, nét vẽ già dặn, tỏ lộ cảm hứng nồng nàn, tưởng tượng phong phú của họa công. Những gương mặt trong tranh thường tươi cười hơn là nghiêm trang, trịnh trọng, còn màu tranh thì

rực rỡ, hồn nhiên đôi khi tô điểm thêm ngân nhũ, kim nhũ cho thêm sang thêm quý.

— «Tranh hương chủ» dán thay cho bàn thờ gia tiên nên đã vẽ lại cách bày biện một bàn thờ tổ, kiểu xưa như thế nào, trên đầu tranh có đề ba chữ: Phụng tiên đường. Cổ nhiên là bàn thờ bài tr. theo luật triết để cân đối, nhưng tranh tĩnh vật này cũng có màu sắc đồng âm vui vui và rất «ta».

Tuy là tranh bình dân, nhiều bức tranh thờ rất đẹp và giá trị như tranh Ngũ Hồ, nay được liệt vào hàng tiêu biểu cho nghệ thuật hội họa cổ truyền Việt Nam.

Màu sắc

Nói riêng về màu sắc của tranh tết thuần túy, ta nhận thấy những tranh xưa tr. ng tươi thắm mà dịu mát, rất gợi cảm. Lý do là vì tranh xưa in bằng màu thuốc lấy ở thảo mộc ra khác với lớp tranh gần đây nét vẽ đã vụng cứng lại bởi phẩm màu kim loại trông sắc sỡ gắt gông.

Tranh xưa màu đen ám cũng
 êm như nhung, màu trắng ánh
 như sa cừ, màu lá mạ gọi nên
 màu ruộng xanh non dưới bầu
 trời xuân, màu hồng mượn sắc
 hoa sen ở trong hồ mùa hạ
 màu nâu non và màu lục là màu
 thường thấy ở áo, ở thất
 lung thôn nữ hóa hợp cùng màu
 yếm trắng, yếm đào.

Trong một tập văn nghệ,
 nhà văn Lê Văn Hoè có viết:
 «Tranh gà lợn đỏ như xôi gấc
 vàng như màu lúa chín, xanh
 lá mạ, hay vàng như nghệ kho
 cá, xanh như cốm non, đỏ như
 ngô già, nâu như đất cây, toàn
 những màu sắc quen thuộc, thân
 mến từ bao nhiêu đời rồi, Những
 màu sắc ấy in sâu vào tâm não
 nông dân, hết thế hệ này đến
 thế hệ khác thành các màu sắc
 dân tộc rồi, Những màu sắc xanh
 đỏ chói rực của tranh Tây,
 tranh Tàu nó chương quá, nó
 không mộc mạc quen thuộc như
 màu xanh đỏ thô kệch điếm đăm'
 thật thà của tranh lợn tranh gà».

Theo sự khảo cứu của Maurice
 Durand trong «tranh bình dân
 Việt Nam» (Imagerie populaire
 Vietnamienne) thì những nhà
 làm tranh phân ra 6 màu chính
 và 3 màu pha. Màu chính và sắc
 đậm nhạt của mỗi màu là :

1) — Màu đỏ với các sắc đỏ son
 (màu gà), đỏ tía (điều), đỏ tím
 thẫm (cánh quế) hồng tươi (cánh
 son), hồng nhạt (hoa đào) phớt
 hồng như phấn,

2) — Màu vàng có vàng hãm
 (vàng nghệ) và vàng nhạt (màu
 hoàng yến).

3) — Màu trắng hay màu nguyệt
 bạch.

4) — Xanh lục hay xanh lá cây.

5) — Xanh lam hay xanh chàm

6) — Cá vàng, hay hoa hiên.

Màu pha gồm có :

— Màu đỏ vàng trộn với đen
 thành màu son.

— Màu son trộn với đen thành
 nâu cũng gọi là cánh quế,

— Màu xanh trộn với vàng
 thành màu hoa lý.

Muốn trộn màu hoặc in màu
 thuốc khác đề lên, người ta đánh
 thuốc 'an trong hồ tả pha loãng.
 Có làm thế 'hi in ra mới đều và
 giấy không bị thuốc ngấm qua
 như trường hợp thuốc chỉ pha
 nước là.

Do nguồn gốc màu thuốc
 người ta phân biệt thuốc cái và
 thuốc nước. Thuốc cái gồm có :

1) Phấn trắng lấy ở vôi sò, hén
 tán ra gọi là thuốc điệp.

2) Xa thanh có thể là màu xanh
 sa cừ.

3) Màu đen : mực tàu

4) Bột vàng : kim nhũ,

5) Bột bạc : ngân nhũ.

In Tranh

In tranh : người ta dùng hai
 loại mộc bản : bản in nét và
 bản in màu,

in nét : người ta dùng ván gỗ
 thì là thứ gỗ chắc gỗ chắc
 mà dẻo, dẻo để khắc những
 nét thật thanh, chắc để có thể in
 nhiều mà bản gỗ không hao
 vụn,

In màu : người ta dùng gỗ nhẵn
 mặt không nứt không làm hư
 màu thuốc, những gỗ vàng tâm
 gỗ giổi, gỗ mở là những loại
 thích hợp,

Nguồn gốc tranh ta

Chúng ta không rõ tranh tết có
 tự bao giờ nhưng có thể tin rằng
 nó có do ảnh hưởng Trung hoa
 cũng như tục ăn tết nguyên đán.

Theo «Lịch triều hiến chương»
 thì nghề in theo lối mộc bản đã
 có dưới triều Lý, Trần (thế kỷ
 11 — 14). Bấy giờ đã in nhiều
 sách mà trong sách ít ra cũng
 có những hình vẽ đen trắng.
 Vậy có thể cho là tranh in đã có
 từ thời này.

Theo thuyết của những lần
 sản xuất tranh tết thì nghề này
 nhập cảng vào Việt Nam từ thế
 kỷ 15 do Trạng nguyên Lương
 Như Học đời hậu Lê. Trạng
 nguyên người làng Hồng Liễu,
 huyện Trường Tân nay là Thanh
 Liễu huyện Gia Lộc, tỉnh Hải
 Dương. Người được làng Đông

Hồ, phủ Thuận Thành Tỉnh Bắc Ninh là làng làm tranh có tiếng thờ là tổ sư nghề in tranh tết. Có lẽ tranh tết phát triển mạnh vào dịp Chúa Trịnh G ang, năm giáp Dần 1734, ra lệnh khắc bản in đề in sách học như từ thư Ngũ Kinh thay thế các sách bên Tàu mà chúa không cho nhập cảng nữa.

Tại tòa Tiền Đường chùa Đậu ở Hà Đông do một bà phi lập ra thời này những màu sắc tô trên cật kéo cũng là màu của các tranh tết cổ.

Tuy nhiên, tranh in từ triều vua Lê chúa Trịnh chắc không còn đến nay. Có chăng những bản in tồn tại ở các nơi sản xuất tranh. Những bản in này lâu có khắc lại và sửa đổi ít nhiều mà thường sửa lại một cách cầu thả. Do đó những tranh sau thường kém giá trị mỹ thuật đối với những tranh trước. Và nếu có một sưu tập tranh tết gồm nhiều mới, củ ta

có thể dễ dàng nhận ra tranh nào cổ, tranh nào kim, tuy cổ cũng không quá đầu thế kỷ này. Trong khoảng thời gian mấy chục năm gần đây, tranh tết đã mang nhiều chứng tích thăng trầm và ghi chép những biến chuyển Xã Hội, trải qua các Thời đại rõ ràng hơn cả những tập bưu hoa,

Những nơi sản xuất

Tranh tết sản xuất tại mấy nơi chính là :

— Những làng Nam dư thượng huyện Thanh Trì Bình Vọng (Làng Bàng) Phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông.

— Làng Sen Hồ, tỉnh Bắc Giang. Những làng này gần đây thường dùng giấy báo để in.

— Làng Đông Hồ, Phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh là nơi sản xuất rành danh tiếng mà nhà thờ Hoàng Cầm đã có câu :

Tranh Đông Hồ gà lợn nét tươi trong.

Hồn Dân Tộc chấy tràn trên giấy mực...

— Tại Hà Nội, phố Hàng Quạ, phố Hàng Nón có những tiệm in tranh tết, những tiệm này là đại diện của những làng kể trên nhưng, sản xuất thường trực của những tranh thờ nhất là về tranh chú vị hơn là tranh tết,

— Tại tỉnh lỵ Sơn Tây trước đây cũng có nhiều tiệm vẽ tranh thờ chú vị có một sắc thái khác biệt với tranh Hà Nội, về màu và nét vẽ.

Tranh tết ngày nay

Thế hệ 'hiếu niên ngày nay hầu như không biết đến nó nữa. Nhưng nhiều người thiện chí gần đây đã nỗ lực phục hồi tranh tết cho nó một địa vị xứng đáng. Thời tiền chiến một vài họa sĩ danh tiếng yêu tranh tết có vẽ một số tranh với đề tài mới theo truyền thống diễn tả nếp sống sinh hoạt nông thôn và thành thị. Những tác phẩm khởi đầu này hứa hẹn nhiều cho việc phát huy một nghệ thuật đặc sắc và rất giá trị nhưng

quốc biến lên miền. Nhiên điều kiện bất tiện không cho phép các nghệ sĩ thực hiện mục đích tốt đẹp ấy.



tranh phát họa theo một vạt nét của truyền kiều (trong tranh có 2 câu thơ của Nguyễn Du

Và trước tranh tết vẫn là loại tranh thuần túy bình dân. Tuy nhiên, với tinh thần dân tộc chúng ta luôn luôn cầu mong cho tranh tết sẽ sống còn với tết xuân trên quê hương VN này.

THẾ-LAN

(Mùa xuân năm Kỷ Dậu)

SỞ TRƯỞNG

và

SỞ ĐOÀN



của

QUANG TRUNG

▲ Trung tá Phạm Văn Sơn

QUANG TRUNG

Mỗi danh nhân thế giới và lịch sử thường có những cá tính đặc biệt về người đời có thể nhìn vào đó mà biết được sự nghiệp và tương lai của họ ngay khi mới bắt đầu và chính trường. Trong chuyện Vương Thúy Kiều của Nguyễn Du ta thấy trong cuộc tiếp xúc giữa Từ Hải và nàng Kiều, Từ Hải đã khen Kiều có cặp mắt xanh qua câu :
Anh hùng đoán giữa trần ai mới già !

Sau khi Kiều nói Từ Hải sẽ có những ngày huy hoàng, vua biết mặt, chúa biết tên. Sự quý hiều hết sức lớn lao, và lời nói của nàng cũng rất tế nhị bởi đã diễn tả ý trên một cách gián tiếp nhưng khéo léo vô cùng :

*« Thưa rằng lượng cả
bao dung*

*« Tấm dương được thấy
mây rồng có quen,*

*« Rộng thương nội cỏ
hoa hèn,*

*« Tấm thân bèo bọt dám
phiền mai sau...»*

và quả nhiên chỉ năm sau với cái tài khuấy nước chọc trời của người anh hùng họ Từ, chánh quyền đời Gia Tĩnh đã phải bối rối lao đao vì Từ đã đánh phá được nhiều thị trấn của miền Nam Trung Quốc, đem lại cho triều Minh nhiều cuộc kinh hoàng.

*«Thượng phu thoát đã
động lòng bốn phương...»*

như vậy Kiều đã đoán trước thân thế của Từ sớm có ngày rực rỡ và sự việc đã thực hiện rất đúng như thế nàng là kẻ có mắt tinh đời vậy. Nếu Từ đã thành chúa tề bốn phương mà nói thì có khác đâu là chuyện khen phò mã tốt áo..

Tào-Tháo cùng Lưu Bị một hôm ngồi luận anh hùng và thời thế. Tào nhìn thẳng vào mặt Lưu bảo :

— «Anh hùng trong thiên

hạ ngày nay chỉ có tôi với sứ quân...» Lưu Bị hoảng hốt vì thấy Tào đã «đi guốc vào bụng mình», nhân có tiếng sét nổ, bèn giả dò... bụng tai, tỏ ra hèn nhát, sợ hãi lắm, Tào cười, biết mệnh lệnh của Lưu Bị y đã hơn ai hết, thấu đáo triệt để cái sùỵ độ vĩ đại của Lưu. Y cười bởi Lưu cố tình che mắt hẳn trong khi tia mắt của y đã chiếu thẳng vào tim đen của Lưu.

Dưới đời chúa Duệ Tôn ở Nam Hà cuối thế kỷ 18, ông giáo Hiến là thầy dạy cả văn lẫn võ cho ba anh em nhà Tây Sơn: Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ. Ông cũng nhận thấy anh em Nhạc sau này sẽ đóng những vai trò quan trọng trên đất nước. Lúc đó ông sống một cách ẩn dật lòng đầy căm hận

bởi tuổi đã già không giúp ích được gì cho xứ sở trong khi quyền thần TRƯƠNG PHÚC LOAN là cậu vua đang thao túng chính quyền, vơ vét của dân và của nhà nước cho đầy túi tham không đáy, bắt kê công luận và không hề mủi lòng trước cảnh đói khổ lầm than của nhân dân miền Nam. Bạn thân của ông là Trương Văn Hạnh làm quan tại triều vì chống lại chế độ mục nát của Trương mà bị Trương hãm hại. Ông giáo Hiến sợ cái họa cháy thành và lấy vội bỏ kinh thành Thuận Hóa mà đi Bình Định gõ đầu trẻ trong thôn ấp hẻo lánh kẻ đất Tây Sơn, do đó đã có dịp thân anh em Nguyễn Nhạc làm môn đồ. Ông thấy Nhạc, Lữ, Huệ khác người nên khi tiếng nhỏ, khi tiếng to mang thời cuộc ra dẫn giải và khích động óc

cường cường của ba anh em Nhạc. Theo ông, chính sự Nam Hà mục nát quá rồi, sớm muộn phải đi đến chỗ sụp đổ, những kẻ có tài, có chí sẽ có cơ hội lập công danh. Rồi ông khích lệ Nhạc, Lữ, Huệ rằng thời cơ đã tới và họ có thể đảm đương được vận mệnh tương lai của đất nước. Ông còn bịa ra lời sấm: «Tây khởi nghĩa, bắc thu công», nghĩa là đất Tây Sơn sẽ có người khởi nghĩa rồi sẽ thành công cả ra đến Bắc Hà. Lời sấm này có mãnh lực thúc đẩy anh em Nguyễn Nhạc hăng hái lao mình vào con đường tranh đấu. Nói cho đúng, ba anh em Nguyễn Nhạc cũng phải là những người có chí khí hiên ngang, có hùng cường mới được thầy Hiến lựa chọn để ra tranh tài với thiên hạ và quả sau này họ đã làm được những chuyện lừng lẫy sử xanh.

Trong ba anh em ông Nhạc, Lữ, Huệ mỗi người đều có sở trường, sở đoản khác nhau,

nhưng trong 1 giai đoạn lịch sử nào đó họ đã tỏ đủ tài đánh đổ một chính quyền thối nát và đóng một vai trò lịch sử hiển hách cũng như đưa lịch sử Việt Nam sang một khúc quanh. Rồi như ta thấy 30 năm sau (1771-1802) anh em nhà Tây Sơn quả đã làm biến chuyển thời thế từ Nam ra Bắc chó đầu họ chỉ đánh gục bọn Trương phúc Loan ở cái việc «gian nhân hiệp đảng» mà thôi trong phạm vi xứ Nam Hà bấy giờ gồm giải đất, phía giáp Đồng Hới, phía Nam giáp Diên Khánh, Bình Thuận. Nhạc là con người giàu mưu trí nhưng không có giàu kỳ vọng. Mỗi ngày một lớn tuổi, đầu óc ông cũng mòn mỏi dần rồi thiên về chỗ cầu an hưởng lạc nên chỉ khư khư đóng vai hoàng đế trong một đế quốc nhỏ xiu của ông là đất Qui Nhơn. Người ta gọi ông là «Tây Vương» tuy ông tự xưng là «Trung Ương hoàng đế» Nguyễn Lữ còn thua sút hơn

Dùng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BYT/ĐDĐC

về tinh thần tranh đấu. Ông này ít thiết tha đến việc quân sự mà chỉ nghiêng về tôn giáo (phật giáo), ông được người ta quý trọng như một giáo chủ và ông đã có nhiều ảnh hưởng đến dân chúng miền Nam Trung Việt và miền thượng vùng An Khê, Phú Phong. Về phương diện này, khi anh em ông khởi nghĩa, riêng ông Lữ cũng đã qui tụ được khá nhiều đồng bào dưới lá cờ Tây Sơn bay trước nhứt ở triền núi An Khê. Năm 1784, Tây Sơn bắt giết được Duệ Tôn và đuổi được Nguyễn Ánh, thu phục được toàn cõi Nam Việt. Ông lãnh trước Đông Định Vương nhưng bởi lo là với chánh sự năm sau Nguyễn Ánh quật khởi ở Gia Định, Tổng Đốc Chu, Tư Khẩu Uy của Tây Sơn bị thua; Lữ liền kéo quân đội về Trung Việt chẳng để lại dư âm nào nữa từ đó.

Sở trường của Nguyễn Huệ

Đến người thứ ba trong gia

đình Tây Sơn là Nguyễn Huệ, chúng ta thấy là cả một pho lịch sử đầy chuyện lạ, nhiều tình tiết ly kỳ. Ngày nay chúng ta thường nhắc tới ông một cách hào hùng

Quả vậy, Huệ có một cuộc đời rất đặc biệt, một chí hướng trùm trời, hào kiệt cỡ kim ít ai bằng. Xét về tài ba ông cũng vượt thế nhân nhiều lắm? Tuy nhiên, người anh hùng Nguyễn Huệ của chúng ta có nhiều sở trường thì cũng có nhiều sở đoản như bao nhiêu danh nhân khác. Đó là một thông lệ xưa và nay.

Chúng tôi mời bạn đọc cùng chúng tôi phân tách cái sở trường, sở đoản của N. Huệ nó đã ảnh hưởng đến hành động, đến đất nước trong suốt cuộc đời ông thế nào để rồi có thể khen ngợi ông giáo Hiến đã có con mắt xét người ở rất tinh khi vị hào kiệt này còn ở trong vòng trứng nước.

1) Huệ con người có chí lớn; Làm được sự nghiệp vĩ đại, tất nhiên phải có tài lớn, nhưng tài

lớn vẫn phải kèm theo chí lớn. Nguyễn Huệ vào đời từ 1771, năm đầu tiên anh em Tây Sơn phát cờ giải phóng đồng bào Nam Hà khởi ách tham tàn của Trương phúc Loan. Lúc này ông vào khoảng trên 21t và vài năm sau ngôi sao của ông sáng chói dần và chỉ 10 năm kế tiếp ông đã thành rường cột của tân triều đại. Trong nước cũng như ngoài nước nói đến nhà Tây Sơn người ta hầu như chỉ biết có ông mà thôi nhất là Nguyễn Ánh chỉ lùi bước co giò trước lá cờ của Huệ. Vào giai đoạn này, Huệ bị ràng buộc vào việc đánh chiếm miền Bắc.

Rồi trong khi Nhạc một mối chỉ biết có vui thú với cái triều đình con con của ông, đã không nghĩ đến cái sự bành trướng ra Bắc là đất của em mà cũng không muốn tiến vào Nam là nơi bọn quốc thù Nguyễn Ánh đang hoạt động ráo riết. Huệ bao phen mang quân ra Thăng Long diệt

họ Trịnh (1786) đuổi quân Thanh và trước đó còn truy kích con cháu Nguyễn Hoàng khiến từ 1784 toàn cõi Việt Nam đã về tay ông sau khi ông tiêu diệt được trên hai chục ngàn quân xâm lược Xiêm La mà họ Nguyễn công về. Trong đầu óc của ông bấy giờ đã có vấn đề thống nhất xứ sở, mặc dầu ở khoảng giữa của hai xứ sở có cái để quốc của ông anh là Trung Ương hoàng đế Nguyễn Nhạc. Quả vậy, năm 1786 trên thực tế nước Việt Nam đã hoàn toàn thuộc ảnh hưởng của triều đại Tây Sơn, tức nước Việt Nam đã thống nhất. Vì thế trong tờ chiếu lên ngôi, Nguyễn Huệ đã chính thức tuyên bố: «Vài ngàn dặm đất ở cõi Nam đều thuộc về ta hết».

Chí lớn của ông còn nhậm sang lãnh vực khác: cái cách thuế, mở mang công thương nghiệp, khuyến khích việc buôn bán với các nước ngoài, điều mà

các tiên chúa họ Nguyễn rất kiêng kỵ vì sợ kỵ. Đáng chú ý là ông có chủ trương làm sống lại giới bần nông mà đa số không có ruộng đất, từ đời ông đến đời cha, đời con chỉ làm tá điền hay nông nô cho các địa chủ và là nạn nhân thường trực của bọn phú nông chuyên bóc lột người nghèo bằng nghề cho vay nặng lãi. Nguyễn Huệ đã kêu gọi những kẻ tha phương cầu thực, phiêu bạt vì chiến tranh trở lại làng cũ. Ông chia cho họ những ruộng đất ông trút hũ của bọn quan liêu, địa chủ bắt lương từ các thời trước, theo chính sách người cày có ruộng cày; ông chấm dứt cái tình trạng chủ đắc bất hợp pháp về công điền công thổ nữa: Các việc mở mang nông, công, thương nghiệp kể trên của Nguyễn Huệ đủ nói lên rằng ông có ý xây dựng cho nước VN một nền kinh tế thuận chiều với quyền lợi của đại chúng, nền kinh tế này ít tính chất phong kiến hơn dưới các

triều Trịnh Nguyễn, mặc dầu còn nằm trong phạm trù chế độ phong kiến. Nó tiến bộ hơn nền kinh tế đời Lê. Trịnh Nguyễn bởi nó hướng về dân nghèo, nó mở ra nhiều sinh lộ cho các lớp người xâu sổ, nó hạn chế những quyền lợi bất chính của bọn quan liêu, hào phú trên nguyên tắc.

Đối với tầng đế, ông đặt ra việc sát hạch theo lẽ chỉ những người thật tâm đạo đức và có hiểu biết rõ ràng giáo lý mới đủ tư cách thờ phật và truyền đạo, ngược lại, những kẻ trốn việc quan đi ở chùa hoặc mượn Cửa thiên làm chuyện mờ ám hoặc ăn bơ làm biếng phải hoàn tục. Cùng với sáng kiến này ông cho phá bỏ các chùa nhỏ, tập trung gạch ngói làm chùa lớn ở phủ hay huyện không ngoài mục đích ngăn ngừa các việc lạm dụng hẳn đã xảy ra rất nhiều thời bấy giờ, đồng thời lãnh mạnh hóa phật

giáo mà ông cũng như quốc dân coi là Quốc giáo. Đối với giáo sĩ Tây Phương ông cũng đề cho tự do truyền giáo, xây dựng nhà thờ và còn trưng trị những kẻ gây kỳ thị. Chính giáo sĩ DIEGO — ZIUMILA đã hết lời ca ngợi chúa Tây Sơn (Nguyễn Huệ) về điểm này và tỏ lòng biết ơn.

Nên nói rằng việc cho các giáo sĩ Tây phương tự do truyền bá đạo thiên chúa đã đủ tỏ Nguyễn Huệ có tinh thần khoáng đạt gần như táo bạo? Sự thật thì sau ông đã có một khối dân tộc nhiệt liệt ủng hộ ông, ông có sợ gì?

Ông còn cho chúng ta thấy tinh thần độc lập của ông ở sự cải cách học thuật bằng việc đặc dụng chữ Nôm trong các chiếu chỉ, văn thư, từ lệnh trong các Nha Môn cũng như ngoài quần chúng. Ông đã cho dịch tứ thư, ngũ kinh ra tiếng Nôm để phổ biến luân lý, đạo

đức, văn hóa cho nhân dân được học hỏi dễ dàng và việc này buộc phải mở nhiều trường học đến các cấp xã thôn. Những đời vua chúa trước đâu đã nghĩ đến việc đại chúng hóa giáo dục, như thế cái ước mơ của Nguyễn Huệ rõ ràng không có lẫn quần chúng quanh cái ngai vàng. Trong cuộc đời chính trị của ông tương đối, chẳng dài mà chỉ có 15 năm lại nay đánh đồng mai đẹp Bắc, mà ông vẫn lo thực hiện chương trình, hoài bão gây dựng một nước VN tiến bộ mau, một nước VN giàu, binh hùng tướng mạnh và có tầng tầng tiến cả về văn hóa học thuật, thật đáng phục lắm thay.

Cơm rau áo vải, học hành ít ỏi mà có nhiều sáng kiến về thời vụ. Như vậy hỏi những ngài khoa bảng quý tộc trâm anh nghĩ thế nào về Nguyễn Huệ?

21— Huệ đối với nhân tài:

Cuối thế kỷ 18, tầng lớp nho giả Việt Nam bị cột chặt vào chủ nghĩa trung quân ái quốc một cách thiện cận, cò chấp do đó họ chỉ biết nhìn vào một dòng họ, một ông vua. Điển hình là Nguyễn-đăng-Trường ở Đàng trong, Trần Công-Sán, Phạm-Thái ở Đàng ngoài. Họ u mê tới mức chỉ biết vua chúa mà không biết có nhân dân. Họ có thể hy sinh tất cả cho những ông vua ngu muội, ích kỷ, đi ngược với quyền lợi nhân dân, dân tộc khiến trong một thời gian khá dài họ đã bắt cộng tác với ông và đã gán cho Tây Sơn là một nguy-triều. Họ còn chiêu mộ «nghĩa binh» để chống lại. Thậm chí đến cả Nguyễn Thiệp là một đỉnh trí thức đời bấy giờ được ông cho mang vàng bạc và có lần thân đến núi Thiệp Nhấn tha thiết mời ra giúp nước cũng khăng khăng từ chối. Chỉ tới năm 1789, Lê Chiêu Thống đã đề lộ bộ mặt ngu dại công răn

cẩn gà nhà, Nguyễn Thiệp mới chịu xuống núi nhận chức Sùng Chính Viện Viện Trưởng Nguyễn Huệ.

Nhưng một loại kẻ sĩ khác là ông Ngô thời Nhiệm, Trần văn Kỳ, Ngô Huy ích, Nguyễn Huy Lượng v.v... khoáng đạt hơn nên ông đã trọng dụng họ đến mức tối đa và họ đã không phụ lòng tri kỷ.

Trần văn Kỳ là một danh sĩ ở Thanh Hóa theo Nguyễn Huệ từ năm ông đánh Phú-Xuân (1786) và được Nguyễn Huệ dùng vào địa vị một tham mưu trưởng, một cò vắn. Rồi ngưi tám ngưi, mã tám mã Kỳ đã giới thiệu Ngô-thời-Nhiệm cho Nguyễn Huệ sau khi Nhiệm bị tiêng dèm pha phải trốn tránh hơn 6 năm và bị Võ văn Ước hãm hại.

Nguyễn Huệ phong Nhiệm làm Tả Thị Lang Bộ Lại trước Tỉnh Phái Hâu để xứng đáng với tài học uyên bác và thức thời vụ. Sau này quân Th

trần sang VN chính Ngô-thời-Nhiệm đã khuyên Ngô-văn-Sở rút thủy bộ chư quân về đây Tam Điệp theo kế hoạch bảo toàn lực lượng trong khi chờ đợi đại quân. Kế này được Nguyễn Huệ khen ngợi là rất khôn ngoan. Tới khi chiến tranh chấm dứt giữa hai dân tộc Việt Thanh, Ngô được giữ các việc ngoại giao, từ lệnh rất khéo léo, khi cứng khi mềm khiến đôi phương phải kính nể nước ta,

Ngoài đám nho thần kẻ trên, Nguyễn Huệ còn đào tạo ra một số nhân tài quân sự như Ngô-văn-Sở, Trần-quang-Diệu Bùi-thị-Xuân, Nguyễn văn Tuyết, Phan-văn-Lân, Đò-Độc Bào, Đò-Độc Mưu, Đò-Độc Lạc v.v... Các người này đã có nhiều công hiến cho sự nghiệp của nghĩa quân Tây Sơn và đã lập được nhiều thành tích huy hoàng, nhất là trong trận đuổi Thanh đầu tháng giêng

năm Kỷ-Dậu (1789).

Đặc biệt hơn nữa, Nguyễn Huệ được kể là ông vua đầu tiên trong lịch sử VN dám dùng phụ nữ làm tướng và vị nữ tướng Bùi thị Xuân của ông đã tỏ ra có nhiều tài năng quả cảm. Một thời. «Quân của bà Thiệu Phó» (tức là Bùi thị) từng làm quân Nguyễn nhiều phen bỏ vĩa, kinh hồn. Năm 1802, nhà Tây Sơn đến lúc tàn ru thế quân sự đã nghiêng hẳn về Nguyễn Ánh và Bùi thị Xuân cùng chồng đã chiến đấu anh dũng đến phút cuối cùng. Bà cùng Trần-Quang-Diệu đem 5.000 quân công phá dữ dội đồn Đâu Máu suýt chuyền bại thành thắng và đã làm cho Nguyễn quân tổn thất lớn.

Tóm lại, do Nguyễn Huệ biết dùng người, biết hậu đãi nhân tài, nên các tướng lãnh và quan lại của ông đã tận tụy với ông cho tới giây chót của triều đại.

31— Nguyễn Huệ tự tin, tự cường.

Trong trận đánh quân cuối năm Mậu-Thân qua đầu năm Kỷ-Dậu (1789) đứng trên đèo Tam Điệp, ông tuyên bố trước ba quân : «Nay ta đến đây, tự độc việc quân, đánh giặc đã có kế chỉ trong 10 ngày thế nào ta cũng quét sạch giặc Thanh.» rồi chưa đến 10 ngày ông đã cùng Tướng sĩ và được thành Thăng long mở tiệc khánh hạ và giặc Thanh đã bị tan vỡ tơi bời...

Trước đó Nguyễn hữu Chính và Võ văn Nhậm là hai tay kiệt kiệt có hàng vạn tinh binh dưới quyền, khi ông muốn triệt hạ, ông đã giết họ dễ dàng như trở bàn tay.

Những việc này làm cho tướng sĩ của ông tin tưởng vào ông như tin thần thánh, nghĩa là ông nói được là làm được...

Nguyễn Huệ lại có tinh thần dân tộc rất cao, Có lần ông đã nói ở Nghệ An :— «Trong vòng trời đất chia theo phân sao Dực sao Chấn ; Nam Bắc vẫn riêng một non sông... Từ Hán về sau, họ cướp đất đai ta, cá thịt nhân dân ta, vợ xét của cải, nông nôi ấy thật là khó chịu. Người nước Nam ai cũng phải nghĩ việc đánh đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần-Hưng-Đạo, đời Minh có Lê-Thái-Tò. Các ngài không chịu bó tay ngài nhàn quân tàn bạo nên đã thuận lòng người, dấy quân đánh đuổi chúng. Sau những khi ấy, Nam Bắc đâu lại phân đó, bờ cõi yên ổn, vạn nước lâu dài. Từ nhà Đinh đến nay, chúng ta không phải cái khổ Bắc thuộc!»

Rồi tinh thần quốc gia và dân tộc của ông đã phản ảnh trong cuộc ngoại giao với nhà Thanh mặc dầu chiến tranh Việt Hoa đã

chấm dứt. Đề cho quân dân nghỉ ngơi và có thì giờ đầy đủ để chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh tương lai qua đất Tàu. Ông dành nhất thời hòa hoãn với vua Kiền Càn Long và lủ bề tôi, vậy mà ông vẫn không chịch quá nhún nhường họ trong các cuộc tiếp xúc cả trên giấy tờ vì vấn đề thể diện quốc gia. Ngô thời Nhiệm viết biểu cầu hòa, nhưng ông góp ý chính như sau :

«Ôi đường đường là Thiên triều lại đi tranh hơn thua với tiểu di thì tất chiến tranh phải yên miên để thỏa lòng tham. Đó là điều thánh thượng không nỡ, Vạn nhất chiến sự kéo dài, thế đến như vậy, thì cũng không phải là điều thần mong muốn và cũng không dám biết».

Nói theo thuật ngữ ngày nay những câu trên có nghĩa là : «Chúng tôi không muốn chiến tranh, nhưng nếu các ông đề chiến tranh xảy ra thì đó là lỗi ở các ông.» Tờ biểu này gởi cho Lương Quảng Tông Đốc Phúc Khang An và Binh Bị Đạo Quảng Tây Trang Hùng Nghiệp mà ông biết rõ cái sự «kính cung chỉ điều» của chúng.

Lần khác ông viết cho Khang Hùng Nghiệp lời lẽ cứng hơn : «Thiên triều không chịu khoan dung một chút, cứ muốn động binh, thế là làm cho nước nhỏ không được phục nước lớn, thì bấy giờ đại quốc có dạy bảo gì tôi cũng xin theo.» Nói trắng ra là : Các ông muốn đánh thì cứ việc đánh chúng tôi sẵn sàng đón tiếp các ông !

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BVT/ĐPDC

★ *Sở đoản của Nguyễn-Huệ.*

Các sở trường của Nguyễn-Huệ thực ra còn nữa, như vậy là tạm đủ, và dưới đây là một số sở đoản của ông! Cờ nhân thường nói «nhân vô thập toàn» thì con người của Nguyễn Huệ cũng phải có những chỗ dở của nó.

A. — Một vài nhà sử học ngày nay đã trách Nguyễn Huệ quá tự cao, tự đại và chủ quan. sau khi đánh bại tan tành hai chục ngàn quân Xiêm La ở Vĩnh Long, tiêu diệt gần trọn hai chục vạn binh sĩ của nhà Thanh tại Bắc Hà nên vào năm 1792, ông sai người dâng biểu cầu hôn với công chúa nhà Thanh tỉnh khiêu khích vua Kiền-Long và lấy cớ xua quân vào Trung Quốc (1). Người ta cho rằng ông đã có những tư tưởng quá phiêu lưu. đại đột nguy hiểm. Lời khiển trách này theo chúng tôi có thể hợp lý và cũng có thể

(1) Đại-Nam chính biên liệt truyện, sơ tập quyển 30 từ 42 b

Nguyễn Huệ có lý vì các dân Mông Cồ, Hung Nô. dân Mãn (Bắc dịch Tây di Đông di theo sử thần Trung Quốc) đã từng xâm lăng Trung Quốc và làm vua Trung Quốc tại tại sao không có Việt Nam ?

B. — Những điều sở đoản rõ rệt là mấy vụ đã xảy ra dưới đây : Cuộc chiến tranh giữa Nhạc và Huệ năm 1787, Huệ giận Nhạc đã gian dâm với một người vợ mình lại đòi chia vàng bạc. châu báu mà Huệ đã đoạt được của vua Lê, chúa Trịnh năm trước. Thực ra Huệ đã chia hết vàng bạc. gấm vóc cho các tướng sĩ ngay tại Bắc hà nên khi về Phú Xuân Huệ không có gì trong tay nữa. Dầu sau Huệ cũng có lỗi là để cuộc chiến tranh thủ túc xảy ra khiến số quân đem vào Qui-nhơn chết hại hết một nửa. May thay Huệ còn biết mũi lòng khi Nhạc quá nguy quân đứng trên thành khóc lóc kêu gọi : « — Chú

Thơm (2), chú định làm cái việc nòi da xáo thật sao ? »

Cũng trong năm cuối cùng này, Nguyễn Ánh nhờ chỗ anh em ông bất hòa, đã tha hồ hoành hành ở Nam Việt, còn tiến ra Bình Thuận, Diên Khánh rồi đem chiến thuyền từ cửa Cần Giò ra đốt phá thủy trại của Nhạc ở Qui Nhơn. Đáng nhẽ lúc này anh em ông phải khuyên bảo nhau đem quân vào đánh Gia Định, cộng tác với nhau tiêu diệt Ánh thì làm

(2) tên tục của Huệ.

Giáo sĩ DOUSSAIN trong thư đề tháng 6-1787 viết : «Huệ, Nhạc đánh nhau tới nay đã được 3 tháng rồi, Huệ bị mất tới nửa số quân, phải động viên dân chúng khá nhiều. Giáo sĩ Labartette cũng có viết như vậy vào dịp này và cũng kể rằng dân bị bắt lính và đã hy sinh nhiều ở chiến trường.

gi Nguyễn Ánh trở thành hậu họa ! Đảng này ông bất động khiến miền Nam bị ung thối dần, cuối cùng đế quốc của Nhạc mất trước thì đến con cháu ông cũng bị họ Nguyễn triệt hạ sau, rồi triều đại của gia đình ông lập ra phải xóa nhòa trên lịch sử sau 24 năm oanh liệt.

C. — Đối với Nguyễn hữu Chính và Võ văn Nhậm, ông đã tỏ ra rất tàn nhẫn. Ông đã thẳng tay giết hai người này mặc dầu cả hai đã giúp ông rất đắc lực trong việc bình Bắc. Riêng Nhậm lại là con rề của vua Thái Đức tức là cháu rể của ông.

Năm Nhâm Dần (1782) Bắc Hà có nạn kiều binh là bọn lính Thanh, Nghệ cùng quê với vua Lê chúa Trịnh. Bọn này được coi từ lâu là thân quân, sau ý vào công tôn lập được chúa Trịnh Khải và phế lập Trịnh Cán khi chúa Trịnh Sâm qua đời. Chúng đảo chính xông liền vào triều giết

Huy quận Công Hoàng Đình Bảo là người cầm đầu phe Trịnh Cán.

Nguyễn Hữu Chinh đồ hương công, có tài biện bác và giỏi cả về quân sự được Thượng tướng Hoàng Ngũ Phúc trọng dụng. Phúc chết, Chinh sang phục vụ Bảo, cũng được tin cần. Tới khi Bảo bị tiêu diệt, Chinh hoảng sợ bỏ Bắc Hà chạy vào Nghệ An lánh cộng tác với Võ Tá Giao trấn thủ nơi này đề tự lập, thì Giao từ chối. Cùng đường, Chinh đến với Tây Sơn, nhờ có nhiều khả năng nên được đãi làm thượng tân. Ông ta không còn nơi nào dung thân nữa nên đã hết lòng phò tá chủ mới, thứ nhất để được sống yên ổn, thứ nhì cũng muốn có đất dựng võ.

Do thấy ông đã có tài lại có nhiều cơ mưu Huệ dùng tuy ông ta mà vẫn có sự e ngại bên trong. Dưới mắt Huệ, Chinh là con chim bạt gió nhưng vẫn là thú chim Bằng (như người ta đã đặt

tên cho ông). Vì thế ông nghĩ chỉ có thể chấp nhận sự giúp đỡ của Chinh trong một giai đoạn nào mà thôi. Trong lúc này Chinh vẫn ra công lo liệu mọi việc lớn nhỏ của anh em ông.

Chinh đã khuyên Huệ đem quân ra Bắc và sắp đặt mọi kế hoạch. Từ lâu Huệ đã có ý định này, nhưng nay được Chinh trình bày rõ rệt tình hình Lê suy, Trịnh mất tại Bắc Hà và đưa ra những sách lược rất tinh vi và khéo léo, nên đã kéo quân ra Thăng Long, quả nhiên ông đã thành công. Chinh dặn dò Huệ từng đường, đi nước bước nên ngoài việc hạ được ông chúa cuối cùng của họ Trịnh, Huệ đến triều Lê như César bước vào xứ Gaule, nghĩa là được sĩ dân hoan nghênh nhiệt liệt. Huệ được phong tước Nguyên soái Uy Quốc Công, lại được vua Hiến Tôn gả Ngọc Hân Công Chúa. Gần xa đều khen Huệ đã làm được sự nghiệp phò nguy cứu khổ, nhất là Huệ đã

(đưa Hoàng Tôn Duy Kỳ lên nối ngôi, vì vua Hiến Tôn băng hà ít ngày sau.

Huệ đã trả công người tô son điểm phấn cho mình thế nào?

Đêm 17-8 năm ấy, Huệ bắt tình linh cùng Nhạc rút quân về Phú Xuân, cố tình bỏ rơi Chinh che người Bắc Hà sát hại, vì Chinh đã mang tiếng rước quân đội Tây Sơn vào cõi. Được tin Tây Sơn về rồi, Chinh hốt hoảng chạy theo đến Nghệ An thì bắt kịp, Huệ hơi ngượng với Chinh, tìm lời cáo lỗi rồi bảo Chinh ở lại giữ xứ này cùng Nguyễn Huệ.

Đến lúc Chinh vỡ mộng biết mình ngồi trên lưng cọp không sao tránh được sự đụng độ với Huệ, Chinh đành chiêu mộ binh sĩ chờ thời. Ít lâu sau, vua Chiêu Thống cho mời Chinh ra dẹp đảng Trịnh Bồng, vì Bồng đã tiếp tục

hiệp chế vua như các tiền bối. Chinh ra Bắc chuyến này cũng rất gian nan là phải một mình đánh dẹp phe nghịch.

Trước vấn đề này, ta phải công t bằng mà đặt câu hỏi: Giữa hai người Huệ và Chinh, ai đã phụ ai? Xét ra Chinh đã như là cô gái bị chông tình phụ đi lấy người khác, cố ở cho yên thì lại bị ngờ vực rồi lại bị hắt hủi phen nữa.

Huệ nếu không đưa Chinh đến con đường cùng thì Chinh vẫn có thể còn trung thành với Huệ lại phải lo bành trướng thế lực, đề đề phòng cả người Bắc lẫn người Nam, do đó, khi Huệ phải Võ văn Nhâm mang quân ra hỏi tội, Chinh đâu muốn hay không cũng phải mang cái khối Bắc-Hà bõn tạt ra chống lại thì chống sao nổi. Chinh bị giết.

Ở đây Chinh cũng không khỏi cảnh cười cọt như khi còn gần gũi Phú Xuân bởi đa số quan lại nhà Lê vẫn oán Chinh. Chinh

lại phải lo hành tướng thế lực để phòng, cả người Bắc lẫn người Nam, do đó khi Huệ phái Võ-văn-Nhậm mang quan ra hỏi tội, Chính dẫu muốn hay không cũng phải mang cái khối Bắc Hà hỗn-tạp ra chống lại thì chống sao nổi. Chính bị giết.

Trước vấn đề này, ta phải công bằng mà đặt câu hỏi: Giữa hai người Huệ và Chính, ai đã phụ ai? Xét ra Chính đã như là cô gái bị chồng tình phụ đi lấy người khác, cô ở cho yên thì lại bị ngờ vực rồi lại bị hắt hủi phen nữa.

Huệ nếu không đưa Chính đến con đường cùng thì Chính vẫn có thể còn trung thành với Huệ liếc rằng Huệ đa nghi, nhất là Chính lại là kẻ có tài thì chính cái tài đó đã giết Chính vậy.

Với Võ văn Nhậm, Huệ cũng có thái độ tương tự. Ông sai Nhậm ra Bắc Hà diệt Chính, nhưng bởi Nhậm là rể của anh ông, vừa dây bắt hòa với ông.

lòng ông chưa vui cảm giận nên không tin Nhậm mà chỉ tin Ngô văn Sở. Sở với Nhậm trong khi cùng thi hành công tác ở Thăng Long đã lũng củng với nhau rồi Sở báo cáo Nhậm có ý phản. Tức thì Huệ lên đường tới thủ đô nhà Lê vào đêm khuya bắt Nhậm ra cột vấn. Nhậm trả lời đầu ra đây, nhưng vẫn không khỏi chết. Câu chốt của Huệ đã như lời phán quyết cho một bản án tử « — Mày không có tội thật, nhưng làm cho ta sợ đã có tội rồi ! » Liền đó, ông cho võ sĩ Hoàng văn Lợi đâm chết Nhậm.

Trước con mắt chúng ta ngày nay, các người giỏi không khác gì các con thú dữ. Nếu ở chung một chuồng, chúng phải cắn xé nhau, Chỉ có con nào mạnh nhất thì sống. Các nhà làm chính trị kim cổ đông tây đều thế cả, Nhân nghĩa đạo đức là những danh từ hầu như vô nghĩa trong các tự điển chánh trị. Nếu đây là mộ

sở đoán của người anh hùng Nguyễn Huệ thì đời xưa, đời nay mấy người ở vào hoàn cảnh Nguyễn Huệ mà không hành động như Nguyễn Huệ? Và có phải rằng muốn làm anh hùng thì ít sợ tội, phải tàn nhẫn, phải phụ người hơn là để người phụ mình chăng?

Để kết luận bài này; chúng tôi xin nhắc lại hai điểm: những người có mắt xanh mới thấy anh hùng trong thiên hạ, những người mắt xanh đã tạo nên nhiều danh nhân, danh tướng và nếu danh ướng danh nhân có công với đời

thì người đoán anh hùng giữa buổi trần ai cũng phải được kể là người có công nữa!

Ngoài ra danh nhân, anh hùng đã có nhiều sở trường để làm được những sự nghiệp lẫy lừng nhiều ơn ích cho nhà cho nước, thì thường cũng không mấy ai tránh được khỏi những sở đoán có khi là những nguyên nhân cho những tội lỗi kinh hồn.

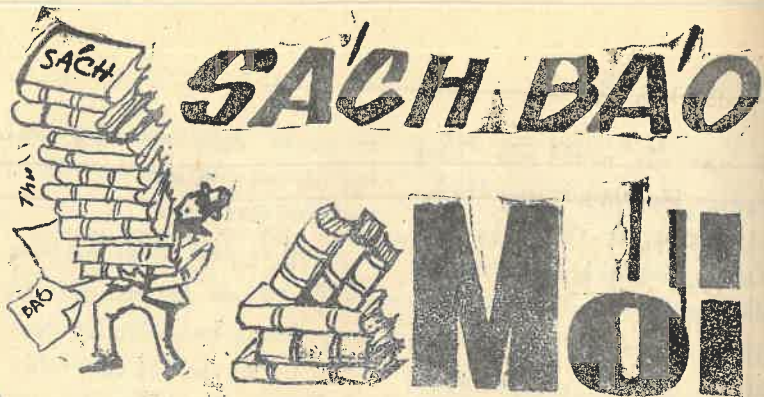
Thế mới biết vào đời một cách óng chuốt, ra đời một cách sạch trong, họa chăng chỉ có thánh nhân mà thôi.

PHẠM-VĂN-SƠN



Đúng midol Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BX/T/BPC

Đúng midol Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BX/T/BPC



★ **The Pictorial Korea 1969**

A magnificent collection of colorful pictures of Korean beauties and landscapes.

Jung hoon song, publisher (International publicity League of Korea)

★ **Miền thông reo**

Tác giả: Sarah Orne Zewett Dịch giả Phan Khải Kiên Hồng xuất bản, giá bán 60 đồng.

★ **Lá đồ tiên 10 đầu ngón tay**

Thơ của Kiều mộng Thu do cơ sở xuất bản. Nhân chứng ấn hành gồm hơn 20 bài thơ ngắn. Phương Đài đề tựa. Bản đặc biệt không đề giá bán.

● **Phương lược chiến tranh chính trị**

Tập khảo luận chính trị rất công phu của Vũ tiến Phúc, do Lam Giang viết tựa khởi hành xuất bản. Giá bán 90 đồng.

● **Mời thù thiên thu**

Sách Anh Việt đối chiếu gồm 10 truyện ngắn có giá trị của Zack Locdon do Lê bá Kông và Võ hà Lang dịch. Rất có lợi cho những người có trình độ khá về Anh ngữ, muốn trao

dồi thêm văn chương Anh.

Ziên Hồng xuất bản

✧ **Tình người của đêm và cây rừng**

Thơ của Yên uyên Nguyễn, Tạ hạnh Phúc Yên uyên Sa Đình công Hoan tập thơ mong dò Võ Triêm ấn hành đại loại gồm hơn 30 bài thơ như sau đây :

«một trăng ho dài,

một cục đờm văng lên mặt

một trăng ho khang

một cục đờm vấy mũ

Và đó là tình yêu anh cho em»

● **Nguyệt san cấp tiến**

Tờ báo của «Phong trào quốc gia cấp tiến» do giáo sư Nguyễn văn Bông làm chủ nhiệm với sự cộng tác của các giáo sư Nguyễn ngọc Huy, Nguyễn văn Ngôn, Ngô Anh Bác sĩ Lê thiện Điều...v.v.. chuyên nghiên cứu «Kinh tế, chính trị, Văn học». Tòa soạn 2, 12 Cao thắng Sg. Giá bán 30 đồng.

● **Mưa mắt tình**

Thơ của Đặng tấn Tới.

«Giọt ngọt ngào cho tôi vị đắng cay. Mưa số lá —

«Mây không là gì hết cả. Mây xuống phố đi đâu»

«Mây phải con quỷ nhập tràng không Đặng tấn Tới ?
(trang 57)

«Tôi gọi — Nay Đặng tấn Tới mây là giống gì mây
«không là gì cả mây sống để chi. Em bốc lửa lạnh tê tôi ôm tay
«em chiếc dây heo cứu cấp...»

(trang 58)

Vận động xuất bản 110 trang.

Bản đặc biệt không để giá

● Bán nguyệt san lòng từ

Do bà Vũ bá Hùng chủ biên cơ quan ngôn luận của Phật Giáo «phát huy tôn giáo Văn hóa và xã hội» Giá bán 20 đồng.

★ Phát triển kinh tế

Của John kenneth galbraith dịch giả Lê bá Kông in lần thứ 2 do Tiên Hồng ấn hành giá 25 đồng.



Hỷ tín

Thân mến mừng ông bà Bạng văn Chà giám đốc Tổng phá: hành Nam Cường 185 Nguyễn thái Học Saigon, nhưn dịp lễ vu quy của trưởng nữ

cô ĐẶNG THỊ HẠNH đẹp duyên cùng
cậu PHAN LƯƠNG QUỚI.

Thành thật chúc đôi tân hôn được muôn ngàn hạnh phúc,

Nguyễn Vỹ

GIẤC MƠ ĐÊM GIAO THỪA

THU-MAI

Phụ giúp dọn bánh mứt, hoa trái để lát nữa cho mẹ tôi cúng giao thừa xong tôi về phòng thay đồ. Tôi chọn chiếc áo dài lục màu hoàng anh mặc quần. Bỗng dưng đêm nay tôi thấy ghét những món nữ trang son phấn lạ, tôi chỉ chãi sơ lại mái tóc và đi giày.

Mẹ tôi đang ngồi nhai trầu thấy tôi bà cau mày :

— Sao con không mang một món nữ trang nào hết vậy? Hình như con cũng không đánh phấn

— Thưa mẹ, vàng, con không thấy thích trang điểm.

Mẹ tôi vuốt vuốt những nếp nhăn của tà áo tôi :

— Hai năm nay con không đi lễ Giao thừa với mẹ đấy nhé.

— Năm rồi con có đi chứ mẹ Mẹ tôi thở ra :

— Lay trời cho năm này yên

nã. đừng như năm trước, khổ lắm.

— Thưa mẹ cho phép con đi

— Về sớm nghe con. (

— Dạ.

Tôi bước chầm chậm xuống mấy bậc thềm. Căn nhà của gia đình tôi ở trên một ngọn đồi nhỏ, biệt lập với xóm giềng bên dưới con lộ lớn và đường mòn. Trước nhà là một ngôi đền cổ, sau là khu vườn hoang có nhiều mồ mả. Hai bên là hai tam cấp để xuống quốc lộ, bên kia dẫn xuống con đường mòn.

Năm nay cũng như những năm trước, tôi nhận được nhiều lời mời đi dự lễ Giao Thừa. Tôi không từ chối hoặc nhận lời một người nào. Tôi nghĩ là đêm ấy ai đến rước tôi sớm tôi sẽ đi nơi đó.

Trước cây đa lớn, dưới con đường mòn tối om, một chiếc xe song mã đã đậu đấy, từ bao giờ. Tôi hơi giật mình khi thoáng thấy nó. Chiếc xe có hình thể như xe ngựa thường, nhưng bốn bên được phủ màn gấm màu vàng, đằng trước kết bốn cái tụ đỏ thả phất phơ với bốn chiếc đèn lồng. Thân xe sơn son thếp vàng, trông giống như xe song mã thời xưa. Tôi thoáng nghĩ. Có lẽ một người dư tiền nào đây định chơi trò «nhất dạ đế vương»?

— Xin mời cô lên xe.

Người phu xe mặc áo quan hầu cô sử xuất hiện. Tôi vén màn bước lên xe không do dự. Hai con ngựa bạch bắt đầu cất vó. Ngồi trong xe, tôi nghe bên tai gió thổi vi vu như tấu khúc mừng xuân, tiếng vó câu gõ đều đều trên đường vắng như hòa nhịp.

Khoảng hơn 15 phút, chiếc xe ngừng, người phu xe vén rèm cho tôi bước ra. Vừa đặt chân

xuống đất, tôi đứng ngăn người nhìn hiện cảnh trước mắt. Một lầu đài trang nguyệt nga với vườn hoa, lưu vọng nguyệt, quân hầu, mỹ nữ ra vào lấp nập, đèn đuốc sáng choang và tiếng nhạc đập diu trầm bỗng đang tấu khúc Nghê thường. Tôi còn đang đứng ngỡ ngàng chưa biết phải làm gì thì một thiếu nữ, mặc áo nữ tử cúi đầu chào tôi, giọng cô trong vắt:

— Mời cô theo em.

Tôi đi gần như chạy mới theo kịp được chân đi thoản thoắt nhẹ nhàng của cô. Đi qua một hành lang dài hnn hút được lót đá cẩm thạch, hai bên trồng hoa gì lá xanh muốt, nở hoa trắng tuyệt đẹp? thơm tho thoãng. Ở những khúc quanh thì có một cái hồ hình bán nguyệt trông sen trắng và hồng. Trên khắp hành lang đều có treo đèn lồng đủ màu sắc sỡ.

Tôi lên tiếng hỏi cô gái:

— Ở đây là đâu thế cô?

— Thượng Giới.

— Thượng Giới? Tôi lặp lại.

oOo

Trong một căn phòng rộng thênh thang với những dãy bàn bằng ngọc quý dài lê thê

Bàn được xếp thành hai hàng dài, chừa lối đi chính giữa. Dãy bên trái, bàn nào cũng đầy ắp sơn hào hải vị, rượu đào; hoa trái. Nhưng phía bên kia, mỗi bàn chỉ để vài đĩa trái đào, một bình rượu, một bình hoa. Thực khách dồn cả về dãy bàn bên trái, bên phải chỉ thưa thớt một vài người ngồi im lặng uống rượu.

Tôi chọn bàn có người đàn ông đang ngồi độc ẩm, kéo ghế ngồi:

— Xin phép ông vui lòng cho tôi cùng ngồi.

— Cô cứ tự nhiên.

Người đàn ông trả lời tôi, không buồn ngược mắt nhìn.

Tôi vói tay lấy một quả đào cắn một miếng nhỏ và đảo mắt nhìn khắp cùng. Tất cả thực khách ở đây đều không mấy xa

lạ với tôi. Họ là những người tai mắt của cái thị trấn bé nhỏ này, mà ai sống ở đây cũng phải biết.

Trong một góc tối, một người mặc áo thêu Rồng, đầu đội nãi oai vua đang ngồi trừng mắt nhìn tất cả, Vừa nhìn hắt hươu gương mặt uy nghi lâm liệt của người, tôi cúi mặt không dám ngược nhìn lần thứ hai.

Đoàn vũ nữ mặc xiêm y cung tần sắc sỡ đang múa khúc Nghê thường. Vai vị thực khách đã say lúy túy nắm áq các nàng buồn những lời cợt nhả vô duyên

Tôi hỏi người khách ngồi cùng bàn:

— Thưa ông, ông biết người mặc áo gấm vàng thêu rồng ngồi trong góc kia là ai không?

Lần này người đàn ông ngừng nhìn lên:

— Cô không nhận biết sao?

— Thưa không.

Người đàn ông uống một ngụm rượu và tiếp tục cúi gằm mặt xuống bàn không thèm trả lời

câu hỏi của tôi. Tôi cau mày khó chịu, Đản ông gì mà chẳng galant một tý nào bất lịch sự hết chỗ chê. Tôi nghĩ là sẽ không bao giờ thềm nói chuyện với ông ta nữa nhưng vì thắc mắc muốn biết người ngồi trong góc tối kia là ai nên tôi phải lên tiếng lần nữa ;

— Thưa ông, ông chưa vui lòng trả lời Lị tôi câu hỏi vừa rồi.

— Xin lỗi cô, đây là Quang Trung Hoàng Đế.

Mắt tôi mở lớn ngơ ngác :

— Ông không đùa à ?

— Tùy cậu muốn nghĩ sao cũng được. Nhưng tôi xin nhắc cô

nhớ rằng : Nơi này là tiên cảnh Người đàn ông lại uống rượu và im lặng. Tôi đờ người ra suy nghĩ, Quang Trung Hoàng đế đã chết trên một trăm sáu chục năm thì làm sao ngài có thể tái sinh. Hay ở đây là tiên giới thật ? Có thể.

Tôi mon men đi lại phía vua Quang Trung đang ngồi. Khi

gần đến sát ngài, tôi chấp tay cúi đầu :

— Kính chào Hoàng thượng.

Tôi điếng người khi ngài ngược mắt ngó tôi :

— Ta miễn lễ. Con muốn hỏi ta điều gì ?

— Thưa ngài, ngài là vua Quang Trung ?

Vua Quang Trung gật đầu giọng ngài buồn !

— Nhưng bây giờ ta không còn là vua nữa, Sống ở thượng giới; mãi ta cũng nhớ thần dân Việt của ta, nên đêm nay, ngày Giao mẫn của năm cũ, mới ta mới mở hội này để được gặp lại những con dân yêu mến. Nhưng hình như bọn nó chẳng ai nhìn ra ta. Bọn chúng chỉ lo cắm cổ ăn uống.

Tôi chột qui xuống dưới chân ngài :

Tâu Hoàng thượng, nếu Hoàng thượng còn thương con dân nước Việt sao ngài nỗ đánh để cho dân tình phải khổ sở điều đứng mãi vì chiến chinh ?

— Con đừng trách ta. Con hãy trách bọn người đang hi hục ăn uống kia. Nếu chúng nó biết đoàn kết một lòng như quan quân của ta thời xưa, thì sông nào không lấp được ? Giặc nào đánh chẳng tan ? Nhưng chính ta thuở xưa cũng đã chết vì bọn tham ăn, tham quyền !

Tôi chưa kịp nói câu nào thì Ngà đã đứng dậy đến dãy bàn chính nắm cái khăn bàn giặt mạnh miệng hét :

— Cút hết

Ly, cốc, rượu thịt đồ tung tóe trên khắp người những ông bà thực khách, Tất cả đều hoàn hốt co giò chạy như một đàn chuột, rớt cả dép giày, đồng hồ nhàu kim cương: chuỗi ngọc bông vàng, sắc tay, đồ giả, Họ chen lấn đạp lẫn lên nhau mà chạy.

Nhìn cảnh đó vua Quang Trung vuốt râu cười chảy nước mắt,

oOo

Chị Mai ơi, dậy đi. Mừng một Tết mà cũng.. ngủ. Hồi tối mấy giờ chị về ?

Tôi mở mắt nhìn Cúc mới sáng ra mà cô ta đã mặc áo mới.

— Chị không nhớ, thoi ra ngoài chơi để chị ngủ chút nữa.

— Anh Vĩnh đang chờ ngoài phòng khách đó. Ngủ nữa đi bà.

Tôi ngồi nhồm dậy :

— Anh Vĩnh tới hỏi nào vậy Cúc ?

— Hồi nãy ảnh li xi cho em có hai chục, Ảnh nói linh nghèo lắm, li xi bao nhiêu đó lấy hèn.

Tôi hôn mái tóc đầy nước hoa của Cúc ;

— Em ra nói anh Vĩnh chờ chị một chút, chị thay đồ.

— Mau mau đó ảnh nói ảnh còn về đồn, năm nay cắm trại.

Tôi không buồn thay áo mới như lúc nãy nghĩ tôi chỉ chải sơ mái tóc và đi ra phòng khách. Chắc chắn là năm nay tôi sẽ không được đi lễ chùa đầu năm với Vĩnh như chàng đã hứa.

(Mùa Xuân 18)

Thu-Mai

đã ghép cho cô hiện tượng «bị dồn ép» bị «ám ảnh dục tình»

Chúng ta đã vạch rõ sự sai lầm thô thiển của những nhận xét phỉ báng ấy. Chúng ta đã tìm kiếm trong đời sống thanh thoát của cô, tình trạng gia đình và bạn hữu thi văn, không hề tiết lộ một hiện tượng nào tầm thường như thể qua các bài thơ thâm trầm xúc tích của cô. Trá lại chúng ta nhận thấy Nữ Thi hào Xuân Hương, — Độc nhất trong lịch sử Thi ca thế giới — không hề nói đến tình yêu, không ca ngợi tình yêu không thần thánh hòa tình yêu, như Sapho như tất cả các nhà thơ nam nữ khác trên hoàn cầu tự cổ chí kim, Người ta phải kinh ngạc hơn nữa trước thái độ kiêu hãnh tri thức, vừa mỉa mai trào lộng, vừa tinh ranh tao nhã, của một cô gái đem chuyện dục tình ra mà khôi hài, chế riếu giống đàn ông, đề cao giống đàn bà.

Như tôi đã trình bày ở chương trên, người đàn bà mà đa số

người cho là lẳng lơ, dâm dục tục tĩu, lại là người đàn bà chính chuyện, đúng đắn, và tao nhã nhất,

Quan niệm về tình yêu và tình dục của Hồ Xuân Hương khác hẳn với quan niệm của người thường. Tôi đã dùng hai danh từ đối tượng thể chất (le matériel) và trí chất (le spirituel) (1) để diễn đạt hai khía cạnh của quan điểm Hồ Xuân Hương : cô không câu nệ cái thể chất của sự vật mà chú trọng đến cái trí chất của nó thôi, Bài «Đánh cờ người» tiêu biểu rõ rệt quan điểm tình yêu và tình dục của Hồ Xuân Hương. Bài này chia làm ba đoạn, Đoạn thứ nhất bốn câu :

*Chàng với thiếp đêm khuya
trần trọc,
Đốt đèn lên đánh cuộc cờ
người.
Hẹn rằng ; lấy trí mà chơi.
Cấm ngoại thủy không ai
được biết*

(1) Xem P. T. Số : 216, trang 117, bài H.X.H.

Nữ Sĩ hẹn với «chàng» : «lấy trí mà chơi». Hẹn, nghĩa là giao hẹn. Cô đã giao hẹn lấy trí mà chơi tức nhiên là cô bày tỏ quan điểm «chơi» bằng trí. Bởi cô chú trọng đến trí chất của cuộc chơi, chỉ khía cạnh trí thức, tinh thần của nó nên cô không muốn người ta hiểu lầm qua khía cạnh thể chất, vật chất, của cuộc cờ mà cô sắp bày ra. Đề minh bạch hơn nữa cô còn bảo : «đốt đèn lên» vì cô cho rằng cuộc đánh cờ giữa chàng với thiếp» là một trò chơi tự nhiên, không có gì ám muội phải giấu diếm che đậy. Đã «lấy trí mà chơi» thì cần gì phải sợ sệt, thẹn thùng, vì trí chất không tục tĩu, không lẳng lơ, không phải là dâm dục như thể chất, Tuy nhiên, để chứng tỏ rằng dù sao cô cũng giữ tính cách tao nhã, không trơ trẽn, cô đã nói thêm : «Cấm ngoại thủy không ai được biết» Câu thơ này tiết lộ tường tận dụng ý của Hồ Xuân Hương rằng cuộc cờ ân ái bày ra để cho bậc trí giả thưởng thức.

bằng thần thần thanh cao của trí óc (chứ không phải cho kẻ ngoại cuộc cho người phàm tục. Cô dùng chữ «cấm» để tỏ rõ quan điểm nghiêm khắc của cô. Tóm lại cô «giao hẹn» Đây là một nhà thơ chơi thơ, cấm kẻ phàm tục dòm vào.

Giao hẹn xong Xuân Hương không ngần ngại vào đề ngay. Đây là đoạn hai :
*Nào tướng sĩ bày ra cho
hết*

*Đề hai ta nhất quyết một
phen...*

*Quân thiếp trắng, quân chàng
đen*

*Hai quân ấy chơi quen, đã đã
lựa. (2)*

*Lúc mới vào chàng liền nhẩy
ngựa.*

*Thiếp vội vàng vén phía
trông lên.*

*Hai xe hà, chàng gác hai
bên,*

*Thiếp sợ bi, thiếp liền nghênh
sĩ.*

(2) đã : cái đã, Hai quân ấy chơi quen, đã lựa sẵn cái đã.

Chàng lừa thiếp đang khi
 tất ý
 đem lối đầu dù di vô cung
 Thiếp đang mắc nước xe
 lồng
 Nước pháo đã nổ dùng ra
 chiêu.
 Chàng bảo chịu, thiếp rằng
 chưa chịu,
 Thua thì thua, quyết níu lấy
 con !

Hồ xuân Hương đã giao hẹn
 hơi bằng trí hi ta lấy trí mà
 chơi với cô, lấy trí mà thường
 thức cuộc cờ, lấy trí chắt mà
 hiểu tài chơi cờ của cô. Cấm
 hiển bằng thế chắt vậy nhé !

Không e dè gì nữa, nào tượng
 sĩ bày ra cho hết; Chàng với
 thiếp, có gì để chơi chầy phò
 bày hết ra, hãy dùng hết mè hờn
 rận ra.

Đề hai ta nhất quyết một
 phen.

Hai ta là hai đối tượng và chơi
 cờ là một cuộc tranh hùng giữa
 hai địch thủ. Cả hai đều «nhất
 quyết một phen» thắng bại. ý

nghĩa thâm thúy của câu thơ
 này là người đàn bà, theo quan
 điểm của Hồ xuân Hương không
 chịu đóng vai thụ động, không
 chịu «lép vế» không đương nhiên
 phục tùng người đàn ông. Còn
 tùy theo cảnh ngộ, tài năng sức
 lực quyền hạn, lợi thế của đôi
 bên. Ta đã thấy đây chớm nở
 mầm mống nữ quyền trong ý
 thức hệ của cô Nữ thi hào
 Thăng long. Tình yêu và tình,
 dục chỉ do cảnh ngộ do lợi thế
 quyết định cho cả hai bên. Cô
 phủ nhận tình cảm thuần túy
 Và cô có lý, vì tình yêu dù thơ
 mộng đến đâu, quyến rũ đến
 đâu, cũng chỉ nảy nở trong
 khung cảnh thực tế thích hợp
 của lợi thế hoặc tài sức cảnh
 ngộ mà thôi. (Xin nhớ rằng sắc
 đẹp cũng là một lợi) Trong các
 bài thơ của Hồ xuân Hương
 luôn luôn chúng ta gặp tư tưởng
 rất tế nhị thâm trầm ấy của cô
 Mè hờn trận bày ra Nữ
 sĩ tài ba đã cho ta thấy hai
 sắc thái dị biệt:
 Quân thiếp trắng, quân chàng
 đen.

Thích thú vô cùng là sự d
 biệt ấy luôn luôn làm nổi bật
 ưu điểm của phái đẹp ! Quân
 thiếp trắng như ngà, như ngọc
 như tuyết, như trăng, còn quân
 chàng đen xỉ, đen ngòm rậm rì,
 xạm rịt xấu xí ời là xấu xí !
 Luôn luôn, Hồ xuân Hương cho
 người đàn bà được quyền kiêu
 hãnh, chừng nào thua cuộc
 hăng hay chứ mới bày trận ra
 đã dành một phần thắng lợi ưu
 tiên trước đã !

Hai quân ấy chơi quen. đã
 đã lừa.

Hai quân : là tướng (của
 chàng), và sĩ (của thiếp), đã chơi
 quen với nhau rồi, đã lựa sẵn
 cái đà đề ứng phó.

Lúc mời vào, chàng liền
 nhẩy. ngựa.

Mới khởi sự, chàng đã nhảy
 xồm lên ngay như con ngựa
 (con mã). Chàng lên ngựa, à
 chàng đã có mồi thắng thế. Cho
 nên .

Thiếp vội vàng vén phía
 tượng lên.

Thiếp phải tức tốc vén phía
 con tượng lên để đáp ứng với
 chàng. Với chữ «vén» này, Hồ
 xuân Hương vận dụng triệt để ý
 nghĩa «vén khéo», để diễn tả sự
 việc vừa «vội vàng» vừa vén
 khéo, chứ không phải hấp tấp
 mà ầu tả đầu. Trong sự
 vội vàng, đã có một chút
 suy nghĩ, có cẩn thận.

Hai xe, chàng gác hai bên

Hồ xuân Hương đặt chữ «xe»
 vào đây với ẩn ý là hai cái «xe»
 và chữ «xe» Há n tự, cũng có cái
 cẳng dài, Chàng gác hai xe hai
 bên, nghĩa là chàng gác hai cán
 xe lên như hai cái cẳng. Chữ
 «Hà», tiếng than để tả phản ứng
 dưới một sức nặng.

Thiếp sợ bí, thiếp liền hênh sĩ
 Phản ứng liền tục của thiếp.

khi chàng đã gác xe lên hai bên,
 là thiếp liền ghềnh con sĩ,
 GHỀNH, là nhồm lên, đưa lên
 «Sĩ» là con bài tượng trung của
 thiếp, đối lại con «tượng» của
 chàng.

Chàng lừa thiếp đang khi bất
 ý.

Đem tốt đầu dú — đi vô cung
 Con tốt là tên lính ở ngoài.
 nó đứng chầu chực giữa bàn
 cờ. Thừa lúc thiếp vô ý chàng
 đẩy con tốt vào dú đi đầu tốt vô
 cung. Con tốt đã lọt được vào
 cung bên thiếp thế là chàng
 đã nắm chắc phần thắng.
*Thiếp đang mắc nước xe
 lồng,*

*Nước pháo đã nổ ùng ra
 chiếu*

Thiếp đang lính quýnh với
 nước xe, thì nước pháo đã nổ
 ùng ra chiếu. Nước pháo của
 thiếp đã tống ra ngoài chiếu rồi
 thì ván cờ đã mãn, Chàng đã
 thắng.

*Chàng bảo chịu? Thiếp rằng
 chưa chịu.
 Thua thì thua, quyết níu lấy
 con.*

Chàng lên giọng hỏi : đã chịu
 thua chưa ? Thiếp vẫn kiêu hãnh
 trả lời : chưa thua trận này,
 thiếp còn muốn bày ra trận
 khác, quyết níu lấy cho được

đưa con. Con, là con cờ, Quyết
 níu lại, lấy lại con cờ.

Rốt cuộc, dù thiếp đành chịu
 yếu thế, thiếp vẫn quyết níu lấy
 con và thiếp sẽ thắng.

Kiểu hãnh tinh của phụ nữ
 trong ý thức hệ Hồ xuân Hương
 vẫn nổi bật lên trong cuộc chơi
 cờ tượng trưng của «chàng với
 thiếp».

Hai câu kết ở đoạn cuối tăng
 cường quan điểm ấy :

*Khi vui nước nước, non non.,
 Khi buồn lại giở bàn son
 quân ngà.*

Chơi cờ chỉ là một cuộc tiêu
 khiển, trong lúc buồn. «Lấy trí
 mà chơi», như đã giao hẹn, thì
 «chơi» chẳng phải là một việc
 quan trọng gì, chẳng phải như
 những cuộc «vui nước nước non
 non» của con người thực giả.

Ái tình và dục tình tỷ như
 «bàn son quân ngà» chẳng qua
 là một tiêu khiển đỡ buồn nhất
 thời. Lo chuyện nước non đa
 sự, đó mới là thú vui lớn thường
 xuyên của kẻ trí. Và, trong cuộc
 đánh cờ tiêu khiển tượng trưng

dó, đâu phải người đàn bà là kẻ
 thụ động, phần tử bị ép buộc,
 yếu thế, đầu hàng, Khổng !.

Đàn bà «quyết níu lấy con», là
 có ý thức nhiệm vụ thiêng liêng,
 chức trách vô cùng trọng đại
 của giống đàn bà trong thế giới
 loài người.

Tiếng kêu «đàn bà không phải
 là món đồ chơi của đàn ông»,
 Hồ xuân Hương đã thốt ra,
 thâm trầm, tế nhị, sâu sắc, trong
 những vần thơ hùng hồn và tinh

ranh của cô, như trong bài
 «Đánh cờ người».

Tình yêu và tình dục mà giống
 đàn ông đam mê Hồ xuân Hương
 đem ra chế riễu trào lộng luôn
 luôn với dụng ý hạ bệ uy thế
 của người phái mạnh nâng cao
 địa vị và chức vụ của phái yếu
 và đẹp. Phải hiểu thấu triệt tư
 tưởng của Hồ xuân Hương như
 thế mới thường thức được thơ
 Hồ xuân Hương.

(còn nữa)



Dùng Midol *trị các chứng đau nhức
 và cảm cúm*
 CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
 1350/BXT/ĐPDC

Chuyện cổ tích Chàm

TRẠNG TÍ HON

hay

RAJAKAR-ANEH

* JAYA PANRANG

Dưới một triều đại Chàm quốc, trong nước xảy ra nhiều cuộc biến loạn, bên ngoài thì nước Tàu cứ lâm la muốn đem đạo quân sang xâm lăng, tại triều lại thiếu kẻ sĩ tài đức giúp vua, trị nước.

Một hôm, vua cho vời một vị Chiêm tinh vào châu đề bàn quốc sự và vấn kế kén chọn người tài giỏi ra giúp nước.

Sau khi xem sách, bấm độn và quan sát các vì tinh-tú trên vòm trời can, nhà Chiêm tinh bèn tâu lên vua rằng : «Cứ theo sách vở

và đằm tròi, ở phương Nam nước ta có một vị Trang trẻ tuổi, tài cao, trí sáng, Nếu được Bệ hạ tin dùng thì kẻ sĩ ấy có thể giúp triều đình gầy dựng đất nước, chặn dất muôn dân được an cư lạc nghiệp».

Nghe xong, nhà vua lấy làm mừng rỡ, truyền lệnh cho Đội kỵ mã chỉ trực Phương Nam tìm cho được bậc hiền tài đó vời về kinh đô,

Đội kỵ mã vâng lệnh, thẳng ngựa lên đường, dò la tin tức, Khi đến một quãng đường, ở

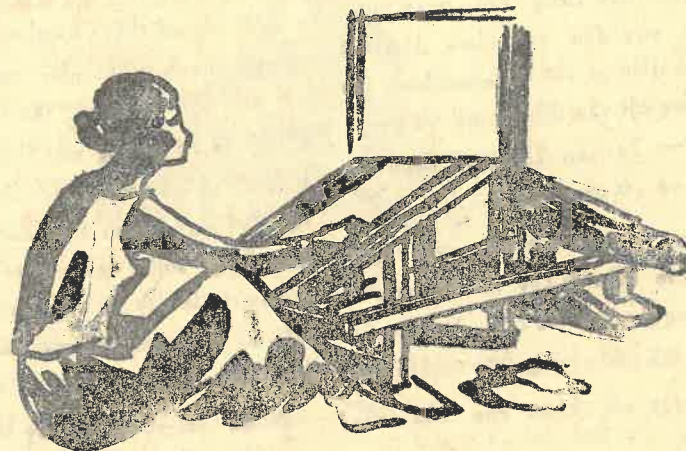
TRUYỆN CỔ

giữa đồng ruộng, gần đường cái đi qua, có một nông dân đang cày, và gần đó có chú mục đồng chẵn ghé vừa đang mò ốc bắt cua. Đội kỵ mã dừng ngựa, hỏi người nông dân rằng :

— Từ sáng đến giờ nhà ngươi cày được mấy đường và được bao nhiêu vạc cày rồi ?

Đội kỵ mã hỏi đi hỏi lại mấy lần, người nông dân cũng cứ một mực lặp lại câu trả lời ấy.

Đội kỵ mã tức giận, cho là người nông dân ương-ngạnh, lấy roi ngựa quất vào người nông dân mấy roi và quất tháo ầm lên, cho ông nông dân là kẻ dằn độn, ra



— Dạ bẩm quý ông, cứ cày hết đường này sang đường khác và hết vạt này thì lại sang vạt khác, tôi không biết là tôi đã cày được bao nhiêu đường và mấy vạt,

thân đi cày mà không biết được việc mình đã làm. Đánh mắng xong, Đội kỵ mã thót lên ngựa tiếp tục hành trình.

Người nông dân ở lại chỉ biết ôm mặt khóc và than cho số phận thấp hèn của mình.

Rajakar-Aneh, chú mục đồng đưa con trai độc nhất của người nông dân thấy người cha của mình bị kẻ có quyền thế bức hiếp liền chạy theo Đội kỵ mã kêu họ dừng lại. Đội kỵ mã nghe thấy tiếng kêu, quay ngựa lại, vừa đến nơi chưa kịp hỏi han điều gì thì Rajakar-Aneh lên tiếng cất vắn đội kỵ mã rằng:

— Tại sao các người đánh cha ta vô cớ như vậy ?

— Vì cha của mày ngu ngốc quá ra thân đi cày mà không biết được là mình đã cày được mấy vạt cày nên chúng ông phải đánh đề dạy cái khôn cho cha của mày.

— Chỉ có thế thôi ?

— Vâng !

— Bây giờ tôi hỏi các người... từ sáng tới giờ các người ngồi trên lưng ngựa các người đã

cho ngựa đi bước một mấy bước đi nước kiệu mấy lần, và phi nước đại được mấy đoạn đường !

Đội kỵ mã bị dồn vào thế bí, không biết trả lời ra sao đành chịu thua và chỉ còn biết hạ mình xin lỗi chú mục đồng về tội đã lỡ tay đánh đập và lỡ lời mắng nhiếc cha chàng.

Đội kỵ mã thấy Rajakar-Aneh là một thanh niên nhỏ tuổi ăn nói với lời lẽ cứng rắn và lại chàng ta có gương mặt khôi ngô tuấn tú và có những nét lộ ra là người thông minh trời cho, nên đem lòng sinh nghi ước đoán chừng có lẽ đây là viên trạng trẻ tuổi mà vị chiêm tinh gia đã nói đến chăng ?

Nhận xét xong, đội kỵ mã áo từ quay cương ngựa trở về triều và tâu lên nhà vua rõ cơ sự.

Nhà vua truyền lệnh cho hai vợ chồng người nông dân phải đánh một sợi dây bằng tro và hện trong thời gian ba ngày phải

nap cho vua xem. nếu quá kỳ hện đã định mà không có sợi dây tro ấy thì nhà vua sẽ giết hết cả gia đình.

ngoài đồng về, thấy cha mẹ đang khóc, chàng liền hỏi :

— Thưa cha mẹ, chẳng hay trong gia đình có điều gì không



Lệnh vua truyền đến làng được chủ làng báo cho cha mẹ của chàng Rajakia-Aneh hay, cha mẹ của chàng chỉ biết khóc lóc, chờ đúng ngày hện sẽ đem mạng đến nạp cho vua giết chứ biết làm sao lấy tro mà đánh cho thành một sợi dây được !

Chiều đến, Rajakar-Aneh &

lành chẳng, nên khiến cho cha mẹ phải khóc ?

— Cũng vì tại con đã dám hỗn xược với gia đình của triều đình, nên vua phạt cha mẹ phải làm sao đánh cho được một sợi dây bằng tro và hện trong ba ngày khỏi mang nạp cho nhà vua, nếu không thì nhà vua sẽ giết cả gia đình ta hết !

RaJakar-Aneh chỉ chờ có cái cơ hội ấy, nay nó đã đến rồi. Chàng khuyên cha mẹ của chàng cứ yên lòng, đừng khóc nữa, hãy lo cơm nước ăn cho sớm rồi đi ngủ cho ngon giấc. Việc đó để cho chàng lo.

Đến ngày hẹn, chàng đến thẳng lồng rơm trước sân nhà, lấy những sợi rơm dài đánh thành một sợi dây dài độ ba sải, đem quấn vào một cái khung bằng đất, đoạn chàng lấy lửa đốt cháy thành tro và lấy nắp vung đập kín lại sợ gió bay. Xong rồi chàng đến thưa với mẹ sửa soạn xiêm áo chỉnh tề để đội khung dây tro ấy đến dâng nạp cho vua xem. Khi mẹ chàng dâng nạp dây tro lên nhà vua, vua rất lấy làm bằng lòng và thán phục.

Tuy nhiên, vua chưa hài lòng, nhà vua còn ra lệnh cho vợ chồng của bà phải kiếm cho được một người đàn bà có râu đem nạp cho vua xem, và cũng chỉ cho phép

trong thời ba ngày phải tìm cho được người đàn bà quái dị ấy, nếu không sẽ bị nhà vua tru di toàn bộ gia đình.

Nhận lệnh xong, bà ta lúi thủi ra về, lòng buồn vô tận. Bà biết trên đời này làm gì có người đàn bà nào có râu như vua muốn!

Bà vừa về tới nhà thì người chồng và đứa con của bà cũng vừa ở đồng ruộng về đến. Bà tường thuật câu chuyện oái-oăm ấy cho chồng con nghe và bà lại khóc. RaJakar-Aneh khuyên mẹ đừng lo, cứ yên tâm và nói với mẹ hãy dọn cơm ăn và đi ngủ sớm, việc đó chàng sẽ lo liệu lấy, không có gì khó đâu.

Ba ngày sau, sáng sớm chàng vào chuồng dê, lựa một con dê nái to béo, mập mạp, lấy một sợi dây thừng buộc vào cổ con vật và trình với mẹ đặt đến nạp cho nhà vua, đây là người đàn bà có râu đây.

Thấy bà mẹ của RaJakar Aneh đặt dê cái đến vua lại càng thán phục cái trí thông minh của chàng

Được nhà vua khen bà tưởng đã thoát được phiền toái và sự hăm dọa đến mạng sống của gia đình bà. Không ngờ vua truyền cho bà trong ba ngày nữa phải đem nộp cho nhà vua một thứ bánh biết nói,

Thoạt đầu tưởng là dễ vì bà mẹ của Rafakar-Aneh là một tay cự phách về môn gia chánh trong vùng nên thay vì bà lo lắng như mấy kỳ trước lần này bà vui mừng và lấy làm tự phụ và hãnh diện sẽ có cơ hội thi thố tài năng của bà. Bà chỉ hơi lo một chút là tập cho cái bánh biết bập bẹ đôi ba tiếng là ăn chắc trong tay rồi.

Có ngờ đâu bà đã ra công suốt ngày làm đủ thứ bánh nhưng chẳng có cái nào biết nói cả. Thất vọng bà bỏ mặc các thùng bánh ngổn ngang ở giữa nhà rồi bà

lên giường nằm thừ người ra thờ phật phàn chán nản sự buồn rầu lại tràn ngập lòng bà.

Khi chồng và con bà về thấy bánh trái bày la liệt đầy nhà Rafakar Aneh hỏi mẹ.

— Mẹ ơi! gia đình mình chuẩn bị cúng giỗ gì đây mà mẹ làm quà bánh nhiều quá vậy nè.

— Đừng hỏi nữa con ơi! trong câu nói có ý than trách bà nói tiếp: — Cũng vì con đại dốt dám to gan hạch sách gia binh triều đình nên nhà vua hết ra lệnh này, đến lệnh khác, mấy tuần nay làm cho mẹ phải cực nhọc ăn không ngon, ngủ không yên, Nay lại bắt mẹ phải dâng lên nhà vua một thứ bánh biết nói để chuộc cái tội «phạm thượng của con. Nhưng mẹ đã làm từng ấy bánh mà không có cái nào nói được cho mẹ nghe một lời. Khổ lắm con ơi, đúng là: «Con làm

dại, cái phải mang» con ạ!

Rajakar Aneh phân trần với mẹ :

— Việc đâu còn có đó tội, con làm con chịu cha mẹ có làm nên tội gì đâu mà bắt cha mẹ phải chết. Mà thật ra con cũng chẳng gây ra tội lỗi chi cả. Chẳng qua vì thanh danh của gia đình, danh dự của người cha,

Cha con bị người ta ức hiếp đánh đập chửi mắng nhục nhã một cách vô tội vạ. Vì sự công bình giữa con người với con người con tưởng con phải có phần phân biệt lẽ phải cho cha của con chứ không lẽ chỉ vì một câu nói có ý tự vệ mà nhà vua nỡ tâm giết dân lành à! Vậy mẹ cứ yên lòng con đã có đối phó rồi. Mẹ hãy vui vẻ lên và xin mẹ đem bánh trái ra ăn đi mẹ đừng quá quan tâm đến chuyện nhỏ mọn ấy nữa.

Đúng ngày hẹn, Rafakar-Aneh tắm gội sạch sẽ, ăn mặc tươm

tất. Chàng đến bên cạnh mẹ nói rằng : Mẹ hãy cùng con lên kinh đô để xin yết kiến nhà vua, hầu xin đức ngài tha tội cho con để tránh mọi phiền lụy cho cha mẹ, cho gia đình chúng ta. Mẹ nhớ mang theo một cái mâm cỏ thật đẹp sẽ xin dâng biểu đức ngài, có lẽ đức ngài sẽ thông cảm mà rã tình thương con dân và sẽ xóa hết sự giận hờn của ngài,

Khi hai mẹ con Rafakar-Aneh đến gần thành vua, chàng thưa với mẹ hãy sửa soạn xiêm y một lần nữa cho thật chỉnh tề, mẹ đặt mâm xuống đây, nói rồi Rajakar-Aneh lên ngồi trên cái mâm và hỏi với mẹ : Chính con đây là cái bánh biết nói đây mẹ ạ!

Vào đến trước thềm nhà vua, bà mẹ của Rajakar-Aneh quỳ hai gối xuống đất, trước mặt vua mà kêu rằng : « Kính tâu gót ngọc của Thánh thượng, tuân lệnh của Ngài hôm nay đúng ngày hẹn, con xin

kính dâng Ngài cái bánh biết nói mà Ngài đã ra lệnh cho con phải dâng nạp, kính mong Ngài thứ để nhận cho». Nói xong bà đặt mâm xuống thềm nhà và lui ra đứng một bên.

Thoạt nhìn thấy gương mặt khôi ngô, đôi mắt sáng long lanh, vầng trán cao và tướng mạo oai phong của Rajakar-Aneh, nhà vua đem lòng mến thương chàng ngay. Nhà vua lại càng thán phục nhiều hơn nữa, vì những «câu thai» của nhà vua ra đề đều được chàng ta «đáp lễ» đúng cả.

Vua truyền ban một số bạc vàng và những món vật quý báu cho mẹ của chàng đem về. Còn Rajakar-Aneh thì được lệnh vua truyền ở lại tại triều với vua.

Tối đến, nhà vua triệu tập đông đủ các quan văn võ trong triều đến bàn quốc sự. Tham dự buổi họp có cả Rajakar-Aneh nữa.

Trong lúc vua quan đang bàn luận, Rajakar-Aneh ngủ gục. Vua

liếc thấy bèn với tay cầm lấy vai chàng lay mạnh mà hỏi rằng : «Tại sao nhà người buồn ngủ sớm quá vậy?»

Chàng ta đáp : «Tâu Bệ hạ, kẻ hạ thần đau có ngủ, kẻ hạ thần đang suy nghĩ : cây kim kia sờ dĩ nó bén nhọn là vì có người thợ mài dũa, chứ như ngọn gai hoang dại có ai chuốt mài dũa mà nó cũng bén nhọn như cây kim vậy!» Tất cả vua quan đều lấy làm ngạc nhiên về câu ấy.

Cuộc thảo luận tiếp tục đang hồi sôi nổi, chàng ta lại ngủ gục nữa. Vua lại nhắc chàng : «Ồ kia ! Khanh lại ngủ gục rồi!» Rajakar-Aneh trả lời ngay : «Tâu-Bệ hạ ! kẻ hạ thần suy nghĩ về chiếc công xe trâu; sờ dĩ nó công là vì do bàn tay người thợ đeo gọt, chứ còn như trái me trên cành cao chót vót kia có bàn tay nào uốn nắn dũa mà nó cũng công như cái công xe vậy!»

Qua các cuộc tiếp xúc, nhà vua và các vị văn võ đại thần trong triều đều công nhận Rafakar-Aneh có nhiều biệt tài, lanh trí, đáng được trọng dụng trong chức Trạng tại triều, hầu mưu đồ giúp ý kiến cho nhà vua làm thời có điều chi quan trọng bí hiểm.

Danh tiếng Rafakar-Aneh ngày càng vang dội đi xa khắp nơi và nghe đến tai vua Tàu. Nên vua Tàu muốn thử tâm Trạng của nước Chàm coi tài ba đến đâu.

Một hôm vua Tàu cho sứ giả đem sang nước Chàm hai con ngựa cái, lông mao, lông cổ đều giống nhau, hình vóc đều một cỡ với nhau, đến hỏi Trạng nước Chàm cho biết con nào mẹ và con nào con.

Trạng Chàm nhanh chân chạy đến mán ngựa nhà vua lấy một nắm cỏ tươi đến phất trước miệng hai con ngựa của sứ giả Tàu, thấy con này hí tiếng to và khàn khàn và con kia hí tiếng nhỏ và thanh.

Trạng liền cho biết con trước là ngựa mẹ và con sau là ngựa con.

Kỳ sau vua Tàu cho sứ giả và quân lính mang sang nước Chàm một thanh gỗ toãn lõi, đầu duôi dẹo bằng nhau và bào trơn tru không còn thấy gân gỗ mà nhận định, sứ giả Tàu lại hỏi xin cho biết thanh gỗ này bên nào gốc, bên nào ngọn.

Trạng Chàm liền cho người khiên thanh gỗ đó đem thả xuống vũng nước, thấy một đầu chìm sâu xuống mặt nước, một đầu nổi trên mặt nước. Trạng liền chỉ đầu chìm đó là gốc và đầu nổi ngọn.

Lần thứ ba vua Tàu lại gửi đến một con trâu đực to lớn vạm vỡ, sức lực khoẻ mạnh, sừng nhọn và còn bịt thêm sắt bén nhọn như đầu gươm dáo, đòi đấu với trâu vua Chàm. Vua Chàm thấy vậy rất lo sợ, vì xứ Chàm không có một con trâu nào tương xứng để chọi với trâu vua Tàu, vua bèn vời Trạng vào vấn kế.

Trạng ra lệnh cho gia nhân vào chuồng lựa một con trâu nghe đực, mới đội nhỡ sừng lên, hãy còn bú sữa mẹ và cho nhốt vào chuồng riêng, để đấu với trâu của vua Tàu.

Qua hôm sau đến giờ đấu bên sứ giả Tàu giắt con trâu của họ đến giữa sân đấu và hỏi bên Chàm rằng trâu của quý quốc đâu? Trạng Rafakar Aneh trở tay vào cái chuồng gần đó và nói: «Đó là trâu của bản quốc» Sứ giả và quân lính Tàu thấy vậy cười ồ lên với giọng cười ngạo nghễ lắm.

Khi mở chuồng ra con trâu nghe vua Chàm vì đã bị khát sữa từ hôm trước trông thấy đồng loại — trâu đực vua Tàu đang đứng trước sân chuồng tưởng là trâu mẹ của nó vội chạy thẳng tới chai mỏ húc vào háng trâu đực kia tìm vú sữa. Nhột quá trâu đực của Tàu chịu hết nổi bỏ sân chạy tứ tung con trâu nghe thấy trâu đực càng chạy thoát nó càng chạy nà theo. Khán giả bên Chàm

vô tay reo hò đặc thủng vì trâu của Tàu chạy trước con nghe của vua Chàm chạy theo sau như đang rượt chém con trâu đực kia và trâu đực không dám đứng chống lại. Cuộc đấu ấy được coi như con trâu của vua Tàu thua chạy bỏ cuộc.

Bên vua Tàu đâu có chịu hàng non vua Tàu lại gửi sang một lực sĩ lực lưỡng sức khoẻ phi thường đã từng là vô địch môn vật lộn để cùng lực sĩ Chàm đấu sức.

Bên Chàm vốn có những mẫu người bé nhỏ sức khoẻ tầm thường làm sao có người tương xứng để thi địch với lực sĩ Tàu.

Vị Trạng trẻ tuổi nước Chàm mới nghĩ ra mưu sâu kế độc. Ông cho người lấy hai xe củi toàn là thứ củi lõi và to cây lấy dây ràng lại thành hai bó bằng nhau lấy một cây trật to bằng cột nhà xỏ dính lại hai bó củi ấy lại thành cây đòn gánh và gánh củi lấy một tấm da trâu nguyên cắt một nửa làm thành một chiếc dép đi rừng

và đem móc vào một đầu bó củi Gánh củi to trông ấy được đặt ngay ngã tư đường đi vào thành vua Chăm đồng thời cho một vị thầy tu già mặc áo rộng phềnh phồng rỗng đã rụng còn trơ lại hai hàm núu trơn tru đầu tóc trọc sói láng bóng lên nằm trên 1 chiếc vòng treo ở dưới mái hiên của ngôi nhà bên vệ ngã tư đường. Còn Trạng ta già dạng thường dân đứng chơi lãng vãng lối đó.

Gần đến giờ đấu phái đoàn lực sĩ Tàu đi qua ngã tư thấy gánh củi và dép da khổng lồ lấy làm ngạc nhiên vô cùng Nhìn trước ngó sau thấy một thanh niên đang chơi gần đó lực sĩ Tàu đến hỏi :

— Người gánh củi này là ai hở chú ?

— Thưa quý khách người này là một tiểu phu chuyên đốn củi cho nhà vua chụm, ông là người mạnh nhất nước Chăm, ông thường vật chết con trâu, con

ngựa như người ta vật một con sâu con bọ, nên kỳ này ông được nhà vua chọn làm lực-sĩ đấu vật -lộn với lực-sĩ Tàu chiều hôm nay. Ông vừa gánh củi từ trên núi về tới đây, ông nghỉ đề vào thăm con của ông đang nằm rên vồng kia, khi ra, ông thấy bị mất một chiếc dép, có lẽ ông bỏ quên nơi lấy củi, nên ông trở lại chỗ ấy để tìm, thế nào ông cũng phải về cho kịp giờ đấu.

Lực-sĩ Tàu hỏi tiếp:

— thế thì vợ của ông ở đâu bây giờ ?

— Dạ thưa quý khách, vợ ông đã qua đời gần năm, nay vợ ông cũng là người to lớn vạm vỡ lắm, cứ xem đứa con của ông nằm vồng kia thì biết. Từ khi vợ ông mất đi, đứa con của ông ăn uống thất thường, lại thiếu sữa mẹ, nên sinh ra đau ốm gầy còm như thế đó, chứ hồi trước bộ xiêm áo đứa con của ông đang mặc cũng vừa vặn lắm, bây giờ rộng lỏng chông như vậy đó.

Lực sĩ Tàu tin lời giải thích của chàng thanh niên, đâm ra kinh sợ, mất bình tĩnh, mất tinh thần luôn, không còn dám ra sân đấu vật lộn với lực sĩ «vô hình» của vua Chăm nữa. đành tự động kéo nhau rút lui về xứ.

— Trước kia giữa vua Tàu và vua Chăm có giao ước với nhau, nếu hai nước so tài, đấu trí cùng nhau, bên Chăm thua thì phải thần phục nước Tàu, hằng năm phải cống

hiển lễ vật cho vua Tàu, còn nếu bên Chăm thắng cuộc thì sẽ được vua Tàu nâng lên hàng quốc gia bạn (đồng minh).

Giữ lời hứa, sau mấy trận đấu, bên Chăm đều thắng cuộc, từ đó hai nước Tàu và Cham đặt nền bang giao thân thiện ngang hàng nhau và nước Tàu không còn tìm có để đem quân xâm lăng nước Chăm nữa Cũng nhờ đó mà nước Cham được quốc thái dân an, trở nên thịnh vượng và hùng mạnh.



Tình gửi hương xuân

Đào chớm, vàng mai, liễu phát phơ
Cung đàn lã lướt khúc quyên chờ
Hương xuân một thuở đàn hồn mộng
Chiếc én nữa vời dệt bóng mơ
Non nước ai cùng trong cuộc hội
Tình quê người góp giữa mùa thơ
Hai năm ba lẽ trời xuân đó...
Chung cuộc về đây gở mối tơ



Tơ lòng rối rắm suốt năm canh
Chinh chiến mờ hoen mắt thị thành.
Liều úa ngày tàn ghi giấy thắm
Cúc gầy đẽm lụa nhớ rừng xanh
Ai đi buổi ấy cầu chênh nhịp
Ta nhớ chiều xưa lệ rũ mảnh
Mòn mỗi đèn khuya in dấu chiếc
Trường hoa lay động, bóng trắng thanh



Thanh bình ai đợi với ai trông
Suốt dải sông xanh ngấn lệ nồng

Bến củ cảm hoài thơ tổng biệt
Thuyền xưa khái niệm nhạc hồi dương
Trắng cài lòng nước soi mây bạc
Sao ngự đầu non tỏa ánh hồng
Trời đất nghe chừng con quốc gọi
Đầy đoàn chim trắng ngậm cành bông



Bóng gì người ước buổi còn thơ
Có phải Hương dương đã đợi chờ
Thì nhớ dặn dò nơi bến vắng
Đùng quên hứa hẹn dưới sương mờ
Một khung trời lộng duyên bèo nước
Nửa mảnh trăng nghiêng kiếp hải hồ
Hợp mặt, chia tay, nào xá kẻ
Hương dương hoa nở ngập đường mơ



Mơ ước bao ngày đón bóng ai
Rừng thương điển nhớ muối sương cài

Hồn thơ rào rạt nghe tim dậy
Tuổi mộng ngút ngàn động chén say
Ánh mắt thu đặng màu dĩ vãng
Hoa đời xuân đằm mộng tương lai
Vòi trông non nước tin hồng nhậu
Đếm chuỗi thời gian lựu kẻ tay

★ ★
Tay cờ, tay kiếm, buổi xuân nao
Giục giả lên yên khoát chiến bào
Nhạc ngựa reo hò trong gió tuyết
Trống chiến óng ả dưới trăng sao
Hàng hàng gỏ nhịp bêu đầu giặc
Lớp lớp trào dâng đập lũy hào
Tim óc hẳn sâu trang sử đẹp
Thành đô hoa nở ngát muôn màu

★ ★
Màu sắc huy hoàng lộng bóng mây
Lan đình hương tỏa ngút men say
Người đi heo hút nguồn băng giá
Kẻ ở lạnh lùng ngọn gió may
Đàn phách náo nùng gieo máu hương
Non sóng tha thiết đợi vòng tay
Thênh thang trời đất chim khôn đồ
Hoa cỏ tung bừng lệ vẫn cay

★ ★
Cay đắng đoài phen loạn bút nghiên
Quan hoài chim lạc khóc đôi miền
«Trang Sinh mộng ý mê Hồ Điệp

«Thục Đế xu ân thâm hoán đồ quyền»
Chong nền món canh soi thể cuộc
Khơi trầm thức trắng học nhân quyền
Quê hương quẩn quại ai đâu nở...
Rượu sớm trà trưa dưới mái hiên,

★ ★
Hiên thủy chênh vênh tiếng nguyệt cầm
Đông tàn xuân đến thoáng dư âm
Lối xưa ngơ ngẩn tìm chim Bắc
Đường mới băng khung lạc gió Nam
Sự nghiệp khơi dòng ngòi đuốc tuệ
Văn chương tô điểm cánh hoa đàm
Kim cương rực rỡ muôn màu sắc
Suối ngọc rừng đào khoát áo lam

★ ★
Lam sơn thuở trước vẫn còn đây
Tâm huyết hà nào thẹn cỏ cây
Sóng nhạc Trưng Vương lồng cánh gió
Ngọn cờ Nguyễn Huệ hiện đường mây
Song hồ cất chén mừng xuân thắm
Cung kiếm mài trắng ngợp ý say
Tơ tóc đã vương tình đất nước
Má hồng đâu dễ kém tài trai

PHƯƠNG ĐÀI



minh ơi!

Mùa xuân 1969 này,

MỸ, hay NGA,

sẽ

ĐỒ BỘ LÊN TRĂNG ?



MÌNH ƠI

— Minh ơi, người Mỹ nói chắc rằng nội mùa xuân năm 1969 này họ sẽ đồ bộ lên trăng, nhưng em cho là chuyện cuội !

Bà Tú nằm vông cựa hạt dưa, nói thân nhiên. Vẫn một giọng hoài nghi, bà nói tiếp :

— Mặt trăng cao quá xá cò, xa địa cầu hàng mấy trăm ngàn cây số ! Mỹ hay Nga đều có tham vọng lên chiếm trên đó, nhưng khoa học của họ dù có tiến bộ thế mấy cũng chưa chắc họ sẽ đồ bộ được lên trăng... Còn khuya, em mới tin chuyện đó, mình ơi !

Ông Tú ngồi gác cửa, nhìn trời nhìn mây, đang nghĩ những chuyện dẫu dẫu, không chú ý đến những lời của bà Tú. Nhưng bà ấy gọi :

— Minh !

Ông Tú âu yếm quay lại :

— Gì thế, em ?

— Minh đang nhớ cô nào đó ?
Bà Tú cười, ném yêu một hạt dưa vào cánh tay ông Tú. Ông Tú hiền lành ngoan ngoãn :

— Em muốn hỏi gì anh ?

— Minh có tin là Mỹ sẽ thực hiện được cuộc đồ bộ lên trăng trong mùa xuân năm nay không ?

— Có thể.

— Lấy gì làm chắc ?

— Thành công của Apollo 8 hồi tháng 12 vừa qua có thể đảm bảo thành công của Apollo 11.

— Sao lại Apollo 11, hả mình ?

— Theo chương trình của NASA (National Aeronautics and Space Administration — Quốc Gia Phi hành Không gian Cục) của Mỹ đã tiên liệu, thì sau chuyến bay của Apollo 8 sẽ còn hai thí nghiệm bổ túc nữa : Apollo 9 cuối tháng 2 -1969, Apollo 10. cuối tháng 4. Rồi đến Apollo 11 khởi hành vào ngày 25 tháng 5, mới đưa 3 phi hành gia Mỹ đồ bộ

lên trăng. Nếu chuyến bay vừa rồi của Apollo 8 thất bại, thì mơ ước lên trăng bấy còn là nghi vấn. Nhưng Apollo 8 đã hoàn thành nhiệm vụ với 3 phi hành gia Mỹ bay 10 lần trong quỹ đạo vòng quanh mặt trăng, theo đích xác đúng hành trình đã tiên liệu, và đã thành công về vang trong cả chuyến đi và chuyến trở về mặt đất. Như thế thì việc cuối mùa Xuân năm nay lần đầu tiên trong Lịch sử nhân loại 3 người Mỹ sẽ lái phi thuyền Apollo 11 bay lên mặt trăng và đổ bộ trên mặt trăng, rồi trở về mặt đất sẽ là một chuyện thật. Nếu họ thành công được tức là thực hiện được mơ ước và tưởng tượng của con người từ thiên vạn cổ.

Nói riêng về người Mỹ, thì cuộc thực hiện đổ bộ lên trăng trong mùa Xuân hoặc mùa Hè năm nay sẽ là một cố gắng phi thường để theo đúng kỳ hạn ước



mong của họ. Vì ngày 25 tháng 5 năm 1961, Tổng thống Mỹ hồi đó là John F. Kennedy đã long trọng tuyên bố: «Tôi tin rằng quốc gia này sẽ có thể tự nguyện hoàn tất mục phiêu, trước ngày 31.12.1969, cho một người đổ bộ trên mặt trăng, và trở về quả đất bình yên vô sự.»

(I believe this nation should commit itself to achieve the goal, before this decade is out, of landing a man on the moon and returning him safely to earth).

— Hồi ông Kennedy tuyên bố câu đó năm 1961, cách nay 8 năm Mỹ đã bắt đầu thí nghiệm các cuộc bay lên quỹ đạo mặt trăng chưa hạ mình?

— Chưa, trước đó 20 ngày chỉ mới có một cuộc thí nghiệm ngắn ngủi 15 phút 22 giây, trong không gian với phi hành gia Alan B. Shepard trong chiếc hòa tiên không gian Freedom 7. Lúc ấy giờ đã bắt đầu cuộc thi đua

giữa Mỹ và Nga, nhưng Nga đã chạy nhanh hơn. Tháng 10-1957 Nga bỗng nhiên phóng chiếc Spoutnik 1 lần đầu tiên lên quỹ đạo quả đất làm xôn xao dư luận thế giới và Mỹ đau đớn nuốt hận. Với Spoutnik 1 Nga đã chiếm được quán quân về khoa học không gian.

Ngày 1-10-1957 NASA được thành lập chỉ mới có một vài thí nghiệm chậm chạp và dụt dề của Mỹ, trong lúc Nga đang tiến mạnh. Nhưng lời tuyên bố của Tổng thống Kennedy ngày 25-5-1961 mở màn cho cuộc phản ứng mãnh liệt và đột nhiên cuộc thi đua lên không gian chuyển phần thắng lợi về phía Mỹ. Các thí nghiệm của Nga vẫn thành công nhưng không thể sánh kịp với Mỹ. Một loạt kế tiếp những cuộc bay Gemini chứng tỏ các phi hành gia Mỹ ngự trị lâu hơn trong quỹ đạo, bay lên cao hơn và đặc biệt nhất, họ là những người đầu tiên đã hạ

và gặp nhau trên không gian, Thế giới chờ mãi sự đáp ứng của Nga, nhưng không thấy gì. Thất bại của Nga nặng nề và khùng khiếp hơn nữa là phi thuyền Soyuz kiểu mới của Nga, kết liễu cuộc thí nghiệm trên không gian

bằng cái chết bi thảm của phi hành gia Vladimir Komarov, tháng 4-1967 Nga. cố che giấu vụ đó, nhưng cũng bị bại lộ... Tại bà Komarov cứ đòi chính phủ Nga phải trả chông lại cho bà l...

— Ô, chuyện mới xảy ra năm ngoái em coi báo còn nhớ. Hồi đó mình đọc báo ngoại quốc cũng có kể lại cho em nghe. Nhưng hiện giờ người Nga có theo kịp người Mỹ không, mình ?

— Nhà bác học không gian nổi danh nhất của Nga, là Léonide Sedov, trong kỳ hội nghị không gian học quốc tế lần thứ XIX nhóm tại thành phố Newyou, hồi tháng 10-1968, có tuyên bố: «Liên xô không có ý định thi đua lên trăng và không tính đến việc phóng người lên trăng trong một tương lai gần đây». Nhiều dư luận quốc tế cho rằng câu nói đó là một cách lánh mặt trước và Nga đành chịu «phọt phọc» tự



Samuel Phillip, giám đốc chương trình Apollo (bên trái) và Wernher Von Braun, Kỹ sư chế tạo phi thuyền Apollo của Mỹ.

liệu sức không thể nào đuổi theo kịp Mỹ. Nhưng các nhà không gian học Mỹ lại nghi ngờ rằng đó cũng có thể là một thủ đoạn của Nga lừa gạt để ru ngủ Mỹ, rồi biết đâu dùng một cái một ngày nào đó Nga phóng một người hay hai ba người đồ bô lên mặt trăng trước khi người Mỹ chưa kịp khởi hành...

Thì cũng ông Léonide Sedov đó, trong cuộc hội nghị không gian quốc tế mấy năm trước đây cũng đã tuyên bố: «Nga phóng người lên không gian» nhưng vài tháng sau, dùng một cái phi hành gia Gagarine của họ đã thành công vẽ vang một cuộc bay lên quỹ đạo khiến người mỹ chưng hửng! Một bài học cho Mỹ không còn ngờ ngẩn như trẻ con nữa. Và lại cuộc thành công khá quan trọng của phi thuyền Nga Zond 5 hồi cuối tháng 9 -1968 vừa rồi, đã chứng tỏ rằng Nga có đủ kỹ thuật hoàn bị để đem một hỏa tiễn



từ mặt trăng trở về địa cầu.

— Như thế thì Nga cũng chưa hẳn đã bỏ cuộc thi đua lên trăng với Mỹ, hả mình ?

— Hẳn nhiên. Chính Wernher Von Braun, một trí óc chớp bu của Không gian Mỹ, sau khi thấy kết quả của Zond 5, đã tuyên bố: «Tôi tự hỏi chúng ta sẽ thắng được Nga hay không ? Dù sao, đây cũng là cuộc chạy nước rút», (photo finish).

Câu nói sau đây của Von Braun, càng làm phần khởi các phi hành gia Mỹ trong cuộc «thi đua nước rút» lên trăng :

«Pendant des années, et peut-être des générations, on jugera niveau scientifique et technique de deux pays sur le seul résultat. Aprés tout yui se souvient du deuxième homme qui a traversé l'Atlantique ? »

(Trong hàng ngàn năm, và có lẽ hàng ngàn thế hệ sau, người ta sẽ xét về trình độ Khoa học và Kỹ thuật của hai xứ, theo kết quả duy nhất đó, Nghĩ cho kỹ, nào ai nhớ đến người thứ hai đã vượt qua Đại Tây Dương ? Nghĩa là người ta chỉ nhớ đến Lindberg là người Mỹ đầu tiên đã dám lái phi cơ bay một mạch từ Mỹ vượt qua Đại tây dương để đến Paris. Chứ có ai nhớ đến người thứ hai, dù đã thành công như người đầu tiên ? Nếu người Mỹ đã đổ bộ lên trăng trước nhất

thì ngàn năm sau người ta chỉ biết đến trình độ khoa học và kỹ thuật tốt độ của người Mỹ mà thôi. Nga có thành công chậm hơn cũng chỉ là người đến sau, chẳng được danh dự gì. Câu nói của Von Braun diễn tả tất cả những cố gắng của Mỹ quyết thành công về vang trong cuộc đổ bộ đầu tiên lên vùng đất của cô Hằng Nga.., và của chú Cuội.

Bà Tú cười :

— Lỡ «cuội.» thì ê-nhi !

— Cuộc thi «nước rút» chỉ còn mấy tháng nữa thôi. Cả thế giới đều hồi hộp đợi chờ. Nhưng thành công vừa rồi của 3 phi hành gia Mỹ lái phi thuyền Apollo 8 đi gần sát đến mặt trăng, bay 10 vòng trong quỹ đạo chung quanh mặt trăng, rồi ra khỏi quỹ đạo để trở về mặt đất được an toàn, đúng y như chương trình và ngày giờ đã định trước, là một thành công về vang chưa từng có.

— Mục đích của chuyến bay Apollo 8 là gì hả Minh ?

— Là đến sát mặt trăng để xem xét thật tường tận, và chụp hình thật rõ, để nhận định địa điểm đổ bộ (Biển Yên Lặng), và hoàn tất các chi tiết kỹ thuật về sức chịu đựng của phi hành gia đến sát vùng không có không khí của mặt trăng, về cuộc đổ bộ v.v.,...



Chuyến bay Noel 1968 của Apollo 8 (23-27 december) mà

chính những phi hành gia Nga xô cũng đã phải khâm phục vì họ chưa thực hiện được, chứng tỏ rằng người Mỹ sẽ đủ sức đổ bộ trên trăng theo hạn kỳ mà John F Kennedy đã chỉ định ngày 25-5-1961 — hạn kỳ ấy là ngày 31-12-1969 nhưng các nhà bác

học không gian Mỹ và các phi hành gia Mỹ muốn là ngày 25-5-1969 để kỷ niệm bản tuyên ngôn của vị cố Tổng thống đã phát động chương trình Apollo

-- Ba phi hành gia của Apollo 8 là những ai mình nhỉ ?

— Mỹ có hết thảy 52 phi hành gia đã được huấn luyện sẵn sàng để bay lên trăng. 3 người điều khiển phi thuyền Apollo đã được tiếng lu bằng hái dầy quã cảm và nghị lực và rất vui tính Trưởng phi đoàn Frank Borman Đại tá không quân 40 tuổi cao

179 centimetres nặng 73 kí, có vợ, 2 con trai. Ông đã điều khiển phi thuyền Semini 7 bay lâu nhất

(gần 14 ngày) trong quỹ đạo chung quanh quả đất, 4 - 18 tháng 2 - 1965. Đó là một phi vụ có mục đích thí nghiệm sức chịu đựng của con người sống và hoạt động trong điều kiện không có trọng lực, để chuẩn bị cho cuộc đổ bộ trên trăng.

James A. Lowell, Đại úy Hải quân. 40 tuổi. cao 181 cm. nặng 74 kí, có vợ 4 con: 2 trai, 2 gái. Ông đã điều khiển phi thuyền Gemini -12 bay trong 4 ngày tháng 11 - 1966. và cũng là bạn đồng hành của Bor man trong chuyến bay Gemini 7 14 ngày

William A Anders Thiết tá không quân 35 tuổi (trẻ nhất trong ba người) cao 174 cm nặng 65 kí có vợ 5 con. Ông mới làm nhiệm vụ phi hành gia từ năm 1963 và chưa tham gia một chuyến bay không gian nào, Chuyến Apollo 8 là chuyến đầu tiên của ông.

Đây là bức điện tín của 10 phi hành gia nổi tiếng của Nga Xô gửi chào mừng 3 phi hành gia Mỹ, hôm thứ sáu 27-12-1968 :



«Chúng tôi đã theo dõi sát mỗi giai đoạn trong chuyến bay của quý ông và rất thỏa mãn nhận xét kỹ thuật rất chính xác và lòng can đảm của quý ông, nhờ đó mà cuộc

thí nghiệm rất quan trọng này thu được kết quả tuyệt đẹp. Chúng tôi tin rằng cuộc thám hiểm không gian của quý ông sẽ có lợi ích vĩ đại cho loài người. Chúng tôi xin khen tặng quý ông đã thành công một bước lớn đến mục phiêu cao quý. Đây là một viên đá ghi dấu thêm vào con đường tiến bộ khoa học và kỹ thuật của nhân loại. Chúng tôi cũng xin gửi lời mừng các nhà Bác học Mỹ và toàn thể dân tộc Mỹ, về chuyến bay vẻ vang của quý ông.

Ký tên :

Gherman Titov, Andrian Nikolaev, Pavel Popovitch Valegy Bykovsky, Valentina Nicolaeva, (Nữ phi hành gia), Tereshkova Bons Egorov, Konstantin Feoktistov Pavel Belayev, Alexei Leonov, và Geogy Beregovoi.

Ngoài ra, giáo sư không gian học nổi tiếng nhất của Nga, Leonide Sedov chủ tịch hàn lâm viện khoa học Nga Xô đã tuyên bố : « Cuộc thành công của 3 phi hành gia Mỹ trong chuyến bay Apollo 8 mở màn cho cuộc tiến triển văn hóa hoàn cầu. Biển cổ này đã tầm quan trọng lớn lao vô cùng vượt hẳn ra ngoài biên giới một thành công quốc gia».

Tuy nhiên như Werner Von Braun người khai sinh ra phi thuyền không gian Mỹ đã nói cuộc «thi nước rút» lên cung trăng giữa Nga và Mỹ còn hứa hẹn từ nay cho đến 25 tháng 5 1965 nhiều pha hấp dẫn. Thế giới đang chờ xem. Theo như mình «thuyết trình» với em từ này giờ em thấy 8 phần 10 Mỹ thắng cuộc rồi đấy

— Còn 2 phần 10 của Nga biết đâu... giữa què sẽ về trước Hằng chờ xem Walt and see, như người Mỹ nói :

— Em với mình đánh cá nào ?

— Ừ cá gì giờ ?

— 1 triệu cái hôn. Mỗi ngày 100 cái hôn tiếp trong 10,000 ngày

chịu hôn ?

-- Hôn... chịu nhé !

Bà Tú nằm lăn trên võng cười lên hắc, hắc.

ĐIỀU HUYỀN

Rồi Mùa Xuân

★ THANN NHUNG.
California (Mỹ)

Hơi thở ngàn cây nặng nề hấp hối
Mây phương xa chợt dừng bước, cau mày.
Trời toan khóc nên sa sầm bóng tối,
Thoáng nghe gì tan rữa với sương bay.

Nghe thường trực cây rừng khuya hốt
hoảng

Thú dữ nghìn xưa chùng cũng ngại về.
Tha thiết đồng haang mờ màu chim trắng
Một thuở thanh bình hát giọng say mê.

Nghe đàn trẻ nụ cười không dám hé
Mắt lạc loài như cánh bướm lang thang.
Hỏi mười phương đâu màu xanh của Mẹ
Sắc lửa bình bưng dợy những kinh hoàng.

Nghe thiếu nữ đi vào đời hối hả
Nắng hôm nay không biết đến ngày mai.
Nên hạnh phúc dấu mang hình xa lạ
Cũng vội vàng ôm trong tiếng thở dài.

Nghe cảm lạnh những hồn trai đay nghiến ;
Thành phố êm đêm bông mọc gươm đao ;
Huynh đệ tang thương, quân cờ di chuyển
Hồn nước non thôi tìm ở phương nào ?

Nghe từ mầu đêm nhìn đèn tâm sự,
Hai tay gầy và mắt lệ xin ơn :
Cho hơi ấm của mùa xuân ấp ủ
Tình thương yêu xoa những mối căm hờn.

Những mùa xuân theo những mùa xuân
đó.

Mà điều linh như làm nắng phai màu
Mà tang tóc nghe trong từng nhịp thở
Ai bảo xuâu về xoa hết thương đau ?

Thôi đừng đợi thời gian nhòa cảm phần !
Ai nghe không trời đất ừ ề hoài ?
Xin cho nắng về thay màu lửa trận
Cho gió hương tràn nhịp thở khoan thai.

Rồi mùa xuân sẽ mang về tất cả :
Cỏ màu xanh và mây cũng xanh hiền,
Gió mơn man và vàng dương thật lạ
Những tiếng cười xây nhạc khúc triển
miên

4.000 NĂM TRƯỚC ĐÂY

Xuân Thiên Văn

• • • • • Võ quang Yến (Parir)

Trong lúc tôi đang bắt đầu cầm bút viết bài này ở Palaiseau đề gởi về Saigon đăng vào Xuân Phổ Thông thì ở trên trời Mỹ, tiếng đấm thụt lúi cụng bắt đầu vang dậy hứa hẹn một chuyến bay vĩ đại lên cũng Quảng của ba phi hành gia Hoa Kỳ. Con người lúc này hơn lúc nào hết muốn vượt ra khỏi quả đất để đi xem vũ trụ xa xăm. Nhờ tiến triển kỹ thuật, con người hy vọng nay mai thành công trong những cuộc viễn du hằng ước từ thuở nào,

Mà từ thuở nào nhi, con người đã muốn rời quả đất cho người đã hằng mỗi mắt ngược nhìn không gian tìm

tôi, kiếm hiểu? Một trăm năm hai trăm năm? Một ngàn năm Trong những chuyện cổ tích từ thuở xưa kia để lại, ông cha ta ta đã kể nhiều, về trăng về sao nhưng chuyện cổ tích đâu có đề ngày điếm tháng để ta biết? Mà chuyện cổ tích có thể chỉ là những mơ ước viễn vông không xây dựng trên những thực tế cụ thể. Thì đây một vài khám phá trong ngành khảo cổ học đã lại giúp ta đánh dấu những mong muốn kia đặt, ngày tháng cho những mơ ước thiên văn của một mùa xuân xa xăm trước,

★ Stonehenge và Hawkns.

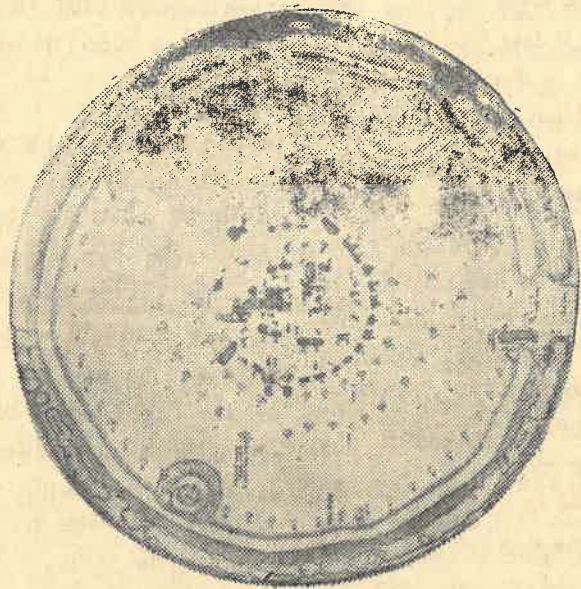
Dấu vết đã làm mòn vết

hao mực nhiều nhất có lẽ là các mảnh đá ở Stonehenge bên Anh, Những mảnh đá này sắp thành những vòng tròn đồng tâm ở giữa đặt ngồn ngannhiều viên khác. Khách du lịch thường hay lại đây xem mặt trời mọc: đứng ở chính giữa thì thấy mặt trời từ từ nhô ra khỏi một mảnh đá ở cửa ra vào, hướng đông bắc. Một hôm tháng sáu năm 1961 một nhà thiên văn ở Boston, giáo sư Hawkins và phu nhân cũng lại xem mặt trời mọc. Nhưng con mắt nhà thiên văn thật khác con mắt người phàm nên ông đã thấy nhiều điều kỳ lạ. Về đền nhà ông lập tức bắt đầu gạch vẽ tìm kiếm. Trên bản họa đồ ông học hỏi vị trí những mảnh đá độ dài hồ chia cách gạch nối từ mảnh này qua mảnh khác. Rồi đem xa ra tận chân trời, ông tìm được những điếm có ý nghĩa thiên văn chẳng hạn những chỗ mặt

trời mọc, lặn vào lúc hạ chí đông chí (solstice) hay những chỗ mặt trăng mọc, lặn, những hôm gần các chí ấy Không muốn giữ riêng cho mình khám phá này, năm 1963, ông viết 1 bài trong tờ báo khoa học Nature bên Anh, Có máy tính điện tử giúp sức ông quả quyết cách sắp đặt các mảnh đá ấy không phải do tình cờ mà là có tính cách thiên văn vào khoảng 1500 năm trước dương lịch.

Bài báo này chỉ là bài đầu tiên của một loạt bài khác với nhiều giả thuyết phát giác mới như những ngẫu hợp lúc mặt trời mọc, lặn, với lúc trăng tròn vào thời kỳ phân điềm (équinoxe) Nhân có đọc một bài của nhà văn Hy Lạp Diodore bảo một ngôi miếu đã được dựng lên ở đảo Hyperboréen để tiếp sứ Trời mỗi một 19 năm, ông không ngần ngại đối chiếu và cho đảo ấy có thể là nước Anh.

Một nhà thiên văn học Hy Lạp ở thế kỷ thứ năm. Meton, lại đã tìm ra 19 năm mặt trời tương ứng với 235 tuần trăng. Giáo sư Hawkins lần tính tiếp: chu kỳ nguyệt thực là 18, 61 năm, tức là gần 19 năm. Đáng khác những hồ chia cách mảnh đá đặt thành vòng tròn ở Stonehenge là 56 nghĩa là ba lần 19 hay 18, 61 x 3 bằng 55,83 ông khẳng định: các



hố kia đã cụ thể hóa chu kỳ các năm và nguyệt thực. Rồi đi đến

khác tên tuổi vang lừng hơn, giáo sư Hayle ở Viện đại học Cambridge lên tiếng ủng hộ ông cũng đã bỏ cộng đo lường nối gạch những mảnh đá với nhau. Tuy không hoàn toàn đồng ý với giáo sư Hawkin, ông cũng chịu nhận những mảnh đá kia có thể dùng để suy đoán những hiện tượng thiên văn. Theo ông vị trí các mảnh đá không phải là tình cờ vì xác suất tình cờ chỉ đạt đến tỷ số một phần ngàn mà thôi. Như vậy, giả thuyết của Hawkins hết còn bị cho là chủ quan.

Về khả năng có thể dùng để tính trước nguyệt thực, Hoyle đồng ý với Hawkins nhưng lại đề nghị phải dùng một phương pháp khác. Theo ông phương pháp đối chỗ các mảnh đá của Hawkins không thể áp dụng được. Có thể xem vòng tròn các mảnh đá và các hố như một cái thước đo góc và với nhiều phép tính phức tạp người ta có thể đạt đến

đích. Như vậy nghĩa là những nhà «thiên văn học» thiết lập Sonhen phải là những toán gia đại tài như Newton hay Einstein...

Nhưng những giả thuyết của hai giáo sư Hawkins và Hoyle như tưởng không được chính xác. Một chuyên gia thứ ba, giáo sư Atkinson người giữ trách nhiệm cuộc đào bới ở Stonehenge chỉ trích mãnh liệt Theo ông hai giáo sư Hawkins và Hoyle đã dựa trên nhiều sai lầm để thiết lập các giả thuyết. Thật vậy Hawkins và Hoyle đã lẫn lộn những phần chỉ trích xây dựng theo năm thời kỳ khác nhau: những mảnh đá đầu tiên đã được dựng lên 2200 năm trước dương lịch những mảnh ở đợt thứ ba được đem lại khoảng 1600-1500 năm trước dương lịch. Nếu những hố đã được đào ra cùng lúc với những mảnh đá đầu tiên được mang lại, chính ở đợt thứ ba này mà những kiến trúc quan trọng nhất đã được

xây dựng. Ngoài ra nếu đem xếp dịch vài mảnh đá khoảng 3-4 thước, giả thuyết vẫn còn áp dụng được, như vậy hết còn tính chất chính xác. Giáo sư Hoyle cũng vì khảo cứu trên những họa đồ của Hawkins nên cũng cùng bị chỉ trích. Người ta chỉ trích ông đã vội cho những «nhà thiên văn» Stoneenge là những nhà toán học kỳ tài.

Mọi sự phải trở lại từ đầu...

Nozca và Uaxactun.

Nhưng Stonehenge không phải là di tích kỳ lạ độc nhất mà hiện các nhà khảo cứu chưa dám thủng được bức màn bí mật bao quanh. Ở bên xứ Pê-ru chẳng hạn, về phía Nam, trong lãnh vực sông Nazca, nhiều đường vẽ khó hiểu đã được tìm ra. Người ở cạnh chẳng thấy gì nhưng dùng máy bay lượn ở trên không thì bao quát thấy được hằng trăm

hàng ngàn đường vẽ cạnh nhau cắt nhau những cái ngắn ít nhất cũng 500 thước, những cái dài có khi vượt quá 8 cây số. Những người vẽ các đường này đã đào đất vút đi một bên rồi tạc vào hốc đá ở phía dưới. Mỗi xem thấy như hỗn độn, nhưng nhìn kỹ thì thấy nhiều đường chạy lại một trung tâm, nhiều đường cắt nhau thành hình tam giác hay hình thang, có khi vẽ thành hình chim, cá. Nếu không nói đến một hệ thống kiểu này nhưng nhỏ hơn nằm ở phía Bắc, trong thung lũng Vĩ ru di tích Nazca là độc nhất trên thế giới.

Từ bao lâu rồi những đường này đã được vẽ ra? Những hình chim, cá tương tự những mẫu của thời đại văn minh Nazca, nghĩa là khoảng thế kỷ thứ 5. Câu hỏi thứ nhì khó trả lời hơn: để làm gì? Ý nghĩ đầu tiên là mục đích thiên văn. Giả thuyết được nhiều người chấp nhận nhất là những đường

gạch vẽ ấy dùng để khảo sát những tinh tú khi mọc, khi lặn. Thế nào cũng có những liên quan giữa một số đường vẽ với những ngôi sao. Tuy nhiên giả thuyết không giải nghĩa được các hình vẽ chim, cá:

Đề gộp thêm dần chứng vào ý nghĩ thiên văn kia, người ta đã tìm ra được một vài thủ bản xưa ở Mec-xit, Trong những bản này, người ta thường vẽ một người ngồi chồm như để xem xét một tinh tú ở chân trời. Trong địa hạt Maya, nhiều di tích còn chứng minh cuộc xem xét này như ở Uaxactun, một kim tự tháp xây mặt về phía mặt trời: trước kim tự tháp có một ngôi miếu mà trung tâm hướng về phía mặt trời mọc và thời kỳ phân điểm còn những góc thì hướng về phía mặt trời mọc những lúc hạ chí và đông chí: Ở Chichen Itza thì cả một cái tháp tròn nay đổ vỡ nhưng đã tỏ ra là một đài thiên văn,

Mà đây chỉ là những di tích ở Nam Mỹ. Nếu vượt trùng dương qua Ai cập, Babylonie thì những di tích thiên văn còn vô số: những bình vẽ trong các đền đài chùa, miếu, không phải chỉ có một ý nghĩa đạo giáo mà còn là một cuộc định hướng rõ ràng. Như vậy thì bảo Stonehenge hay Gazca có tính cách thiên văn cũng chẳng có gì quá đáng.

Âu và Á.

Ngang đây ta lại hỏi vì sao người xưa muốn học thiên văn nhìn xem tinh tú mọc lặn? Thật ra khi đến, khi đi, khi di chuyển theo chân trời, các tinh tú đã điều hòa cuộc sống trên mặt đất. Ngày, tháng, mùa, năm, theo dõi những chuyển động của mặt trăng mặt trời. Vậy khảo sát các thiên thể, phải chăng đã đề thiết lập cuốn lịch chính thức. Đến nay người ta nhận thấy bất cứ nền văn minh hễ có biết viết là có đề lại ít nhất cũng một cuốn lịch có khi thật lạ lùng.

Người Maya chẳng hạn trước dương lịch đã định năm (mặt trời là 365 ngày và sao kim là 354 ngày) Nhiều giấy tờ xưa để lại đã nói lên những cuộc tế lễ hằng 8 năm hay 104 năm mà ta lại biết 8 hay 204 năm mặt trời tương ứng với 5 và 65 cho kỳ sao kim Người Ai cập cũng có cuốn lịch 365 ngày nhưng có vấn đề số lẻ nên cứ 20 năm thì lịch chạy đi một tháng và phải đợi 456 năm lịch mới trở lại đúng Những nhà thiên văn học Bapylone thì vừa ngắm trăng vừa theo dõi mặt trời Họ muốn lập liên quan giữa chu kỳ của hai thiên thể to lớn nhất đối với ta Nhưng làm lịch theo trăng (mỗi tháng 29, 30 ngày) thì mỗi năm chỉ

có 354 ngày cho nên thỉnh thoảng phải có một năm 13 tháng để bù. Lịch Tàu, lịch Ấn Độ lịch ta với năm nhuận cũng đều cùng duyên cớ.

Như vậy thì các «đài thiên văn» thuở xưa thật để lập liên giữa các tinh tú và quả đất. Những «nhà thiên văn học» có nhiệm vụ luôn tìm kiếm, suy đoán những liên quan ấy để xác định những cuộc tế lễ vì trật tự ở thế giới này đều do đấy mà được thiết lập và giữ gìn.

Lịch Maya chẳng hạn chỉ có mục đích độc nhất là để định những kỳ tế lễ. Người Babylonie thì cho liên quan giữa Trời và Đất còn quan trọng hơn, Đối

với họ, tinh tú là phản ảnh quả đất. Trong vũ trụ; mỗi một địa hạt của quả đất đều được lặp lại cũng như thành phố Babylone hay con sông Euphrate. Thì ra ngắm trăng, nhìn sao, theo dõi mặt trời người xưa chỉ muốn định mùa, định những cuộc tế lễ Cho nên Tết của ta nếu nhiều khi không nhằm đúng lúc đông qua xuân lại thì chẳng có gì là lạ. Cái dang biết là cách đây lâu lắm

đã có người nhìn trăng, ngắm sao. Nếu họ không có những mơ ước rõ ràng đi viễn du ra vũ trụ thì họ cũng đã tỏ ra muốn tìm liên quan giữa các tinh tú và quả đất ta. Ngày nay trước lúc những liên quan ấy sắp được cụ thể hóa với những cuộc đổ bộ lên cung trăng, sao Hỏa, những mơ ước kia mặc sức tuôn dòng.

Võ quang Yến



Dùng Midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1586/EX/500C

Hồng sơn vạn lý vọng vân
phi.
Ngó gia hữu giáo căn trung
hiếu
Khách địa vô tâm oán biệt
ly
Giác tiết chi nhân hành
lạc xứ.
Ngã phùng giai tiết bất
thăng bì

Đoàn Trinh—Nhất dịch :

Tiếng oanh non nỉ sân ngoài;
Tin xuân về đó mà người
ở đâu?
Nghìn thu một tấm cô sầu
Non Hồng núi ngự mây đầu
xa xa.

Hiếu trung là nếp nhà ta
Biệt ly đất khách oán mà
làm chi,
Tiết vui ai cũng vui vầy
Mà ta riêng nỗi sầu bi một
minh.

Xuân đến ôg vẫn còn dẫn thân
nơi rừng núi, chỉ vì nặng nợ quốc
gia, đem lòng trung báo quốc

chống xâm lăng. Mùa xuân của
dân tộc còn chưa thấy, thì tiết
xuân của trời đất chỉ thêm khiến
Ông áo nào «nghìn thu một tấm cô
sầu» ! Tâm trạng của Phan đình
Phùng cũng là tâm trạng của những
người thương nỗi sốt giống, tha
thiết với sự sống còn của dân tộc.
Rồi phong trào Cần Vương dần
dần lụn bại, vì kẻ cướp dùng
bạo lực đàn áp. Thất bại về
quân sự những người yêu nước
xoay về mặt chính trị. Giai đoạn
vận động duy tân phát khởi từ
đầu thế kỷ hai mươi, nâng cao
tinh thần dân tộc thúc đẩy sĩ phu
bừng tỉnh trước trào lưu văn minh
cơ khí vùng dậy đề kiến tạo một
vận hội mới cho đất nước. Rất
nhiều chí sĩ đã hy sinh trong
giai đoạn duy tân. Ngục tù côn
đảo chan hòa máu xương chí sĩ.
Đầu tiên bỏ thân nơi côn đảo là
Trương đình Dương Thạc. Trước
khi mất, gặp buổi xuân về Dương
Thạc cảm xúc :

Kiến thuyết tây nhân nguyên
đán khứ
Minh triều hựu thị ngã
minh niên.
Cực tri hải quốc vô tân khí
Bất đạo thiều quang hữu
túc duyên,
Tuế tự tùng đầu khan bất
cải
Gia san hồi thủ cánh tiêu
nhiên.
Mạc ngôn cùng đảo xuân do
trĩ
Nhất tuế đấu công thực chiếm
tiên.
Huỳnhb Thúc Kháng dịch :
Tết đây vừa mới đi qua đó
Năm mới ta mai lại thấy
sang.
Cánh mới có gì nơi hải
đảo
Duyên xưa còn mến với
thiều quang.
Năm theo đường củ xoay
vẫn mãi

Núi khuất nhà xa thốn thức
giương.
Chớ gọi đảo cùng xuân trẻ
nhỏ

Đầu tiên công ấy rước đồng
hoàng

Chí sĩ Dương Thạc đã cảm
ngại đúng . «Chớ gọi đảo cùng
xuân trẻ nhỏ. Đầu tiên công ấy
nước đồng hoàng» Bao giờ
mùa xuân dân tộc bừng rạng trên
đất nước thì toàn dân hẳn phải
ngiênêng mình tưởng niệm bao
chí sĩ đã bỏ mình nơi Côn đảo,
Chính các vị ấy đã vì cái xuân
của dân tộc mà hy sinh.
Sau Dương thạc, phải kể ngay
đến Hồ sĩ Tạo. Mậu Thân 1908,
ông nghề Trần quý Cáp bị kết án
«yêu tằm» (chém ngang lưng) tại
Khánh hòa thì ông nghề Hồ sĩ
Tạo cũng bị bắt giam tại lao
Bình Định, Nhân xuân về, trong
ngục cảm xuân Hồ sĩ Tạo lòng tự
nhủ lòng :

Năm mới ngày xuân cha chả
 vui rồi nghĩ lại vẫn ngùi
 Một thân vổng lọng gông
 Nửa áng xuân thu khổ sướng
 Chơng chơng ngoài tai
 Khăng khăng trong dạ đá
 Từ đây cho đến rồi sau nữa
 Sau nữa ra sao thử để coi.
 Đến như cụ Phan bội Châu
 Nghe nói ngoài hiên xuân
 Non sông sao những chịu ử
 Lạnh lùng gió thổi trời đêm

Vàng trắng man mác mây
 Dưới đèn bối rối mới sầu
 Tiếng gá canh vách tế tế
 Bồng chốc vàng đông sáng
 Khoát áo ra đi dạo bốn bề
 Đạo cùng kẻ chợ lại nhà
 Khóc khổ than sâu nợ với
 Luôn năm thủy hạn trời
 Mấy anh cuộc mưu chù
 Mò bụng không com tay
 Cuộc đấu biến loạn lại chẳng
 Nước miếng khô ráo nước

mây
 mù che
 chia
 te te
 chói loà
 kia
 nghe
 rấp re
 bề
 xe
 nhẹ
 ề
 ề
 mồ
 ề
 mắt the

Bán con lần vợ rao mỗi mẹ
 Làng nam xóm bắc ai cũng
 Bức đồ xã hội còn gì kho
 Duy hữu «khất cái» hai chữ
 Vô tình chi bấy oanh ến
 Hời gió ngậm trăng hời ngán
 Mặt nước sông Hương Sông
 Bèo trôi như đống cỏ như
 Đông ba gia hội ngựa liền
 Đụng đầu chết đó mau tránh
 Trời ơi! há lẽ trời đang puè
 Thấy dân cùng khổ ông ngồi
 Dân tôi há phải loại trâu dê
 Cổ xanh nước bạc no ruột
 Xuân ơi! Xuân sao quá
 Xui người xác vỏ lại mình ve
 Trước mặt thân xuân tôi
 Dưới mặt cụ Phan bội Châu
 bức tranh xã hội trong thời cụ

đã sống, thâm nào đau thương
 đến thế. Cho nên đau lòng quá
 cụ phải buộc miệng thốt lời trước
 mặt thân xuân tôi quyết thề...
 «Lời thề của cụ, và cũng là lời
 thề của tất cả chí sĩ, dù không
 nói rõ ra, tất quốc dân đồng bào
 thông hiểu: Ấy là lời thề tận
 tụy, hy sinh, gắng tạo một mùa
 xuân thật xuân cho tổ quốc.
 Chí sĩ vì xuân mà đau khổ,
 Những vần thơ xuân của chí sĩ
 đã là đáng cảm, mà đáng ngậm
 ngùi hơn nữa là cái chết của chí
 sĩ đúng vào ngày thiêng liêng mới
 cũ giao thừa, đông tàn xuân tới:
 Cụ tiêu là Nguyễn thành bỏ mình
 nơi Côn đảo ngày 30 tháng chạp
 năm tân hợi 1911. Cụ Phác
 đình Nguyễn thân Hiến mất
 ngày mùng 1 Tết năm giáp dần
 1914..
 Xuân tạo vật lại về đây. Xin
 đốt nén hương lòng tưởng niệm
 anh linh chư vị chí sĩ đã đau khổ
 vì xuân, chết trong xuân. Bao giờ
 nòi Việt được thật sự mừng
 Xuân?

★ Nguyễn bá y Thề

Ngày xuân tự thuật

— I —

Tờ nay sáu sáu kẻ hành canh
Rửa cũng chen vai hạng lão thành
Có học khôn ăn qua số mệnh
Không tài đành phụ với công danh
An nhàn ước mãi miền tùng cúc
Ảnh hưởng ngờ đâu nạn chiến tranh
Nợ nước ơn nhà chưa chút trả
Già rồi lại tiếc thuở đầu xanh

— II —

Cũng bày lồng Cự với mình Tân
Tự thuật mà chơi gọi mấy vần
Thực phẩm qua loa bà đón Tết
Thi đề lếu láo tờ mừng xuân
Tai qua nạn khỏi may còn lại
Tuổi chất năm thêm cứ đến dần
Thấp nèn hương cầu Trời, khấn Phật
Hòa bình Tổ Quốc, phúc toàn dân

Bích Hồ
(Huế)

Chiến tranh đã CƯỚP BÀN TAY NÀNG

Mỗi khi ánh nắng chiều vừa tắt, sương mù bắt đầu phủ xuống đóm cái lảnh lạch của núi rừng vào đêm tối, trên mình khoác chiếc áo dạ, tôi đi ngang biệt thự xinh xắn vây quanh bởi rào hoa tường vi và đứng lại bên cánh cửa sổ kính đang hắt ra ngoài một vùng ánh sáng xanh mờ dịu. Bên trong, cánh cửa một người con gái đang kẹp chiếc vĩ cầm bên vai và say mê đưa những ngón tay thon dài, uyển chuyển lướt trên phím đàn. Chiều nào tôi chỉ nghe nàng đánh liên tiếp những bản nhạc của Mozart Chopin Beethoven đôi khi những bản nhạc của Đoàn Chuẩn, Trịnh thế Phong... tôi không nghe nàng đánh nhạc mới bao giờ, Tiếng đàn khi thì vương lên cao vút chơi vơi và lơ lửng như một thứ mây mỏng manh của mùa thu trên khung trời êm ả: khi thì xuống thấp nghe tâm tư rúng động xót xa và bàng hoàng như nỗi cô đơn lạc lõng khi thì kéo dài lê thê như một hình bóng cô đơn ngã dài trên mặt đường khuya vắng: khi thì dồn dập như tiếng vó ngựa vút nhanh qua khung cửa để rồi mất hút biệt ngàn. Và tiếng đàn cứ đưa tôi vào thế giới của mộng ảo đầy sắc màu lung linh, như lạc lõng ra chốn trời xanh mây trắng có cung vàng điện ngọc nguy nga. Càng ngày những âm thanh buồn bã của nàng làm tôi càng thêm ngây dại. Nhiều bữa tôi đứng hàng giờ ngoài sương lạnh, thọc hai tay vào túi chiếc áo choàng nghe nàng thổi bản Tristesse với dáng điệu trầm lặng và khoan thai như cung điệu của nàng công chúa trong điện ngọc. Con đường dốc mờ dần trong ánh đèn phôi lạnh với làn sương, thu

minh trong đêm để nghe dư âm của hơi đàn còn phảng phất đâu đây. Cái ảo tưởng do âm thanh tạo nên làm tôi ngây ngất như vừa uống ly rượu mạnh và như rơi vào vùng thần tiên, ảo mộng

Lâu lắm rồi, từ ngày bỏ cuộc đời học sinh để khoác bộ đồ trận tôi phải nghẹn ngào khi đi qua những đô thị buồn thiu những àng thôn xơ xác tiều điều. Tôi chưa hề nắm được hương vị nồng hậu mang hơi ấm của một tình thương — dù là một tình thương thoáng qua. Tôi ghét cay đắng cái thứ xã giao máy móc như một thứ lừa manh, đều đặn. Người với người đối mặt nhau qua một thứ giao tế gượng ép nhạt nhẽo. Đó là một thứ tình cộc lốc mang nhiều máu lửa sắt đá và hận thù. Chưa bao giờ tôi nếm vị ngọt của một thứ tình cảm bằng khuôn êm đềm như thuở còn đuổi bướm, hái hoa thuở còn yêu con diều giấy nhón nhơ

bay lượn trên khung trời xanh thẳm bên dưới rặng tre già êm đềm lá ngọn trong gió chiều heo may. Những tình cảm ấy qua đi như một giấc mộng. Để rồi trải qua những chuyến đi với súng đạn, với hận thù, con tim tôi như trở thành chai đá. Không còn một cái gì có thể khơi lại trong tôi một thứ tình cảm nồng nhiệt mang dư vị của sự đắm ấm diệu hiền. Cuộc sống chết chóc đang đi vào giai đoạn mà tình cảm con người bị đắm chìm dưới những giọt nước mắt khổ đau. Những gia đình tan nát những thảm cảnh và nham nhở của xã hội đã cấu tạo tôi thành một người lạnh nhạt đến tàn nhẫn. Nhiều khi tôi cũng bàng hoàng trước một sắc đẹp, một nụ cười, nhưng rồi chợt cay đắng xót xa vì đó chỉ là một sắc đẹp trần trụi, một nụ cười dâm dăng.

Tình cảm chân thật mất hẳn trong tôi từ bấy lâu nay, bây giờ nó trôi dạt và nung nấu lại con

tim gần như khô cạn. Không phải tôi yêu nàng, vì nàng đẹp hay sang trọng nét na. Tôi rung động vì nàng hiện ra giữa khung cảnh êm như ru, đẹp như mơ thắm kín như một tu viện ngủ đưa chiều sương lãng đãng. Nàng xuất hiện như một tiên nữ giáng trần, giữa bầu trời khí ngập trời.

Tôi chưa từng thấy trong quang đời chiến trận một hình ảnh đẹp để thanh nhã và hiền dịu như hình ảnh của nàng. Đó đây, tôi chỉ thấy những khuôn mặt phờ phạc, hốc hác, những con người nham nhở, lưu manh hiền hiền như thế giới của âm ty, địa ngục.

Tôi mang hình ảnh của nàng mãi cho đến một chiều bất chợt, tôi gặp nàng đứng bên rào hoa, tôi gật đầu chào và nàng đáp lễ bằng nụ cười. Thì ra nàng cũng đã âm thầm chú ý đến tôi và cũng mong chờ có dịp làm quen. Từ buổi gặp gỡ ấy, tôi bắt đầu quen nàng và không nghe đàn ngoài sương lạnh nữa.

Nàng có đôi mắt buồn như

nước hồ thu, mơ màng và sâu dịu vội. Đôi mắt nàng là cả một trời tiếc thương. Thật vậy, cuộc đời nàng là một sự lẻ loi và buồn bã. Cha nàng ngày xưa là một nhạc sĩ vĩ cầm. Người đã yêu một người đàn bà khác mà gia đình không chấp nhận. Và cuộc hôn nhân ngang trái đã khiến cho mẹ nàng âm thầm khổ đau. Cha nàng thì làm li, suốt ngày không nói năng, chỉ ôm đọc chiếc đàn làm bạn tri kỷ. Và

những âm thanh diu dặt ấy đã thu hút tâm hồn của nàng ngay từ lúc thơ dại. Cho đến khi cha nàng chết, người trở lại mẹ nàng là phải cho con học nhạc. Mặc dầu mẹ nàng không thích vì cho rằng con gái học đàn là sẽ mang đến cho cuộc đời của nó sau này nhiều nỗi bất hạnh. Nhưng nàng lại muốn học nhạc. Và cũng vì nàng là đứa con độc nhất của mỗi tình ngang trái nên mẹ nàng cũng đành chịu lòng. Người chết cho nàng nối nghiệp cha. Nàng thường nói nàng yêu mẹ vô cùng, vì mẹ nàng dám bỏ những dư luận khắc nghiệt, bỏ cả cuộc đời của mình để cho con

theo học nhạc. Và từ đấy, nàng chỉ sống độc với chính mình, với tiếng đàn hiu quạnh, trong ngôi biệt thự vắng lặng, trống trải và buồn thiu. Mẹ nàng thường lo làm ăn nên nàng phải sống đơn độc với bà vú già. Đời nàng chưa biết đắng cay, chiến tranh, chết chóc và đau khổ. Nàng chỉ biết có một nỗi buồn hiu quạnh và lẻ loi.

Tôi đến với nàng, với những bước chân âm thầm và cô đơn giống như đôi mắt buồn thu của nàng. Hai tâm hồn sâu nào phút chốc cảm thấy nỗi cô đơn mất dần đi và một niềm vui trong lành chợt đến.

Mỗi chiều đến nhà nàng, nghe vài bản nhạc, vài câu chuyện vu vơ, rồi nàng tiễn tôi về với đôi mắt buồn uơn ướt. Nàng e thẹn chào tôi, trở vào nhà khép cửa lại. Tôi lặng lẽ đứng nhìn làn ánh sáng xanh nhạt nhỏ dần và khuất hẳn sau tấm màn xanh rung động.

Trong những chặp đời đã qua, tôi chưa tìm được một đối tượng để cho con tim rung động. Tôi chưa từng hưởng được những giờ phút say đắm: Một ước mơ nhỏ bé: một căn nhà — một ngọn đèn sum họp — một bàn cơm nghi ngút khói — nhưng không bao giờ thành tựu vì nó càng ngày càng quá xa tầm tay của tôi. Tôi chưa dám nghĩ là tôi sẽ sum họp với nàng trong một khung cảnh hạnh phúc, vì sợ cái hạnh phúc mong manh ấy sẽ tan biến đi. Cái hôn mê của một kẻ say nghe đàn chỉ dám mong sao tiếng đàn đừng dứt, vì nếu âm thanh bật tiếng thì tôi sẽ tỉnh dậy trong cái thực tại bi thảm và tàn nhẫn.

Tôi biết sẽ chẳng còn bao lâu nữa tôi sẽ rời miền cao nguyên và tôi phải xa nàng — xa tiếng đàn — xa tình yêu và xa hạnh phúc. Tôi chưa dám nghĩ đến giờ phút chia tay ấy. Nàng đã nhiều lần hỏi đến

đời của tôi nhưng, tôi chỉ trả lời ờ ờ và cố giấu cuộc đời thật tại. Tôi không dám nói sự thật vì sợ nàng sẽ nhìn tôi qua một con mắt khác, con mắt của nghi ngờ và sợ hãi. Tôi không muốn nàng phải bận tâm nhiều về cuộc sống của xã hội man dã này. Tôi thường khuyên nàng đừng buồn nhiều về sự cô độc vì chính cuộc sống này sẽ giúp nàng dễ nghĩ đến cái nghĩa lý của cuộc đời. Tôi muốn thầy nàng có những ước mơ thật đẹp thật thần tiên.

Thế giới của nàng phải là thế giới của nhạc điệu du dương, âm thanh tỏa ngát một vùng trời hư ảo chập chờn.

Tôi đã yêu nàng, nhưng không phải một thứ tình yêu xác thật như với những người con gái mà tôi đã đi qua. Tôi yêu nàng như yêu một bông hoa đẹp mọc nơi thanh nghiêm, trầm lặng. Tôi quý nàng như quý một

bảo vật ngọc ngà, không dám sờ mó đến vì dễ taa vỡ. Nàng như giọt sương ban mai lóng lánh trên cành hoa và sẽ tan biến đi khi ánh mặt trời chiếu xuống. Tôi đến với nàng để nghe ở nàng những âm thanh của tiếng hát thiên thần, để nhìn nàng như một bóng mát diễm kiều tươi mát.

Tôi biết tôi mang nhiều ảo mộng để đi vào tình yêu của nàng nhưng vẫn cố tìm nơi đây một chặp nghĩ cho cuộc hành trình đã quá nhiều gian khổ và khô cằn.

Còn đến những ngày bắt đầu lạnh mọi người co ro trong chiếc áo lạnh xám màu. Thành phố trở nên rét buốt trên những đồi thông xanh muôn thuở. Chính giữa lúc trời trở mùa này, tôi phải rời khỏi thành phố mà tôi đã mang nhiều kỷ niệm nhiều tình cảm sâu đậm để đến giữa miền có nhiều cơn gió lốc và nghe tiếng

bảo dật trong lòng nỗi cơ hàn buốt xé. Đã ra đi nhiều, nên ít khi tôi nhớ nhung và luyến tiếc cái gì xưa cũ. Nhưng chuyển đi này tôi mang trọn vẹn hình ảnh của nàng vào tận đáy hồn sâu kín. Tiếng nhạc buồn còn phảng phất đâu đây một âm hưởng chia ly buồn thảm. Chỉ mới đi có vài tuần mà tôi thấy như một thế kỷ cách xa biệt ngàn. Tôi hy vọng mùa xuân sắp đến tôi sẽ về thăm nàng, sẽ kể cho nàng nghe nỗi nhớ nhung của tôi... Tôi hy vọng, tôi ước mơ và bắt đầu dệt mộng tương lai. Những ngày ở gần nàng tôi không dám tượng nhiều vì sợ sẽ vỡ mộng. Nhưng khi xa nàng tôi lại mang nhiều tin tưởng nơi tình yêu. Tôi không cho rằng đó là ảo mộng đó là xây lâu đài trên bãi cát. Tôi vẽ lên một chân trời sáng lạn, có muôn tiếng nhạc bưng trời, có vạn cánh hoa phôi sắc tỏa hương để đón chân hạnh phúc tình yêu của tôi,

Tôi đắm vương vấn một âm thanh róc rạc, nhẹ nhàng và xa vắng của cây vĩ cầm. Mọi âm thanh khác, tôi thấy sao nghèo nàn, và khô khan và không thể làm tôi rung động được. Nhiều đêm, chợt thức giấc bởi một khúc nhạc cò diều tây phương nào đó, tôi bàng hoàng nhớ lại một hình bóng một âm thanh đã đi sâu vào ký ức. Hình ảnh nàng quá đẹp; đẹp như hoa mộng của hy vọng và của tương lai. Những ngày hành quân, những đêm mưa bão, những buổi lang thang đều mang trong tâm tưởng tôi, một ngày mai sum họp. Bỏ đi những ảo tưởng ngày xưa, bây giờ tôi mang nhiều hình ảnh, nhiều cảm nghĩ, nhiều tâm tình đi vào tình yêu nàng với những cái nhìn xác thực hơn. Ngày mới từ giả nàng, tôi chỉ tưởng thế là xong một cuộc gặp gỡ nhiều cảm tình êm đẹp. Nay thì không phải chỉ giản dị có thể, Hình ảnh của nàng

đã làm cho tôi nhiều khi phải lên cơn sốt và bỏ phò trong nỗi thương nhớ triền miên.

Rồi mùa xuân cũng đến tôi trở lại đô thị nhiều kỳ niệm. Nhưng tôi về giữa tiếng súng thay tiếng pháo, giữa lửa đạn thay khói hương. Lửa bốc tận trời, mây thành máu đỏ máu loang, trên đời thông. Tôi bước đau thương vào đô thị tan nát và vô vàn lo lắng cho thân phận người thương. Nhưng sự lo lắng không lâu, Trước mắt tôi, ngôi nhà ấm cúng bé nhỏ của nàng nay chỉ còn là những đồng gạch vụn nằm tro vơ lạnh lụi. Sự thật phũ phàng đến với tôi một cách quá bất ngờ khiến tôi như điên dại... Chiến tranh đã làm mọi sự đổi khác. Ngay cả tôi — tôi cũng đổi khác. Đổi khác vì tôi cũng như nàng cũng như những kẻ khốn nạn khác ở trong cái đất nước khốn nạn này đều phải dẫn thân vào cái chết chóc khốn nạn.

Hồi mới chia tay, tôi có linh tính cuộc chia tay này là vĩnh viễn. Nhưng tôi cứ gờ gờ ra đi sẽ gặp nhiều tai họa. Nay linh tính

thành sự thật, nhưng kẻ bất hạnh lại chính là nàng — một bất hạnh to tát hơn tôi nghĩ. Bà vú già mà tôi gặp sau đó cho biết nàng còn sống, nhưng lại mất một bàn tay bàn tay dịu mềm dịu luyện để vuốt phím đàn. Tôi được biết trước khi thảm kịch xảy ra, nàng vẫn thường nhắc đến tôi với những lời triu mến thiết tha. Giờ đây, nàng không muốn cho tôi gặp mặt, không muốn cho tôi nhìn thấy cái hình hài không còn nguyên vẹn. Và có lẽ nàng không muốn gọi lại cho nàng và cả che tôi nữa, những hình ảnh cũ, những kỷ niệm, tâm tình cũ. Nàng không còn hiện ra giữa tiếng nhạc huyền diệu nữa. Nàng đã rút xuống vực sâu của tuyệt vọng, của hố thẳm cuộc đời.

Ngày xưa nàng thường nói với tôi là cuộc đời nàng mang nhiều bất hạnh. Và nàng cứ nhắc

LỚP NHẠC FLAMENC

— Lớp nhạc căn bản của các bạn yêu nghệ thuật.

— Thời gian ngắn, kết quả mỹ mãn.

do G.S. Đào Kim tốt nghiệp trường Q.G.Á.N, hướng dẫn.

Ghi tên : 205-1 Cộ Giang -- Phú Nhuận

CHIẾN TRANH

đi, nhắc lại cái cuộc đời bất hạnh của nàng. Cái bất hạnh mà nàng gán cho cuộc sống của nàng khi trước chỉ là một sự cô đơn trong tình cảm. Nhưng nàng còn có tiếng đàn để giải tỏa nỗi buồn cô độc. Nay thì bất hạnh mới thực sự đến với nàng. Mất đi một cánh tay mất đi vạ âm thanh réo rắt và mất đi một hạnh phúc mà nàng đã từng ước mơ...

Nàng bây giờ đã giam mình trong tu viện. Tôi không tiếc

thương gì cả trong quyết định này của nàng. Như vậy là phải lắm. Chỉ có đau khổ thực sự mới làm cho nàng bị bao phủ một màn vô minh đen tối. Mất đi âm thanh tức là tấm màn che đã được kéo lên. Nàng đã nhìn thấy sự thật. Bỏ đi cuộc sống cũ là phải. Tôi mừng cho nàng đã tìm được chân lý. Còn tôi, ngày xưa cô đơn vì không có tình yêu, ngày nay vẫn tiếp tục cô đơn vì tình yêu đã chết. Tất cả đều trở thành một giấc mơ hải hùng..

Cung-Chúc Tân-Xuân

Tinh thần suy kém. — Đàn Ông cũng như Đàn Bà.

Đã có sẵn thuốc BỔ-THẬN

Sâm Nhung Dược Tinh

Hiệu ÔNG GIÀ

Trữ bán khắp nơi.

Viện-Đông Dược-Hàng

115 Đường Phùng-Hung CHOLON
K.N. 75 : 674/B Y.T. ngày 17.1.64

**Muốn cho tủ sách của bạn
thật đầy đủ và thêm giá trị!**

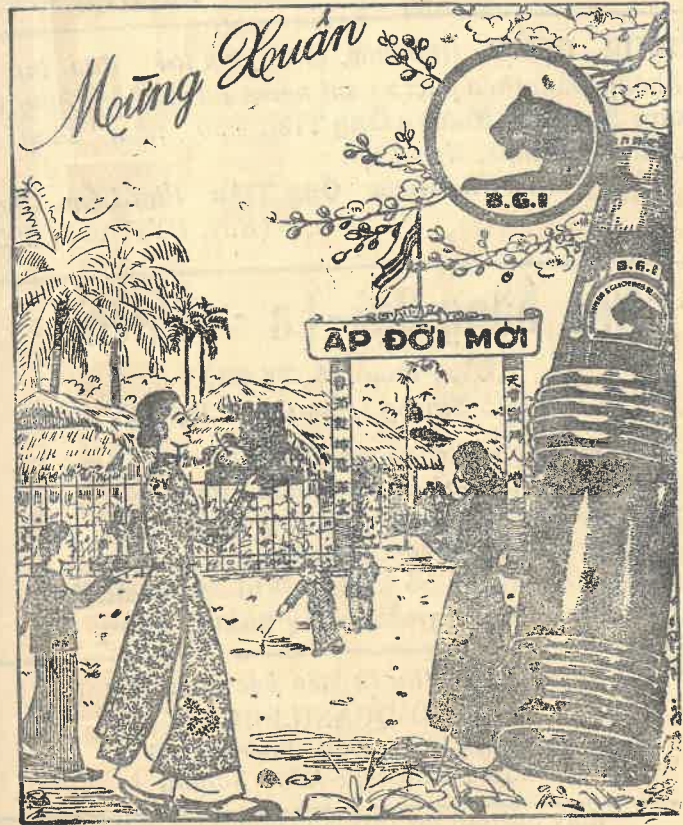
bạn nên mua ngay :

- Giáo dục hôn nhân, của Kim Phượng
- Ai tình nam nữ thời đại (tức
- Giáo dục hôn nhân) quyển II —
- Tương tư hạnh phúc.
- Vết thương kỷ-niệm.
- Tiếng hát nhân ngư Nguyễn-Vũ
- Đêm hưu chiến —
- Chết không nhắm mắt —
- Tình cao thượng Nguyễn-mạnh-Côn,
- Bà chúa Tám cửa ngục Nguyễn-thụy-Long.
- Sơn môi còn thắm, quyển I Nghiêm-lệ-Quân
- Sơn môi còn thắm, quyển II —
- Đứa con so —
- Toán hình học, Đệ Nhất B Nguyễn-văn-kỹ-
Cười g

do nhà phát hành

Đồng Nai xuất bản

Kính chúc QUÝ VỊ KHÁCH HÀNG



một năm mới đây
Thịnh vượng và hạnh phúc

ĐẸP NHẤT

Cung Cấp Tươi - Khỏe

369 L. TRUONG + MINH + GIANG

DIEN THAI : 41379

BINH GIANG

A detailed illustration of a cow standing in a field, facing right. The cow is rendered in a dark, textured style, and the background shows a simple landscape with a horizon line.

Gần đến kinh kỳ, Bản thân đã dợt hay là đang bàn
tình mà đau bụng, uống **Lôi Công Hoàn « Ông Tiên ».** Hà
tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228 Lê-thánh-Gôn. **Nhà thuốc**
« Ông-Tiên » Phú-Lâm Cholon.

K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới
đó không phải thoa phết sơ sai ngoài da mà hết. Uống **Giải**
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên » 30 năm sáng lập.
Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.

Nhà thuốc **Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon**
(K.N, BYT. số 3—9-5-63)

Nhà hàng Đại - La : Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31=33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ✱ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- ✱ Có máy điều hòa không khí

Ở lâu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Bưu-phiếu hay thư từ tiền bạc xin đề :

Ô. NGÔ-QUANG-PHƯỚC

TY QUẢN-LÝ TẠP-CHÍ PHỒ-THÔNG

231 Phạm-ngũ-Lão Saigon

Giấy phép số 292 CDV/TT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản-nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

THU LÂM ĂN THU QUÁN
231 Phạm - Ngũ - Lão - SAIGON
Đ. T: 25.861

GIÁ : 60 đồng
Công sở : 120 đồng